

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là, học viên lớp Cao học lớp 26A, chuyên ngành Quản lý Giáo dục. Tôi cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của - Trường Đại học sư phạm. Các số liệu, kết quả nghiên cứu khảo sát thực trạng nêu trong luận văn đều là trung thực; các tài liệu tham khảo, trích dẫn đều có nguồn gốc xác thực, xuất phát từ các phương pháp nghiên cứu đã trình bày trong luận văn.

Tôi cam kết xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về toàn bộ nội dung luận văn này.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2022

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến:

Trường Đại học sư phạm, các giảng viên, các nhà sư phạm, các nhà khoa học đã tham gia quản lý, giảng dạy, tạo điều kiện cho tôi tham gia khoá học này. Tôi xin cảm ơn các thầy cô giáo đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ, cung cấp tài liệu, hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến **TS. Nguyễn Đình Yên**, người Thầy đã tận tình hướng dẫn, định hướng đề tài, định hướng các vấn đề nghiên cứu. Thầy đã động viên và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý thầy cô là lãnh đạo, chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên, Quý thầy cô là Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn, giáo viên của các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên,... đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp số liệu và tư vấn khoa học cho tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đã động viên, khích lệ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Tôi đã tâm huyết và cố gắng đầu tư để hoàn thành luận văn nhưng chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được lời nhận xét, góp ý, sự chia sẻ của Hội đồng khoa học, của quý thầy cô và các bạn đồng nghiệp để luận văn của tôi được hoàn thiện hơn.

Trân trọng!

Tác giả

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết nghiên cứu	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Phạm vi giới hạn nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc của đề tài	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON	6
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	6
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài	6
1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam	8
1.2. Một số khái niệm cơ bản	11
1.2.1. Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường	11
1.2.2. Khái niệm kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	15
1.2.3. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở các trường mầm non	19
1.3. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non	20
1.3.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non	20
1.3.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	23

1.4. Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non	29
1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của hiệu trưởng trong quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	29
1.4.2. Nội dung quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ	30
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	36
1.5.1. Các yếu tố khách quan	36
1.5.2. Các yếu tố chủ quan	38
Kết luận chương 1	42
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN	44
2.1. Giới thiệu tổng quan về khảo sát thực trạng	44
2.1.1. Mục đích khảo sát	44
2.1.2. Nội dung khảo sát	44
2.1.3. Đối tượng khảo sát	44
2.1.4. Phương pháp khảo sát	46
2.1.5. Địa bàn, thời gian khảo sát	46
2.2. Khái quát tình hình kinh tế, xã hội và giáo dục của TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	47
2.2.1. Khái quát tình hình kinh tế, xã hội của thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	47
2.2.2. Tình hình giáo dục của TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	48
2.3. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	54
2.3.1. Nhận thức của cán bộ, giáo viên và phụ huynh về vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên	-
Tỉnh Thái Nguyên	54

2.3.2. Thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	57
2.3.3. Sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	60
2.3.4. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	63
2.4. Thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên	64
2.4.1. Quản lý xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên	64
2.4.2. Quản lý nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	67
2.4.3. Quản lý cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	68
2.4 4. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	70
2.5. Đánh giá chung về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	72
2.5.1. Những kết quả đạt được	73
2.5.2. Những hạn chế, thiếu sót	73
2.5.3. Nguyên nhân thực trạng	75
Kết luận chương 2	76

Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	78
3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu	78

3.1.2. Đảm bảo yêu cầu của thực tiễn	79
3.1.3. Đảm bảo tính toàn diện	79
3.2. Biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	80
3.2.1. Biện pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	80
3.2.2. Biện pháp tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	84
3.2.3. Biện pháp chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra	87
3.2.4. Biện pháp phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	89
3.2.5. Biện pháp đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non	93
3.2.6. Biện pháp thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên	94
3.3. Khảo nghiệm về mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp	99
3.3.1. Mục đích khảo nghiệm	99
3.3.2. Nội dung khảo nghiệm	99
3.3.3. Phương pháp khảo nghiệm	99
3.3.4. Đánh giá kết quả khảo nghiệm	100
Kết luận chương 3	104
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	106
TÀI LIỆU THAM KHẢO	109
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	BP	Biện pháp
2.	CB	Cán bộ
3.	CBQL	Cán bộ quản lý
4.	ĐTB	Điểm trung bình
5.	ĐTKS	Đối tượng khảo sát
6.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
7.	GDKNS	Giáo dục kỹ năng sống
8.	GV	Giáo viên
9.	GVMN	Giáo viên mầm non
10.	KNS	Kỹ năng sống
11.	MN	Mầm non
12.	PH	Phụ huynh
13.	SL	Số lượng
14.	TB	Trung bình
15.	TP	Thành phố

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Mẫu đối tượng khảo sát thực trạng	44
Bảng 2.2.	Cơ cấu độ tuổi đội ngũ giáo viên, CBQL các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên	45
Bảng 2.3.	Cơ cấu tuổi nghề đội ngũ giáo viên, CBQL trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	45
Bảng 2.4.	Cơ cấu trình độ chuyên môn đội ngũ giáo viên, CBQL trường mầm non TP Thái Nguyên	46
Bảng 2.5.	Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh về vai trò của giáo dục KNS cho trẻ	55
Bảng 2.6.	Ý kiến CB, GV về nội dung giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên	58
Bảng 2.7.	Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về sử dụng phương pháp giáo dục KNS cho trẻ	60
Bảng 2.8.	Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về hình thức giáo dục KNS cho trẻ	61
Bảng 2.9.	Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi	63
Bảng 2.10.	Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi	65
Bảng 2.11.	Đánh giá của CBQL, giáo viên về tổ chức thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS cho trẻ	67
Bảng 2.12.	Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi	68
Bảng 2.13.	Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non	71
Bảng 3.1.	Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi	100
Bảng 3.2.	Kết quả khảo nghiệm mức độ khả thi của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi	101

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 3.1.	Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường trên địa bàn TP Thái Nguyên	99
Biểu đồ 3.1.	Mối tương ở quan giữa tính cần thiết và khả thi của các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, mầm non là bậc học có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở nền tảng ban đầu cho việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của con người, tạo nền móng vững chắc cho trẻ bước vào các lớp học, bậc học tiếp theo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Vậy làm thế nào để phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nước nhà luôn là nhiệm vụ chính trị được Đảng ta đặc biệt quan tâm, là một trong những nội dung quan trọng trong văn kiện của các kỳ Đại hội Đảng.

Nghị quyết trung ương 8 khóa XI đã đề cập đến việc Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng xác định: “Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, mầm non là bậc học có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở nền tảng ban đầu cho việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của con người, tạo nền móng vững chắc cho trẻ bước vào các lớp học, bậc học tiếp theo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Cùng với các bậc học khác, giáo dục mầm non phải đổi mới căn bản và toàn diện, nhằm “Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một”. Để đạt được mục tiêu ấy, đòi hỏi ngành giáo dục phải có một đội ngũ giáo viên luôn đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý, có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn sư phạm, có khả năng tổ chức quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục mầm non nói riêng và mục tiêu giáo dục của nước nhà nói chung.

Việc giáo dục KNS cho trẻ ở giai đoạn lứa tuổi mầm non có vai trò quan trọng. Đặc biệt đối với trẻ ở lứa tuổi 5- 6 tuổi giai đoạn này chính là thời điểm bước ngoặt, là sự kiện quan trọng khiến các nhà giáo dục cần quan tâm, một mặt là để giúp trẻ hoàn thiện những thành tựu phát triển tâm lý trong suốt thời kỳ mẫu giáo, mặt khác là sự chuẩn bị tích cực cho trẻ đủ điều kiện để làm quen dần với hoạt động học tập và cuộc sống ở trường phổ thông, để trẻ bước vào lớp 1 với sự tự tin, thích nghi nhanh chóng với môi trường giáo dục mới thì việc chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý đến học

tập ở

trường tiểu học là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của giai đoạn giáo dục mẫu giáo nói chung và trẻ ở lứa tuổi 5 - 6 tuổi nói riêng. Trẻ bước vào trường học ngoài mặt tâm lý, vốn tri thức nhất định về thế giới xung quanh thì phải có các chuẩn mực hành vi đạo đức, kỹ năng cần thiết giúp trẻ nhanh chóng gia nhập vào tập thể lớp, tìm được vị trí của mình trong tập thể đó, có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động. Chất lượng, hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ em mầm non tùy thuộc vào nhiều yếu tố gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt phụ thuộc trực tiếp vào quản lý của các nhà quản lý trong nhà trường MN. Tăng cường thay đổi và người có trình độ quản lý đồng thời là nâng cao hiệu quả giáo dục KNS, hình thành được KNS phù hợp cho trẻ em trong các trường MN. Vì vậy nghiên cứu để đưa ra được các giải pháp quản lý phù hợp vì trong lĩnh vực quản lý giáo dục MN còn rất thiếu. Do vậy, việc giáo dục KNS và quản lý giáo dục KNS cho trẻ mầm non và đặc biệt với trẻ 5 - 6 tuổi có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nếu như hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng sống phụ thuộc trực tiếp vào người hướng dẫn - người dạy và người học thì việc quản lý nó chính là đường hướng, là kim chỉ nam để hoạt động giáo dục kỹ năng sống được phát triển và thực sự có ích. Vì vậy để hoạt động giáo dục kỹ năng sống mang lại hiệu quả, có chất lượng, đi đúng đường thì cần có một la bàn tốt - đó chính là chiến lược quản lý nó.

Hiện nay, giáo dục kỹ năng sống và quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non đã được nhiều nhà khoa học, luận án, luận văn, bài báo khoa học quan tâm, nghiên cứu với cách tiếp cận của các chuyên ngành khác nhau. Các công trình trên rất đa dạng, phong phú, đã phân tích vấn đề giáo dục kỹ năng sống và quản lý giáo dục kỹ năng sống dưới nhiều góc độ, đã làm rõ được nhiều vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục kỹ năng sống, cũng như quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, trẻ ở các cấp học. Tuy nhiên, còn có rất ít những công trình quan tâm giải quyết vấn đề giáo dục kỹ năng sống và quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu đề tài: **“Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên”** là hết sức cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy học trong giáo dục

mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng về quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh TN, luận văn đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên- Tỉnh Thái Nguyên, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở các trường mầm non.

3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non thành phố Thái Nguyên đã được thực hiện nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế, nếu đề xuất được các biện pháp quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi một cách khoa học và phù hợp với tâm sinh lý giáo dục trẻ sẽ nâng cao hiệu quả quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu, hệ thống hóa lý luận về quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non.

5.2. Khảo sát đánh giá đúng thực trạng quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

5.3. Đề xuất và khảo nghiệm sự phạm biện pháp quản lí giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

6. Phạm vi giới hạn nghiên cứu

6.1. Giới hạn về đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

6.2. Chủ thể quản lý

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng các trường mầm non.

6.3. **Giới hạn thời gian nghiên cứu:** tháng 8/2019 đến tháng 4/2020.

6.4. **Giới hạn khách thể khảo sát:** Các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu, tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra: thực hiện điều tra xã hội học đối với cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, chuyên viên giáo dục, để làm cơ sở đánh giá thực trạng, tìm ra nguyên nhân và đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

- Phương pháp quan sát: quan sát việc quản lý các buổi họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn. Quan sát hoạt động dạy học, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho trẻ của giáo viên.

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm: hệ thống sổ sách của cán bộ quản lý và kế hoạch học tập công tác của giáo viên, trong đó chú trọng đến kế hoạch công tác của cán bộ quản lý nhà trường.

- Phương pháp phỏng vấn: tọa đàm, trao đổi với cán bộ quản lý, chuyên viên giáo dục và giáo viên từ đó rút ra những kết luận cần thiết.

- Phương pháp chuyên gia: xin ý kiến các nhà khoa học, nhà quản lý về một số vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến việc nghiên cứu đề tài.

7.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu, kết quả nghiên cứu thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

8. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và đề nghị, Danh mục các công trình có liên quan đến luận văn, Tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn dự kiến gồm có 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non.

Chương 2: Thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Thái Nguyên.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, “Kỹ năng sống” đã xuất hiện trong một số chương trình giáo dục của UNICEF, trước tiên là chương trình giáo dục những giá trị sống với 12 giá trị cơ bản cần được giáo dục cho thế hệ trẻ. Những nghiên cứu về KNS trong giai đoạn này mong muốn thống nhất được một quan niệm chung về KNS cũng như đưa ra được một bảng danh mục các KNS cơ bản mà thế hệ trẻ cần có. Phần lớn các công trình nghiên cứu về KNS ở giai đoạn này quan niệm về KNS theo nghĩa hẹp, đồng nhất nó với các kỹ năng xã hội. Dự án do UNESCO tiến hành tại một số nước trong đó có các nước Đông Nam Á là một trong những nghiên cứu có tính hệ thống và tiêu biểu cho hướng nghiên cứu về KNS nêu trên [2].

Do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và xu thế hội nhập cùng phát triển của các quốc gia nên hệ thống giáo dục của các nước đã và đang thay đổi theo định hướng khơi dậy và phát huy tối đa các tiềm năng của người học; đào tạo một thế hệ năng động, sáng tạo, có những năng lực chủ yếu (như năng lực thích ứng, năng lực tự hoàn thiện, năng lực hợp tác, năng lực hoạt động xã hội) để thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội. Theo đó, vấn đề giáo dục KNS cho thế hệ trẻ nói chung, cho trẻ mầm non nói riêng được đông đảo các nước quan tâm. Kế hoạch hành động Dakar về giáo dục cho mọi người (tại Senegal năm 2000) yêu cầu mỗi quốc gia cần đảm bảo cho người học được tiếp cận chương trình giáo dục KNS phù hợp. Trong giáo dục hiện đại, KNS của người học là một tiêu chí về chất lượng giáo dục. Do đó, khi đánh giá chất lượng giáo dục phải đánh giá KNS của người học. Mặc dù, giáo dục KNS cho trẻ đã được nhiều nước quan tâm và cùng xuất phát từ quan niệm chung về KNS của Tổ chức y tế thế giới hoặc của UNESCO, nhưng quan niệm và nội dung giáo dục KNS ở các nước không giống nhau. Ở một số nước, nội hàm của khái niệm KNS được mở rộng, trong khi một số nước khác xác định nội hàm của khái niệm KNS chỉ gồm những khả năng tâm lí, xã hội.

Giáo dục KNS được triển khai ở các nước vừa thể hiện cái chung vừa mang tính đặc thù của từng quốc gia. Mặt khác, ngay trong một quốc gia, nội dung giáo dục KNS trong lĩnh vực giáo dục chính quy và không chính quy cũng có sự khác nhau. Trong giáo dục không chính quy ở một số nước, những kỹ năng cơ bản như đọc, viết, nghe, nói được coi là những KNS cơ sở trong khi trong giáo dục chính quy, các KNS cơ bản lại được xác định phong phú hơn theo lĩnh vực quan hệ của cá nhân.

Từ năm 1997 tại Lào, KNS được thể hiện trong các ngữ cảnh cụ thể, liên quan đến giáo dục phòng tránh HIV/AIDS, được lồng ghép vào chương trình giáo dục chính quy, không chính quy và các trường sư phạm đào tạo giáo viên. Tại Campuchia có quan niệm KNS là năng lực mà con người cần phải có để nâng cao các điều kiện sống có hiệu quả nhằm phát triển quốc gia. Trong chương trình giáo dục của Malaysia những năm gần đây, KNS được coi như là một môn học, mục tiêu của môn học này là cung cấp cho trẻ những kỹ năng thực tế cơ bản để họ có thể thực hiện các nhiệm vụ và có xu hướng kinh doanh.

Tháng 12 năm 2003 tại Bali - Indonesia đã diễn ra hội thảo về giáo dục KNS trong giáo dục với sự tham gia của 15 nước. Qua báo cáo của các nước cho thấy có nhiều điểm chung, nhưng có những nét riêng trong giáo dục KNS: Thái Lan nhìn nhận một cách khái quát KNS là khả năng của cá nhân có thể giải quyết những vấn đề trong đời sống hàng ngày để an toàn và hạnh phúc. Quan niệm của Ấn Độ KNS là những khả năng giúp tăng cường sự lành mạnh về tinh thần và năng lực của con người. Nepal thì coi KNS như là một phương thức để ứng phó hay là những kỹ năng cần thiết để tồn tại. Tại Philipine KNS là những năng lực thích nghi và tích cực của hành vi giúp cho cá nhân có thể ứng phó một cách hiệu quả với những yêu cầu, những thay đổi, những trải nghiệm và tình huống của đời sống hàng ngày [11].

Tổ chức Y tế Thế giới (viết tắt là WHO) định nghĩa: *“Khả năng có hành vi thích ứng và tích cực giúp cá nhân giải quyết có hiệu quả với những đòi hỏi và thách thức cuộc sống hàng ngày”*. Đồng thời, coi kỹ năng sống là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề,

những tình huống của cuộc sống hàng ngày [34].

1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Trong giai đoạn đầu tiên, khái niệm KNS được giới thiệu trong chương trình này chỉ bao gồm những KNS cốt lõi như kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng kiên định và kỹ năng đạt mục tiêu. Ở giai đoạn này, chương trình chỉ tập trung vào các chủ đề giáo dục sức khỏe của thanh thiếu niên. Giai đoạn 2 của chương trình mang tên “Giáo dục sống khỏe mạnh và KNS”. Trong giai đoạn này nội dung của khái niệm KNS và giáo dục KNS đã được phát triển sâu sắc hơn.

Kể từ năm học 2008 - 2009, Bộ GD&ĐT đã phát động phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” ở tất cả các trường phổ thông trên toàn quốc, nhằm mang lại cho trẻ một môi trường giáo dục an toàn thân thiện, hiệu quả, phù hợp điều kiện địa phương và đáp ứng nhu cầu xã hội. Hướng ứng phong trào này, Trung tâm Giáo dục môi trường và các vấn đề xã hội đã phối hợp với Ban dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động nhằm hỗ trợ triển khai đến cơ sở một số nội dung thiết thực. Một trong những hoạt động đó là chương trình tập huấn giáo dục KNS và bình đẳng giới, được tổ chức tại Hà Nội tháng 10 năm 2008 cho các giáo viên cốt cán của một số trường trung học phổ thông thuộc 11 tỉnh phía Bắc trong đó có Tỉnh Thái Nguyên. Qua đợt tập huấn này, giáo viên biết cách hình thành cho trẻ các kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đặt mục tiêu, giáo viên biết cách giúp trẻ hiểu kỹ hơn về giới và bình đẳng giới cùng các tri thức thiết yếu để hiểu biết bản thân, tự bảo vệ mình và hòa nhập cộng đồng.

Các chương trình giáo dục kỹ năng sống do Bộ Giáo dục & Đào tạo thực hiện:

Ngay từ đầu những năm 90 tổ chức UNESCO đã có dự án dành cho nhóm hưởng lợi là phụ nữ biết đọc, biết viết hạn chế (từ năm 1990 - 1992).

Chương trình xóa mù chữ và tăng thu nhập cho phụ nữ từ 1996 - 2000 do UNICEF tài trợ nhằm giáo dục kỹ năng sống cho phụ nữ miền núi. Hiện nay chương trình này vẫn tiếp tục triển khai và mang tên là “Truyền thông và tăng thu nhập”.

Chương trình hỗ trợ rủi ro, tai nạn cho trẻ em và phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long (do UNICEF hỗ trợ, 2000 - 2001).

Ngoài ra, còn có rất nhiều các chương trình giáo dục kỹ năng sống khác nữa do: *Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em* cũng như các chương trình giáo dục kỹ năng sống do các tổ chức quốc tế trực tiếp triển khai với các đối tác ở địa phương.

Giáo dục kỹ năng sống là vấn đề cần thiết cho mọi đối tượng, ở mọi nơi. Tuy nhiên do nhận thức, thiếu nguồn lực và kinh nghiệm nên việc triển khai giáo dục kỹ năng sống một cách có ý thức, có hệ thống và có hiệu quả ở Việt Nam còn hạn chế.

Một số chương trình/ dự án do các tổ chức quốc tế triển khai ở Việt Nam có nội dung giáo dục kỹ năng sống hoặc tiếp cận kỹ năng sống chủ yếu hướng vào những nhóm đối tượng cho là có nguy cơ, còn thiếu kinh nghiệm đó là nhóm vị thành niên, nhóm yếu như phụ nữ và trẻ em gái, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Như vậy đối tượng được tiếp cận các chương trình giáo dục kỹ năng sống còn hạn chế, phiến diện.

Trong lĩnh vực giáo dục chính quy với những đổi mới về nội dung và phương pháp đã khắc phục lối dạy truyền thụ kiến thức và lối học tiếp nhận kiến thức một cách thụ động, mới chỉ làm thay đổi phương pháp tư duy cho trẻ, góp phần hình thành tư duy phê phán và tư duy sáng tạo - với tư cách cũng là kỹ năng sống. Nhưng để giáo dục kỹ năng sống có hiệu quả cần tăng cường tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống và tiếp cận kỹ năng sống trong dạy học hơn nữa. Rất tiếc là trong các mục tiêu và chương trình hành động giáo dục cho mọi người chưa đề cập chuyên biệt đến vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

Mặc dù đã có tương đối nhiều chương trình, dự án thực hiện, triển khai và tài trợ trong việc giáo dục kỹ năng sống nói chung và kỹ năng sống cho trẻ em nói riêng nhưng cho tới thời điểm hiện tại có rất ít các công trình nghiên cứu mang tính khoa học về thực trạng giáo dục kỹ năng sống cũng như nhu cầu được giáo dục kỹ năng sống của trẻ mầm non.

Tác giả Nguyễn Thanh Bình “*Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*”, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2011 [2]. Tác giả đã đề cập đến một số vấn đề chung về kỹ năng sống như: quan niệm về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống, khái quát giáo dục kỹ năng sống ở một số nước trong khu vực, thực trạng giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam. Bên cạnh đó giáo trình đã nêu lên một số chủ đề giáo dục những kỹ năng sống cốt lõi.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010), cuốn “*Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*”, Nhà xuất bản

Đại học

Quốc gia Hà Nội [26]. Cuốn sách đã khái quát đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non, những vấn đề chung về giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; đồng thời, cuốn sách cũng đưa ra một số trò chơi để giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

Sách: “*Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ mầm non*”, của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), do Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội phát hành [6]. Cuốn sách đã trình bày nội dung, hình thức rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ mầm non để giáo viên, phụ huynh học sinh tham khảo và có thể áp dụng vào quá trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

Một trong những người đầu tiên có những nghiên cứu mang tính hệ thống về KNS và giáo dục KNS ở Việt Nam là tác giả Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Công Khanh. Với một loạt các bài báo, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và giáo trình, tài liệu tham khảo [2, 14, 22], các tác giả đã góp phần đáng kể vào việc tạo ra những hướng nghiên cứu về KNS và giáo dục KNS ở Việt Nam.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2012), trong cuốn sách “*Phương pháp giáo dục giá trị sống và KNS cho trẻ trung học phổ thông*”, các tác giả đã tập trung nghiên cứu, luận giải vấn đề lồng ghép giữa giáo dục giá trị sống và KNS, trong đó giáo dục giá trị sống được coi là nền tảng, còn KNS là công cụ và phương tiện để tiếp nhận và thể hiện. Nghiên cứu của các tác giả đã giúp cho giáo viên trung học phổ thông định hướng tổ chức thực hiện giáo dục KNS trong nhà trường, theo đó, giáo viên có thể tổ chức các giờ dạy hay hoạt động giáo dục KNS một cách riêng biệt hoặc lồng ghép việc giáo dục KNS vào trong dạy học các môn học mà giáo viên đó đang đảm nhận [27].

Tác giả Nguyễn Công Khanh (2012), trong cuốn “*Phương pháp giáo dục giá trị sống, KNS*” [22], tác giả đã nghiên cứu đề xuất biện pháp đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giáo dục và phát triển KNS đáp ứng nhu cầu, hứng thú và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh.

Các công trình nghiên cứu về KNS đã miêu tả đầy đủ, sinh động, hệ thống về tiếp cận và thực hiện giáo dục KNS cho học sinh. Giáo dục KNS mặc dù đã được định hướng trong mục tiêu, nội dung và chương trình giáo dục, song việc thực hiện hoạt động này trong các trường mầm non còn rất nhiều hạn chế. Chủ yếu là giáo dục thông qua các môn học trên lớp, chưa có nhiều nghiên cứu và đề ra biện pháp cụ thể

trong

việc định hướng giáo dục và rèn KNS trong các hoạt động khác.

Từ năm 2010 đến nay, nhiều tác giả đã chọn các đề tài có liên quan đến quản lý giáo dục KNS cho trẻ để nghiên cứu, như Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2012), đưa ra Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ trung học phổ thông.

Tóm lại, giáo dục KNS cho trẻ và quản lý giáo dục KNS cho trẻ trong nhà trường đã được nhiều nhà khoa học, nhiều luận án, luận văn, bài báo khoa học quan tâm, nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, đã làm rõ được nhiều vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục KNS, cũng như quản lý giáo dục KNS cho học sinh. Tuy nhiên, còn ít công trình quan tâm nghiên cứu về giáo dục KNS và quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Chính vì vậy, tác giả chọn vấn đề **“Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên”** là không trùng lặp với các công trình đã nghiên cứu trước đây và có ý nghĩa lý luận, thực tiễn.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường

1.2.1.1. Quản lý

Quản lý là một chức năng lao động bắt nguồn từ tính chất lao động của xã hội loài người. Từ khi con người bắt đầu hình thành các nhóm để thực hiện những mục tiêu mà họ không thể đạt được với tư cách là những cá nhân riêng lẻ, thì nhu cầu quản lý cũng hình thành như một yếu tố cần thiết để phối hợp những nỗ lực cá nhân hướng tới những mục tiêu chung. Bàn về quản lý, cho đến nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau, có thể kể đến:

Henry Fayol quan niệm: Quản lý là một tiến trình bao gồm tất cả các khâu: lập kế hoạch, tổ chức, phân công điều khiển và kiểm soát các nỗ lực của cá nhân, bộ phận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất khác của tổ chức để đạt được mục tiêu đề ra.

Stephen Robbins quan niệm: Quản lý là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát những hành động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả các nguồn lực khác của tổ chức nhằm đạt được mục tiêu quản lý đã đặt ra.

Theo từ điển tiếng Việt (nghĩa 2): “Quản lý là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo yêu cầu nhất định”.

Tác giả Nguyễn Bá Sơn quan niệm: “Quản lý là tác động có mục đích đến tập thể những con người để tổ chức và phối hợp hoạt động của họ trong quá trình lao động” [31, tr.15].

Mặc dù có rất nhiều cách tiếp cận và khái niệm khác nhau về quản lý, song nhìn chung các định nghĩa đều thể hiện:

Quản lý là một hoạt động luôn có trong quá trình lao động xã hội. Lao động quản lý là điều kiện quan trọng làm cho xã hội loài người tồn tại và phát triển.

Quản lý là một hoạt động được tiến hành trong một tổ chức hay một hệ thống xã hội.

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường. Tính mục đích là thuộc tính vốn có trong hoạt động xã hội, đặc biệt là trong hoạt động quản lý.

Quản lý là những tác động phối hợp nỗ lực của các cá nhân nhằm thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Bởi thế, trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý, người cán bộ quản lý phải hết sức linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo để chỉ đạo hoạt động của tổ chức một cách khoa học nhằm đạt được mục đích đề ra của tổ chức.

Qua phân tích, lý giải về quản lý của các nhà khoa học, tác giả tiếp cận khái niệm quản lý như sau: *Quản lý là quá trình tác động của chủ thể quản lý thông qua hoạt động (chức năng) kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý đặt ra.*

Từ khái niệm về quản lý cho thấy quản lý có bốn chức năng cơ bản là kế hoạch; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra đánh giá.

Chức năng kế hoạch hóa: là đưa toàn bộ hoạt động vào kế hoạch, có nghĩa là xác định mục tiêu, mục đích đối với thành tựu tương lai của tổ chức và các con đường, biện pháp để đạt mục tiêu, mục đích đó. Nhờ có kế hoạch mà một tổ chức có thể nhận ra và tận dụng được cơ hội của môi trường, giúp nhà quản lý ứng phó với sự bất định và thay đổi của môi trường, dự đoán các biến đổi và xu hướng trong tương lai, thiết lập các mục tiêu và lựa chọn các chiến lược để theo đuổi mục tiêu, phát triển tinh thần làm việc tập thể. Kế hoạch còn giúp các nhà quản lý thực hiện việc kiểm tra tình hình thực

hiện các mục tiêu thuận lợi và dễ dàng.

Chức năng tổ chức: nhằm thiết lập một hệ thống các vị trí cho mỗi cá nhân và bộ phận sao cho các cá nhân và bộ phận đó có thể phối hợp với nhau một cách tốt nhất để thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Chức năng chỉ đạo: chủ thể sử dụng quyền lực quản lý của mình ra quyết định và tổ chức cho các phần tử trong tổ chức thực hiện quyết định để đạt mục tiêu quản lý đã đề ra.

Chức năng kiểm tra đánh giá: là việc giúp nhà quản lý phát hiện các sai sót, khiếm khuyết của tổ chức trong hoạt động để có giải pháp xử lý, điều chỉnh, tận dụng các nguồn lực để sớm đưa tổ chức đạt đến mục tiêu.

Các chức năng quản lý tạo thành một chu trình quản lý, mỗi chức năng vừa có tính độc lập tương đối, vừa có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Trong quá trình quản lý, yếu tố thông tin luôn có mặt trong tất cả các giai đoạn với vai trò vừa là điều kiện, vừa là phương tiện để tạo điều kiện cho chủ thể quản lý thực hiện các chức năng quản lý và đưa ra các quyết định quản lý. Đối với giáo dục ở nhà trường thì người quản lý giáo dục cần nghiên cứu nắm chắc các chức năng quản lý để duy trì bảo đảm cho hoạt động giáo dục của nhà trường diễn ra một cách nhịp nhàng và đạt kết quả mong đợi.

1.2.1.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục còn được hiểu một cách cụ thể là quản lý một hệ thống giáo dục, một trường học, một cơ sở giáo dục, có thể là một trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, một tập hợp các cơ sở giáo dục trên địa bàn dân cư. Quản lý giáo dục được hiểu là những tác động tự giác, có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật của chủ thể quản lý quản lý đến tất cả mắt xích của hệ thống từ cấp cao nhất đến các cơ sở giáo dục nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ mà xã hội đặt ra cho ngành giáo dục.

Bàn về quản lý giáo dục, nhóm tác giả Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006) cho rằng “Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý nhằm cho hệ vận hành theo đường lối, nguyên lý giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục với thế hệ trẻ và với từng học sinh”[16].

Tác giả Trần Kiêm (2012), cho rằng: Quản lý giáo dục là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp qui luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học - giáo dục thế hệ trẻ, đưa giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất [23]. Từ cách tiếp cận về quản lý và quản lý giáo dục của các nhà khoa học, theo tác giả: *Quản lý giáo dục chính là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý, nhằm đưa hoạt động giáo dục ở cấp vĩ mô và vi mô (nhà trường) trong hệ thống giáo dục quốc dân, đạt tới kết quả mong đợi một cách hiệu quả nhất.*

Qua khái niệm cho thấy quản lý giáo dục là sự tác động của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong lĩnh vực giáo dục, hay quản lý giáo dục là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ sở giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Quản lý giáo dục ở nhà trường là quản lý hoạt động của người dạy, người học và quản lý các tổ chức sự phạm ở các cơ sở khác nhau trong việc thực hiện các kế hoạch, chương trình GD&ĐT nhằm đạt được các mục tiêu GD&ĐT đặt ra.

1.2.1.3. Quản lý nhà trường

Quản lý trường học là một bộ phận của QLGD. QL nhà trường là một hệ thống những tác động sự phạm khoa học và có tính định hướng của chủ thể QL đến tập thể GV, HS và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm làm cho nhà trường vận hành theo đúng đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng trong thực tiễn Việt Nam. Người QL nhà trường phải làm sao cho hệ thống các thành tố vận hành chặt chẽ với nhau, đưa đến kết quả mong muốn.

Quản lý nhà trường thực chất là quản lý lao động sự phạm của thầy, hoạt động học tập tự giáo dục của trò, diễn ra chủ yếu trong quá trình dạy học. Quản lý nhà trường là quản lý tập thể giáo viên và học sinh để chính họ lại quản lý quá trình dạy - học, nhằm tạo ra sản phẩm là nhân cách con người mới. Đồng thời, quản lý nhà trường còn bao gồm quản lý đội ngũ, tổ chức hoạt động của các đoàn thể trong trường, quản lý cơ sở vật chất, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, học sinh...

Quản lý nhà trường phải quản lý toàn diện, hợp lý, hợp quy luật và khoa học. Hiệu quả giáo dục của nhà trường phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của nhà trường, sự

hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Muốn quản lý có hiệu quả, người quản lý phải xem xét đến những điều kiện đặc thù của nhà trường, chú trọng tới việc cải tiến công tác quản lý để các hoạt động của nhà trường có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục. Trọng tâm của công tác quản lý nhà trường là:

Thứ nhất, chỉ đạo thực hiện theo hướng dẫn của cấp trên, theo đúng chương trình và phương pháp quản lý luôn được cải tiến thì chất lượng ngày một nâng cao.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên và tập thể trẻ dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt. Tạo bầu không khí sư phạm vui vẻ, thoải mái, đoàn kết, tương thân, tương ái và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Thứ ba, quản lý tốt việc học tập của trẻ theo quy chế của Bộ GD&ĐT, quản lý cả thời gian và chất lượng học tập, quản lý trẻ tốt thì chất lượng sẽ cao.

Thứ tư, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhằm phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập, giáo dục học sinh. Thường xuyên kiểm tra, bổ sung thêm những thiết bị theo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục.

Thứ năm, quản lý nguồn tài chính của trường theo đúng nguyên tắc tài chính của Nhà nước và của ngành giáo dục, đồng thời biết động viên, thu hút các nguồn tài chính khác để mua sắm thêm thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học.

Thứ sáu, quản lý thi đua khen thưởng, đề bạt cán bộ kế cận, nâng bậc lương, chuyển ngạch, nâng hạng cho cán bộ, giáo viên, tạo phong trào thi đua liên tục trong nhà trường, hướng đến chất lượng giáo dục ngày càng cao và đạt niềm tin yêu tới phụ huynh học sinh trong nhà trường.

Thứ bảy, bồi dưỡng công tác quản lý cho một số vị trí chủ chốt trong nhà trường như phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, tổ trưởng chuyên môn nhằm có một tập thể đủ hiểu biết, đủ mạnh, đủ bản lĩnh để thực hiện đổi mới công tác QLGD trong trường, từ đó sẽ tác động làm chuyển biến chất lượng giáo dục.

1.2.2. Khái niệm kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

1.2.2.1. Khái niệm kỹ năng sống

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng. Với mỗi quan niệm, tác giả đã chứng minh một cách sinh động về khái niệm kỹ năng

Chu Shiu-Kee-Understandinh Life skills (2003) cho rằng “Khả năng có hành vi thích ứng và tích cực giúp cá nhân giải quyết có hiệu quả với những đòi hỏi và

thách

thức cuộc sống hàng ngày”. Đồng thời, coi kỹ năng sống là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày [34].

Nguyễn Lâm (1989), Từ điển Từ và ngữ Hán Việt, giải thích “Kỹ năng là khả năng ứng dụng tri thức khoa học vào thực tiễn” [24, tr.390].

Tác giả Lê Xuân Hồng, Hồ Lai Châu, Hoàng Mai(2000), quan niệm “Kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động, con người nắm được cách hành động tức là có kỹ thuật hành động, có kỹ năng” [21].

Theo tác giả Nguyễn Thị Oanh (2006), cho rằng Kỹ năng là năng lực vận dụng có kết quả tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng [29].

Theo đó, có thể hiểu: Kỹ năng sống là khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực, giúp cho con người có thể kiểm soát quản lý có hiệu quả các nhu cầu và thách thức trong cuộc sống hàng ngày.

Bàn về KNS của con người, cho đến nay cũng có nhiều cách tiếp cận khác nhau tùy theo mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, chẳng hạn:

UNESCO (2003) quan niệm: kỹ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày. Đó là khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày.

Theo tác giả Nguyễn Võ Kỳ Anh: “KNS là khả năng có được những hành vi thích nghi và tích cực, cho phép chúng ta xử trí một cách có hiệu quả các đòi hỏi và thử thách của cuộc sống thường ngày” [1, tr.3].

Với phân tích nêu trên, tác giả cho rằng: *“KNS là khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày”*.

Từ khái niệm về KNS, tác giả giới hạn vấn đề kỹ năng cần giáo dục cho trẻ mầm non gồm: nhóm kỹ năng về bản thân, nhóm kỹ năng quan hệ xã hội; nhóm kỹ năng giao tiếp; nhóm kỹ năng thực hiện công việc và nhóm kỹ năng về ứng phó với

thay đổi.

1.2.2.2. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Giáo dục kỹ năng sống là quá trình giáo dục có mục đích, nội dung, kế hoạch và biện pháp cụ thể: Mục đích cuối cùng của giáo dục kỹ năng sống là giúp người học có được cuộc sống thành công, hiệu quả khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày. Nó là một quá trình lâu dài, phức tạp. Chính vì vậy, khi giáo dục kỹ năng sống cho một đối tượng nào đó, người giáo dục cần lập kế hoạch và xác định những nội dung phù hợp, trên cơ sở đó hình thành các biện pháp cụ thể.

Giáo dục kỹ năng sống phải dựa trên nền tảng của giáo dục giá trị: giáo dục kỹ năng sống và giáo dục giá trị có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau, giáo dục giá trị sẽ tạo ra nền tảng, định hướng cho việc thể hiện thái độ và hành vi của mỗi cá nhân. Do đó, có thể nói rằng, tất cả các quyết định của con người đều dựa trên giá trị, giáo dục kỹ năng sống là quá trình phải được tiến hành song song với giáo dục giá trị, nó cũng tuân theo những nguyên tắc của giáo dục giá trị.

Giáo dục kỹ năng sống có tính linh hoạt cao: giáo dục kỹ năng sống không phải là bất biến, nó thay đổi và vận động linh hoạt cùng những diễn biến, vận động của xã hội. Tùy theo không gian, thời gian, đối tượng, hoàn cảnh khác nhau mà mục đích, nội dung, biện pháp giáo dục kỹ năng sống cũng khác nhau.

Giáo dục kỹ năng sống gắn liền với việc trải nghiệm và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực: giáo dục kỹ năng sống phải đảm bảo cho người học được cung cấp cơ hội để trải nghiệm, vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể của thực tiễn. Việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực không chỉ kích thích được hứng thú, giúp học sinh phát huy khả năng tự học, độc lập khám phá tri thức của môn học mà nó còn tạo cơ hội để người học được “học cách học”, qua đó được rèn luyện một số kỹ năng sống chung, cơ bản.

Bàn về giáo dục, có nhiều cách tiếp cận, hiểu theo nghĩa rộng, hẹp khác nhau ở cấp độ xã hội và cấp độ nhà trường. Ở cấp độ nhà trường, khái niệm giáo dục chỉ quá trình giáo dục tổng thể (dạy học và giáo dục theo nghĩa hẹp) được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục. Khi tham gia các hoạt động giáo dục, người học tiến hành các hoạt động của mình theo những nguyên tắc, mục tiêu chung, chuẩn mực giá trị chung và những biện pháp chung, nhờ vậy người học được giáo dục theo những tiêu chí chung.

Tác giả Nguyễn Thị Hòa (2011) cho rằng: “Giáo dục là quá trình tổng thể, của các tác động sư phạm, được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, thông qua

hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng được giáo dục nhằm đào tạo những con người có đủ

phẩm chất năng lực, đáp ứng yêu cầu của xã hội” [18].

Mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, nhằm từng bước hình thành cho trẻ những kiến thức, thái độ và kỹ năng phù hợp, trên cơ sở đó phát triển cho trẻ những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực, khắc phục, loại bỏ những biểu hiện của hành vi tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hành động hàng ngày; tạo cơ hội thuận lợi để trẻ thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và giúp trẻ từng bước phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

Nội dung giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non tập trung vào các nhóm kỹ năng như: nhóm kỹ năng về bản thân; nhóm kỹ năng quan hệ xã hội; nhóm kỹ năng giao tiếp; nhóm kỹ năng thực hiện công việc; nhóm kỹ năng ứng phó với thay đổi.

Chủ thể giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là giáo viên, nhân viên, CBQL nhà trường, các đoàn thể của địa phương và gia đình trẻ.

Đối tượng giáo dục KNS là trẻ ở các trường mầm non (trẻ có độ tuổi từ 3 tuổi đến 6 tuổi), trẻ ở các trường mầm non vừa là đối tượng vừa là chủ thể của quá trình giáo dục, rèn luyện KNS.

Phương pháp, hình thức giáo dục KNS cho trẻ mầm non được sử dụng như phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, sinh hoạt tập thể, tham quan dã ngoại. Phương pháp, hình thức giáo dục KNS cho trẻ mầm non được gắn kết chặt chẽ với các hoạt động giáo dục KNS theo quy định của chương trình giáo dục mầm non nhằm tác động vào nhận thức, hành vi của trẻ để hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện kỹ năng ứng xử cũng như kích thích khả năng tự điều chỉnh hành vi ứng xử cho trẻ theo yêu cầu của nội dung giáo dục KNS đã đề ra.

Kết quả giáo dục KNS là sự phát triển về nhân cách, đạo đức, giúp trẻ từng bước hình thành khả năng phán đoán và ra quyết định tích cực. Kết quả giáo dục KNS cho trẻ mầm non hướng vào xây dựng, phát triển hành vi ứng xử của trẻ cho phù hợp với từng tình huống cụ thể nảy sinh trong học tập, sinh hoạt hàng ngày.

Như vậy, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm kỹ năng sống. Trong luận văn này, trên cơ sở tiếp thu, kế thừa quan điểm của các tác giả trên, tôi tiếp cận khái niệm kỹ năng sống như sau: *Kỹ năng sống là hệ thống các kỹ năng nói lên năng lực sống của con người, giúp con người thực hiện có kết quả công việc, quan hệ với bản thân, với người khác, với xã hội trong những điều kiện khác nhau của cuộc sống.*

1.2.3. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở các trường mầm non

Quản lý giáo dục KNS là hoạt động của CBQL nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của giáo viên, trẻ mầm non và các lực lượng giáo dục khác, huy động tối đa các nguồn lực xã hội để nâng cao giáo dục KNS trong nhà trường. Quản lý giáo dục KNS chính là những công việc của nhà trường mà người CBQL trường học thực hiện những chức năng quản lý để tổ chức, thực hiện công tác giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

Quản lý giáo dục KNS là những hoạt động có ý thức, có kế hoạch và hướng đích của chủ thể quản lý tác động tới các hoạt động giáo dục KNS trong nhà trường nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà tiêu điểm là quá trình giáo dục và dạy KNS cho trẻ.

Từ những luận giải trên, tác giả cho rằng: *“Quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là một hệ thống những tác động sư phạm hợp lý và có hướng đích của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, trẻ mầm non nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện về nhân cách theo mục tiêu giáo dục mầm non”*.

Mục tiêu của quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là giáo dục toàn diện, giúp trẻ từng bước hình thành khả năng ứng xử, giải quyết có hiệu quả các vấn đề đặt ra trong sinh hoạt, hoạt động sống hàng ngày ở trường và gia đình. Quản lý giáo dục KNS cho trẻ được tiến hành với những chức năng cụ thể như lập kế hoạch giáo dục, tổ chức, chỉ đạo thực hiện nội dung, chương trình và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ.

Nội dung quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non bao gồm quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ; quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ; quản lý đội ngũ giáo viên giáo dục KNS cho trẻ; quản lý việc phối hợp các lực lượng thực hiện giáo dục KNS cho trẻ; quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

Chủ thể quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là các lực lượng giáo dục trong nhà trường (ban giám hiệu đứng đầu là hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, các tổ chức của nhà trường), các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường và cha, mẹ trẻ. Chủ thể giáo dục đề ra các kế hoạch, nội dung, mục đích,

lựa chọn phương pháp và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện giáo dục nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong giáo dục KNS cho trẻ.

Đối tượng quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là nội dung giáo dục, các lực lượng trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành giáo dục KNS cho trẻ và trẻ là những đối tượng trực tiếp tiếp nhận nội dung giáo dục.

Phương pháp quản lý, bao gồm các cách thức, biện pháp của người quản lý nhằm tác động đến hoạt động giáo dục KNS cho trẻ và các hoạt động rèn luyện KNS của trẻ ở các trường mầm non. Các phương pháp quản lý bao gồm: phương pháp quản lý hành chính pháp luật, phương pháp giáo dục - tâm lý, phương pháp kích thích. Đây là những phương pháp chủ đạo, được sử dụng phổ biến, các nhà quản lý cần lựa chọn và sử dụng các phương pháp cho phù hợp với đối tượng quản lý để mang lại hiệu quả.

1.3. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non

1.3.1.1. Đặc điểm của sự phát triển các phẩm chất nhân cách

Về đời sống tình cảm: đây là lứa tuổi dễ xúc cảm, xúc động và khó kiềm chế xúc cảm của mình. Trẻ rất dễ xúc động trước thiên nhiên, động vật, chưa biết kiểm tra những biểu hiện bên ngoài của tình cảm. Những xúc cảm của lứa tuổi này thường gắn liền với những tình huống cụ thể, trực tiếp mà ở đó trẻ hoạt động hoặc gắn với những đặc điểm trực quan, đời sống tình cảm của trẻ bắt đầu có nội dung phong phú hơn và bền vững hơn, thể hiện ở tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ và tình cảm thẩm mỹ. Tuy nhiên, do tình cảm của trẻ đang trong quá trình hình thành, phát triển nên tình cảm ở lứa tuổi này còn mỏng manh chưa bền vững, chưa sâu sắc.

**** Đặc điểm về ý chí và tính cách***

Về ý chí: Các phẩm chất ý chí đang được hình thành và phát triển, tuy nhiên những phẩm chất này chưa ổn định và chưa trở thành các nét tính cách của cá nhân trẻ. Năng lực tự chủ còn yếu, đặc biệt khả năng chịu đựng và kiên nhẫn chưa cao, nhanh thích ứng với các đồ vật nhưng cũng chóng chán, khó giữ trật tự trong quá trình học tập và sinh hoạt.

Về tính cách: ở lứa tuổi mẫu giáo, tính cách của trẻ đang được hình thành trong mọi hoạt động học tập, lao động, vui chơi. Cụ thể ở trẻ hình thành những nét tính cách mới như tính hồn nhiên, tính hay bắt chước những hành vi, cử chỉ của người

lớn, tính hiếu động, tính trung thực và tính dũng cảm.

1.3.1.2. Đặc điểm quá trình nhận thức

Đối với trẻ ở lớp lớn 5 - 6 tuổi, ở độ tuổi này, đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ biểu hiện ở khả năng tư duy logic: Có nhiều thông tin về một số sự vật, hiện tượng nào đó nhưng chưa có hiểu biết đầy đủ về sự vật, hiện tượng đó; ở lứa tuổi từ 5 - 6 tuổi trẻ có thể tự tạo ra các thí nghiệm để xem việc gì sẽ xảy ra và nghĩ ra lời giải thích cho những gì trẻ quan sát được, mặc dù trẻ vẫn chưa đủ khả năng sử dụng suy luận logic và trừu tượng. Đồng thời, trẻ có thể làm một số thí nghiệm do cô hướng dẫn và có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau; trong hoạt động hàng ngày trẻ thường dành nhiều thời gian và chú ý hơn vào các hoạt động mà trẻ thích; trẻ thích chơi theo nhóm từ 5-6 bạn và thích trao đổi các nội dung quan sát được trong từng nhóm nhỏ; trẻ đã có khả năng nắm bắt các khái niệm trừu tượng nhưng vẫn cần các sự việc có thực để giải thích các khái niệm đó, cũng như thích vẽ và viết để ghi lại các sự việc đang diễn ra trong cuộc sống và hoạt động trẻ quan sát được.

Các hiện tượng tâm lý như *tri giác*, *trí nhớ*, *tưởng tượng* về cơ bản là sự nối tiếp sự phát triển ở lứa tuổi từ 4-5 tuổi nhưng chất lượng mới hơn thể hiện ở:

- + Mức độ phong phú của các kiểu loại
- + Mức độ chủ định các quá trình tâm lý rõ ràng hơn, có ý thức hơn.
- + Tính mục đích hình thành và phát triển ở mức độ cao hơn.
- + Độ nhạy cảm của các giác quan được tinh nhạy hơn.
- + Khả năng kiểm chế các phản ứng tâm lý được phát triển.
- + Ở đây chúng ta chỉ đề cập tới quá trình tâm lý phát triển mạnh mẽ và đặc trưng nhất, đó là tư duy.

+ Sự phát triển tư duy ở độ tuổi này mạnh mẽ về kiểu loại, các thao tác và thiết lập nhanh chóng các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng, thông tin giữa mới và cũ, gần và xa...

- + Đặc tính chung của sự phát triển tư duy:
 - + Trẻ đã biết phân tích tổng hợp không chỉ dừng lại ở đồ vật, hình ảnh mà ngay cả từ ngữ.
 - + Tư duy của trẻ dần dần mất đi tính duy kỷ, tiến dần đến khách quan, hiện thực hơn.
 - + Dần dần trẻ phân biệt được thực và hư.
 - + Đã có tư duy trừu tượng với các con số, không gian, thời gian, quan hệ xã hội...

- + Ý thức rõ về những ý nghĩ, tình cảm của mình, trách nhiệm đối với hành vi.
- + Các phẩm chất của tư duy đã bộc lộ đủ về cấu tạo và chức năng hoạt động của nó như tính mục đích, độc lập sáng tạo, tính linh hoạt, độ mềm dẻo...
- + Ở trẻ 4-5 tuổi phát triển cả 3 loại tư duy, *tư duy hành động trực quan* vẫn chiếm ưu thế. Tuy nhiên do nhiệm vụ hoạt động mà cả loại tư duy trực quan - hình tượng, tư duy trừu tượng được phát triển ở trẻ. Loại tư duy này giúp trẻ đến gần với hiện thực khách quan. Khi lên 5-6 tuổi, bé bắt đầu trải qua một bước ngoặt cơ bản về tư duy. Đó là việc chuyển từ *tư duy hành động định hướng bên ngoài* thành những *hành động định hướng bên trong não*, chuyển từ kiểu tư duy bằng tay (tư duy hành động trực quan) của thời kỳ ấu nhi sang *tư duy trực quan - hình tượng (hình ảnh)*. Đặc điểm của *kiểu tư duy trực quan - hình tượng* là việc giải quyết nhiệm vụ đặt ra không chỉ được thực hiện bằng phép thử bên ngoài với các vật thật nữa. Thay vào đó, trẻ em biết thực hiện cả phép *thử ngầm trong óc* dựa vào hình ảnh, biểu tượng về đồ vật hay về hành động với đồ vật mà trẻ đã làm hay nhìn thấy người khác làm.

Trò chơi: cho trẻ 5-6 tuổi khối hình gồm: tròn, tam giác, vuông, hình bình hành, ngôi sao, và năm lỗ trống tương ứng với năm hình. Sau đó yêu cầu bé xếp các hình vào các lỗ cho phù hợp. Trò chơi này giúp trẻ phát triển tư duy trực quan - hình tượng. Sở dĩ *tư duy trực quan - hình tượng* phát triển là do trẻ hành động lặp lại với đồ vật nhiều lần, dần dần nhập tâm thành biểu tượng trong đầu. *Trong trò chơi đóng vai, trẻ biết dùng vật này thay thế cho vật khác và hành động với vật thay thế y như vật thật*. Đó là hành động mang tính ký hiệu tượng trưng, hành động rút gọn, là cơ sở để phát triển tư duy trực quan - hình tượng. Ở đầu thời kỳ mẫu giáo, *tư duy* của các em mang tính *trực quan - hình tượng* nên trẻ khó giải được bài toán dưới hình thức trừu tượng, ví dụ khó giải bài toán $2+3$ nếu không được nhìn sự vật cụ thể (hai quả táo, hai bông hoa...). Giữa thời kỳ mẫu giáo, *trẻ phát triển mạnh khả năng ký hiệu hóa, từ đó xuất hiện kiểu tư duy trực quan sơ đồ*. Thực chất, nó vẫn thuộc kiểu tư duy trực quan - hình tượng nhưng khái quát hơn và là một bước trung gian để chuyển sang tư duy trừu tượng.

Từ những đặc điểm tâm lý cơ bản của trẻ, đặt ra cho CBQL giáo dục, giáo viên khi tiến hành giáo dục KNS cho trẻ, cần hướng vào việc làm thay đổi hành vi của trẻ từ thói quen sống thụ động, chuyển thành những hành vi mang tính xây dựng, tích cực có hiệu quả để nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân trẻ và góp phần phát triển bền vững cho xã hội.

1.3.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

1.3.2.1. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non là những mong đợi của nhà giáo dục về các giá trị sống và kỹ năng sống tương ứng trẻ có thể đạt được. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung là hướng tới hình thành những giá trị về ý thức bản thân (như an toàn, tự lực, tự tin, tự trọng); về quan hệ xã hội (như yêu thương, biết ơn, tôn trọng); về giao tiếp (như hoà nhã, cởi mở, hiệu quả); về thực hiện công việc (như hợp tác, kiên trì, trách nhiệm); về ứng phó với thay đổi (như vượt khó, sáng tạo, mạo hiểm, ham hiểu biết để sẵn sàng vào lớp Một). Với mục tiêu cụ thể về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non bao gồm những kỹ năng, thái độ và kiến thức cụ thể, tương ứng với giá trị cần giáo dục, phù hợp với từng độ tuổi của trẻ, với điều kiện kinh tế - văn hoá - xã hội của mỗi địa phương.

1.3.2.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Để hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 463/BGDĐT-GDTH. Theo đó, "Đối với trẻ mầm non, hoạt động giáo dục kỹ năng sống tập trung vào giúp trẻ nhận thức về bản thân: sự tự tin, tự lực, thực hiện những quy tắc an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản; hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết: thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó; hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình, cộng đồng, bạn bè và môi trường". Trên tinh thần Công văn 463/BGDĐT-GDTH, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, thì nội dung cụ thể cần tập trung giáo dục cho các em bao gồm: Nhóm kỹ năng tự phục vụ; Nhóm kỹ năng tự tin; Nhóm kỹ năng hợp tác; Nhóm kỹ năng nhận thức về bản thân; Nhóm kỹ năng giao tiếp và quan hệ xã hội; Nhóm kỹ năng học tập; Nhóm kỹ năng an toàn.

Đối với việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non, lựa chọn chương trình và nội dung phù hợp là yếu tố rất quan trọng. Việc quản lý chương trình, nội dung giáo dục kỹ năng sống bao gồm từ việc chỉ đạo đội ngũ xây dựng nội dung cho đến việc tổ chức thực hiện những nội dung đó và đánh giá kết quả đạt được. Hiện nay nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non chưa được đưa thành chương trình thống

nhất mà mỗi trường tùy theo mục tiêu và điều kiện của trường mình mà phát triển nội dung, chương trình cho riêng mình.

Nội dung giáo dục kỹ năng sống là những giá trị sống và kỹ năng sống tương ứng mà nhà giáo dục cần hình thành cho trẻ. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non bao gồm 5 nhóm: nhóm kỹ năng về bản thân, quan hệ xã hội, giao tiếp, thực hiện công việc, ứng phó với thay đổi.

Nhóm kỹ năng về bản thân bao gồm các giá trị như: an toàn (gồm các kỹ năng về thực hiện các quy tắc an toàn thông thường, phòng chống các tai nạn thông thường); tự lực/ tự kiểm soát (gồm các kỹ năng về tự phục vụ, quản lý thời gian, kiểm soát cảm xúc); tự tin (gồm các kỹ năng về nhận ra giá trị của bản thân, trình bày ý kiến, thể hiện khả năng); tự trọng (gồm các kỹ năng về lịch sự - ăn uống từ tốn, không khua thìa bát, không để rơi vãi); mặc chần chu, tươm tất, sạch sẽ; nói năng lễ phép có thưa gửi, dạ vâng, nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng lúc, đúng cách...

Nhóm kỹ năng quan hệ xã hội bao gồm các giá trị như: thân thiện (gồm các kỹ năng về kết bạn, hoà giải xung đột, giúp đỡ, nhường nhịn); yêu thương (gồm các kỹ năng về quan tâm, chia sẻ buồn, vui, khó khăn, thành công, thất bại...); biết ơn (gồm các kỹ năng về giữ gìn đồ vật, ghi nhớ sự đóng góp, đền ơn đáp nghĩa, tiết kiệm); tôn trọng (gồm các kỹ năng về thực hiện các quy tắc xã hội, chấp nhận sự khác biệt, công bằng, kính trọng người lớn).

Nhóm kỹ năng giao tiếp bao gồm các giá trị như: hoà nhã (gồm các kỹ năng về lắng nghe, trình bày ý kiến rõ ràng, bình tĩnh); cởi mở (gồm các kỹ năng khởi xướng, duy trì và kết thúc cuộc giao tiếp một cách vui vẻ); hiệu quả (gồm các kỹ năng về đàm phán/ thuyết phục/ thương lượng).

Nhóm kỹ năng thực hiện công việc bao gồm các giá trị như: hợp tác (gồm các kỹ năng về thoả thuận mục đích, phân công vai trò, thực hiện đúng vai trò, giúp đỡ, tìm kiếm sự giúp đỡ); vượt khó (gồm các kỹ năng về chấp nhận/ từ chối thử thách, đối mặt với khó khăn, giải quyết vấn đề, chấp nhận/ bỏ qua thất bại, hài lòng với thành công); kiên trì, có trách nhiệm (gồm các kỹ năng về nhận nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ đến cùng).

Nhóm kỹ năng về ứng phó với thay đổi bao gồm các giá trị như: sáng tạo (gồm các kỹ năng về tạo ra cái mới, theo cách/ phương tiện mới); mạo hiểm (gồm các kỹ năng về chấp nhận và chia sẻ thông tin, tò mò, hay hỏi).

Kỹ năng sống có thể hình thành theo hai con đường khác nhau: thứ nhất là con đường tích lũy các kinh nghiệm ứng xử, giải quyết các tình huống khác nhau trong cuộc sống của cá nhân; thứ hai là con đường giáo dục kiến thức, thái độ và phương thức hành động khái quát trong những tình huống điển hình, trên cơ sở đó con người vận dụng cho phù hợp với những đòi hỏi, thách thức mới của hoàn cảnh sống. Con đường giáo dục sẽ giúp cho kỹ năng sống hình thành hiệu quả hơn, nâng cao được khả năng thích ứng và tính chủ động của con người trước những biến động phức tạp của đời sống. Vì vậy, trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong những năm gần đây kỹ năng sống đã được chú trọng giáo dục trong nhà trường và các hoạt động giáo dục cộng đồng.

Nội dung giáo dục kỹ năng sống đã được đưa vào trong trường mầm non nhưng hiện nay chưa có tài liệu chuẩn về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi, dẫn đến tình trạng mỗi trường lại có những cách thức giáo dục khác nhau điều này ảnh hưởng lớn tới công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Đây chính là yếu tố tác động không nhỏ đến công tác quản lý hoạt động kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi.

1.3.2.3. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Phương pháp giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non gồm có nhóm phương pháp kỹ thuật động não, Phương pháp đóng vai, Phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp giao nhiệm vụ, phương pháp trải nghiệm:

**. Kỹ thuật động não*

Động não là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận nhóm. Các thành viên được cổ vũ tham gia tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

Quy tắc của động não là không đánh giá và phê bình trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên.

**. Phương pháp đóng vai*

Phương pháp đóng vai được sử dụng nhiều để đạt mục tiêu thay đổi người học đối với một vấn đề hay đối tượng nào đó. Phương pháp đóng vai cũng rất có tác dụng trong việc rèn luyện về kỹ năng giao tiếp ứng xử của trẻ. Đóng vai còn là phương pháp giúp trẻ thực hành, bày tỏ thái độ trong tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ư nghĩ sáng tạo của trẻ.

Khi sử dụng phương pháp đóng vai, người dạy học cần chú ý:

+ Ấn định thời gian (chuẩn bị, sắm vai, trao đổi sau khi đóng vai...)

+ Lựa chọn tình huống đóng vai (phù hợp với chủ đề hoạt động, phải là tình huống mở, phù hợp với trẻ..)

+ Hướng dẫn thảo luận sau khi đóng vai, phỏng vấn người đóng vai.

**. Phương pháp giải quyết vấn đề*

Cấu trúc quá trình giải quyết vấn đề bao gồm các bước cơ bản sau:

* Bước 1: Nhận biết vấn đề

* Bước 2: Tìm các phương án giải quyết

* Bước 3: quyết định phương án giải quyết

**. Phương pháp giao nhiệm vụ*

Đây là phương pháp thường được dùng trong nhóm các phương pháp giáo dục. Giao nhiệm vụ là đặt trẻ vào vị trí buộc trẻ nhất định phải thực hiện trách nhiệm cá nhân. Giao nhiệm vụ sẽ giúp trẻ phát triển tính chủ động, sáng tạo, khả năng ứng đáp trong mọi tình huống của trẻ vì vậy muốn giao nhiệm vụ có kết quả tốt thì giáo viên cần hình dung được những việc phải làm gợi ý và yêu cầu trẻ phải hoàn thành. Khi giao nhiệm vụ cố gắng đảm bảo phù hợp với đặc điểm, lứa tuổi và khả năng của từng trẻ, không yêu cầu quá khó gây hoang mang lo lắng.

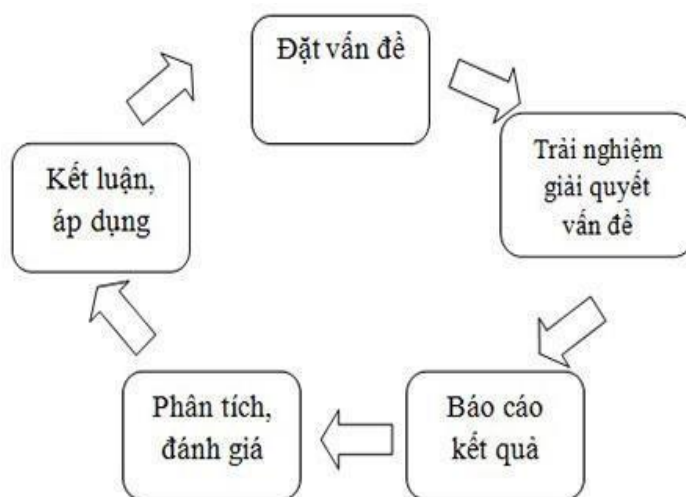
**. Phương pháp trò chơi*

Phương pháp trò chơi có thể sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau như làm quen, cung cấp kiến thức, đánh giá kết quả, rèn luyện các kỹ năng và củng cố những tri thức đã học.

**. Phương pháp trải nghiệm*

Để việc *giáo dục kỹ năng sống* hiệu quả, mang lại những giá trị của kỹ năng sống cho trẻ thì cần phải có những phương pháp giáo dục kỹ năng sống phù hợp. Cũng giống như những môn học ở trường phổ thông, *giáo dục kỹ năng sống* cũng có một hệ thống có phương pháp giảng dạy. Phương pháp trải nghiệm là phương pháp trong đó người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học thì con người tiếp thu kiến thức kỹ năng, thái độ 20% những gì chúng ta đọc, 20% những gì chúng ta nghe, 30% những gì chúng ta nhìn, 90% những gì chúng ta làm. “Học đi đôi với hành” thực hành chính là cách học hiệu quả nhất và nhanh nhất, đặc biệt đối với trẻ em. Thực hành chính là trải nghiệm.

Quy trình của phương pháp trải nghiệm:



Với phương pháp trải nghiệm trẻ bị lôi cuốn vào nội dung bài học một cách tự nhiên nhất, từ những tình huống, câu chuyện gắn liền với trẻ. Các em sẽ tự mình tìm ra những cách giải quyết, các kỹ năng sẽ được trải nghiệm qua việc đóng các tình huống và các em cũng khắc sâu được các kỹ năng:

Trẻ được trải nghiệm, trẻ được làm, được tư duy suy nghĩ, giúp trẻ ghi nhớ lâu hơn.

Trải nghiệm giúp trẻ vượt qua sợ hãi, dễ giải quyết các vấn đề, giúp trẻ phát huy sự tự tin của bản thân.!

Phương pháp trải nghiệm giúp phát triển tư duy logic, phân tích tổng hợp vấn đề, khả năng sáng tạo của trẻ.

Trẻ được trải nghiệm những tình huống thực sự, tự các giải pháp, khám phá kiến thức từ đó giúp phát triển khả năng vượt khó của trẻ.

Trẻ được làm trung tâm của quá trình học nên trẻ được tham gia vào quá trình học một cách chủ động, tích cực nhất, từ đó trẻ sẽ chú ý và hứng thú hơn với những điều được học, học *kỹ năng sống* trở lên thú vị hơn rất nhiều.

Phương pháp trải nghiệm sẽ giúp trẻ có khả năng áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế.

Kỹ năng sống cho trẻ chủ yếu là các kỹ năng phục vụ cho cuộc sống của trẻ. Với phương châm không để trẻ áp lực và chán ghét học kỹ năng sống, phương pháp trải nghiệm thì sẽ lấy trẻ làm trung tâm, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn nhằm gợi mở phát huy sự sáng tạo của trẻ, trẻ được tự mình khám phá vấn đề, kích

thích trí tò mò muốn tìm hiểu về điều mới được khơi gợi. Trẻ sẽ đóng vai vào các bài tập tình huống, sau khi trình bày, trẻ được tự đánh giá về phần thực hiện nhiệm vụ của bản thân, giáo viên sẽ mời các bạn khác cùng đóng góp ý kiến, sau đó gợi ý một số điều chỉnh. Thông qua cách học này, trẻ sẽ tự rút ra kiến thức cho mình và có thể vận dụng ngay vào thực tế ở môi trường học tập, gia đình và xã hội.

Trong mỗi bài học, trẻ được học theo đúng trình độ và sở thích của cá nhân. Mỗi em không bị đồng nhất theo chuẩn chung của cả lớp mà được học tập cá biệt, thể hiện ở được trải nghiệm theo từng đặc điểm tính cách của trẻ. Trẻ được tiếp cận với cuộc sống qua nhiều cung bậc khác nhau qua đó đón nhận giá trị cuộc sống một thiết thực nhất.

1.3.2.4. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Giáo dục KNS cho trẻ mầm non thông qua các hình thức hoạt động như vui chơi, thông qua sinh hoạt hàng ngày, thông qua hoạt động sáng tạo như:

Thông qua hoạt động vui chơi: vui chơi là hoạt động tạo cho trẻ nhiều hứng thú và cũng cho trẻ cơ hội được vận dụng nhiều kiến thức kỹ năng khác nhau vào giải quyết nhiệm vụ chơi. Trẻ được thử nghiệm nhiều vai trò khác nhau qua các vai chơi, được phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo, học hỏi và hợp tác với các bạn cùng chơi... Ví dụ trong trò chơi gia đình trẻ phải điều hoà các mối quan hệ với 2 vai trò khác nhau: mối quan hệ với bạn cùng chơi (quan hệ thật) và quan hệ với các nhân vật trong trò chơi (quan hệ giả). Để trò chơi phát triển mỗi đứa trẻ đều phải cùng cố gắng hoàn thành tốt vai trò của mình đồng thời phải biết chia sẻ, hợp tác với các bạn khác.

Thông qua sinh hoạt hàng ngày: sinh hoạt hàng ngày của trẻ đa phần là những hoạt động lặp đi lặp lại vì vậy trẻ được rèn luyện nhiều và thực hiện các công việc đó một cách dễ dàng vì đã thành nếp sinh hoạt. Ngoài ra, trong sinh hoạt trẻ cũng gặp phải những vấn đề mới nảy sinh - đó chính là cơ hội quý để hình thành những kỹ năng sống mới.

Thông qua xem phim, nghe kể truyện: nội dung các bộ phim, câu chuyện phù hợp sẽ là gợi ý cho trẻ về cách cư xử đúng, cách giải quyết vấn đề hiệu quả.

Thông qua hoạt động sáng tạo: Với trò chơi đóng vai, trẻ “nhập vai” và giải quyết tình huống giả định, giúp trẻ tập các kỹ năng sống một cách nhẹ nhàng, thú vị. Ví dụ: đi siêu thị mà bị lạc thì trẻ làm gì?, làm hỏng đồ chơi của bạn trẻ sẽ làm thế

nào?...

Như vậy, việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ngay từ khi còn nhỏ là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thiết thực. Mỗi trẻ có những yếu tố cá nhân khác nhau và sự ảnh hưởng của các quan hệ xã hội cũng như hoàn cảnh sống, môi trường trải nghiệm khác nhau nên nhà giáo dục cần có những hình thức, biện pháp linh hoạt, hợp lý và tận dụng các điều kiện để tạo ra nhiều cơ hội cho trẻ được tự trải nghiệm.

Với kỹ năng sống phong phú trẻ sẽ biết cách khai thác kiến thức từ cuộc sống xung quanh, tạo lập các mối quan hệ với tự nhiên và con người để sống an toàn, hòa bình và phát triển.

1.3.2.5. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non nhằm so sánh với mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ, từ đó xác định những KNS trẻ đã đạt và chưa đạt để tiếp tục có kế hoạch hướng dẫn và tổ chức thực hiện cho phù hợp. Từ kết quả đã đạt được trong quá trình giáo dục KNS cho trẻ, CBQL giáo dục, giáo viên tiếp tục hoàn thiện và điều chỉnh, bổ sung cơ sở vật chất cho phù hợp với nội dung giáo dục KNS cần giáo dục, hướng dẫn cho trẻ. Điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức, kế hoạch giáo dục KNS cho phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ từng độ tuổi, đảm bảo cơ hội tốt nhất để trẻ hoạt động tích cực.

1.4. Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non

1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của hiệu trưởng trong quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Người chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường chính là hiệu trưởng, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận. Với tư cách pháp nhân đó, hiệu trưởng trường mầm non có các vai trò chủ yếu và cần có các phẩm chất, năng lực tương xứng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Chức năng, nhiệm vụ của hiệu trưởng được thể hiện:

Là người đại diện cho chính quyền về mặt thực thi luật pháp, chính sách giáo dục, các quy chế giáo dục và Điều lệ Trường mầm non.

Là hạt nhân tạo động lực cho bộ máy tổ chức và đội ngũ nhân lực trường mầm non thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ có hiệu quả hơn. Để đảm đương được vai trò này CBQL trường mầm non cần có phẩm chất và năng lực về tổ chức và điều hành đội ngũ CBQL cấp dưới, giáo viên, nhân viên, năng lực chuyên môn để quản lý các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

trẻ ở nhà trường, trong đó có quản lý giáo dục KNS cho trẻ mầm non là việc làm rất quan trọng.

Đứng đầu công tác tham mưu với các ban ngành, đoàn thể và quản lý tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị trường học. Để đảm đương được vai trò này CBQL trường mầm non cần có phẩm chất và năng lực về quản lý kinh tế và năng lực kỹ thuật (hiểu biết về quản lý tài chính và quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ...) phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non hiện nay.

Với các chức năng nêu trên, CBQL trường mầm non (trực tiếp là hiệu trưởng) phải thực sự là tác nhân thiết lập và phát huy tác dụng của môi trường giáo dục (mối quan hệ giữa trường mầm non, gia đình và xã hội). Để đảm đương được vai trò này CBQL trường mầm non cần phải có phẩm chất và năng lực giao tiếp để vận động cộng đồng xã hội tham gia xây dựng và quản lý trường mầm non. Cùng với đó, CBQL trường mầm non còn phải là nhân tố thiết lập và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong trường mầm non.

Từ những nhiệm vụ nêu trên, theo tác giả, trong bối cảnh hiện nay, CBQL trường mầm non có vai trò xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; tổ chức, quản lý quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; chỉ đạo đổi mới phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ trong các hoạt động; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường; lãnh đạo sự thay đổi nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong thời đại hiện nay.

1.4.2. Nội dung quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

1.4.2.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Thực hiện công văn số 1892/SGDĐT-CCTT ngày 15/10/2019 của sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống; Căn cứ thông tư số 04/TT-BGDĐT, ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống; Căn cứ công văn số 1734/SGDĐT-GDTH ngày 7/8/2019 của sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống từ đó CBQL

nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non cần xác định rõ mục tiêu sẽ đạt được của từng nội dung giáo dục KNS cho trẻ như: Về kiến thức, phải trực tiếp góp phần nâng cao hiểu biết cho trẻ về cách sống, từng bước tiếp thu, củng cố, mở rộng hiểu biết những nội dung đã học trên lớp, hình thành ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, phù hợp với khả năng thực tế của trẻ; về kỹ năng, kỹ xảo, củng cố vững chắc các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm, ứng xử với bạn bè, cô giáo và những người xung quanh, hình thành và phát triển các kỹ năng chủ yếu như kỹ năng thích ứng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động trong tập thể.

Kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non được xây dựng cụ thể đến từng tuần, phải chỉ rõ nội dung giáo dục, thời gian tiến hành, nội quy, nề nếp giáo dục học tập, đó là những quy định chung có tính bắt buộc được duy trì đều đặn, thường xuyên.

Trong quá trình thực hiện giáo dục KNS cho trẻ, cần bảo đảm tính khoa học, kế thừa, toàn diện, cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm. Phải vạch ra được chiều hướng phát triển KNS ở trẻ mầm non; phản ánh được mối quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, thời gian, hình thức tổ chức, biện pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là chỉ huy, chỉ đạo cho các bộ phận trong nhà trường thực hiện những nhiệm vụ để bảo đảm việc giáo dục KNS diễn ra đúng hướng, đúng kế hoạch, tập hợp và phối hợp các lực lượng giáo dục sao cho đạt hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện giáo dục KNS sẽ đạt hiệu quả cao nếu trong quá trình chỉ đạo, nhà quản lý kết hợp giữa sử dụng uy quyền và thuyết phục, động viên kích thích, tôn trọng, tạo điều kiện cho người dưới quyền được phát huy năng lực và tính sáng tạo của họ. Tổ chức thực hiện giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non có liên quan mật thiết đến việc tổ chức hoạt động dạy học, tổ chức vui chơi để giáo dục nhân cách cho trẻ ngay trong nhà trường. Quá trình triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục KNS gồm: thành lập ban chỉ đạo thực hiện giáo dục KNS cho trẻ thông qua hoạt động học, vui chơi theo các chủ đề đã được xác định, do hiệu trưởng làm trưởng ban; xây dựng các lực lượng tham gia giáo dục KNS cho trẻ thông qua các hoạt động hàng ngày; đề ra mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ và tổ chức thảo luận biện pháp thực hiện kế hoạch giáo dục KNS.

CBQL sắp xếp bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm quản lý, huy động cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Khi sắp xếp bố trí lực lượng giáo dục KNS cho trẻ, hiệu trưởng biết được phẩm chất và năng lực của từng giáo viên, nhân viên, mặt mạnh, mặt yếu, nếu cần có thể phân công theo từng “ê kíp” nhằm bảo đảm cho công việc được tiến hành một cách thuận lợi và có hiệu quả.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS thông qua dự giờ, kiến tập, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao năng lực cho giáo viên về phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động nhằm giáo dục KNS cho trẻ đạt hiệu quả tối ưu nhất.

1.4.2.2. Nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Để hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 463/BGDĐT-GDTH. Theo đó, "Đối với trẻ mầm non, hoạt động giáo dục kỹ năng sống tập trung vào giúp trẻ nhận thức về bản thân: sự tự tin, tự lực, thực hiện những quy tắc an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản; hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết: thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó; hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình, cộng đồng, bạn bè và môi trường".

Việc quản lý chương trình, nội dung giáo dục kỹ năng sống bao gồm từ việc chỉ đạo đội ngũ xây dựng nội dung cho đến việc tổ chức thực hiện những nội dung đó và đánh giá kết quả đạt được. Hiện nay nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non chưa được đưa thành chương trình thống nhất mà mỗi trường tùy theo mục tiêu và điều kiện của trường mình mà phát triển nội dung, chương trình cho riêng mình.

Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ cần được xác định từ đầu năm học, đầu mỗi học kỳ và của từng tháng. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT cũng như của Phòng GD&ĐT, Hiệu trưởng phân công cho phó hiệu trưởng xây dựng và quản lý chặt chẽ các thành tố như mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, giáo viên giảng dạy và kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là quản lý toàn bộ hệ thống kiến thức, giá trị, chuẩn mực nội dung cần tổ chức giáo dục

cho

trẻ. Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, cần tập trung vào các yêu cầu về kiến thức, các chuẩn mực, hành vi ứng xử cần đạt được khi kết thúc một nội dung giáo dục KNS cho trẻ.

Đối với việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non, lựa chọn chương trình và nội dung phù hợp là yếu tố rất quan trọng như Nhóm kỹ năng tự phục vụ; Nhóm kỹ năng tự tin; Nhóm kỹ năng hợp tác; Nhóm kỹ năng nhận thức về bản thân; Nhóm kỹ năng giao tiếp và quan hệ xã hội; Nhóm kỹ năng học tập; Nhóm kỹ năng an toàn.

Để đạt được mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, hiệu trưởng cần lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức quản lý giáo dục một cách phù hợp nhất. Phương pháp, hình thức tổ chức quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non gồm toàn bộ những cách thức tổ chức, các thao tác và biện pháp tác động, điều khiển của chủ thể quản lý giáo dục đến hoạt động giáo dục KNS cho trẻ thông qua hệ thống công cụ, phương tiện nhằm đạt được mục tiêu quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

1.4.2.3. Chỉ đạo việc mua sắm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống rất cần có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật để hoạt động đạt được hiệu quả giáo dục mong muốn. Điều kiện tổ chức và phương tiện tốt sẽ làm tăng tính hấp dẫn của hoạt động. Thiết bị tối thiểu để tổ chức các hoạt động là: âm ly, loa đài, đầu video, đàn, dụng cụ thể thao và kinh phí hoạt động. Do kinh phí dành cho hoạt động giáo dục ở các trường mầm non hiện nay không nhiều nên hiệu trưởng cần động viên giáo viên có ý tưởng sáng tạo, tích cực tìm tòi các phương tiện phù hợp với điều kiện của lớp, của trường nhằm thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Về phía nhà trường ngoài việc quản lý tận dụng những cơ sở vật chất hiện có để phát huy hiệu quả của hoạt động giáo dục, cần phải tiết kiệm, cân đối nguồn ngân sách được giao hàng năm để mua sắm thêm cơ sở vật chất, tài liệu, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của hội phụ huynh, của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

Bảo đảm cơ sở vật chất cho quá trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non bao gồm các đồ dùng học cụ, những vật dụng phục vụ trực tiếp cho công tác thực hành giáo dục KNS cho trẻ mầm non, các hoạt động dã ngoại và các mặt bảo đảm khác. Bên cạnh đó, là khả năng phát huy đầy đủ tinh thần, trách nhiệm của các tổ

chức, cá nhân, các

lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia xây dựng, quản lý, đặc biệt nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật một cách công khai, dân chủ có hiệu quả, đúng pháp luật, đảm bảo tốt nhất cho quá trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Thực tiễn ở các trường mầm non, kinh phí bảo đảm cho quá trình giáo dục KNS cho trẻ được sử dụng theo kinh phí giáo dục hàng năm nên có phần bị hạn chế trong chủ động tổ chức các sự kiện để giáo dục cho trẻ.

1.4.2.4. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Mục đích của hoạt động kiểm tra, đánh giá là nhằm tìm ra những mặt ưu điểm, mặt hạn chế trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non, qua đó đánh giá, điều chỉnh và xử lý kết quả của quá trình giáo dục, làm cho mục đích của quản lý được hiện thực hoá một cách đúng hướng và có hiệu quả.

Nội dung cơ bản của thanh tra, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non là: kiểm soát phát hiện; động viên phê phán; đánh giá và thu thập thông tin. Nhờ có thanh tra, kiểm tra, đánh giá mà hiệu trưởng nắm bắt được thực trạng chất lượng, hiệu quả và những vấn đề đang đặt ra trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non, từ đó có căn cứ đề xuất các quyết định mới, kịp thời uốn nắn, điều chỉnh hoạt động một cách đúng hướng. Trong quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, việc kiểm tra đánh giá có ý nghĩa không chỉ đối với nhà quản lý giáo dục mà còn có ý nghĩa đối với cả cha, mẹ của trẻ. Qua kiểm tra đánh giá, giáo viên, cha, mẹ trẻ sẽ hiểu rõ hơn về những hoạt động của mình, khẳng định được mình trong thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ. Quá trình kiểm tra có thể thực hiện định kỳ, thường xuyên, đột xuất, trực tiếp hoặc gián tiếp, song kiểm tra dù thực hiện ở cách thức nào cũng cần xây dựng chuẩn đánh giá cho phù hợp với đặc điểm của nhà trường thì việc kiểm tra đánh giá mới khách quan, công bằng.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó những tác động quản lý giáo dục của ban giám hiệu, giáo viên có ảnh hưởng mạnh mẽ tới quá trình giáo dục, rèn luyện KNS cho trẻ. Vì vậy, khi kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục KNS cho trẻ phải xác định rõ mục đích, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, công khai. Đây vừa yêu cầu, vừa là nguyên tắc cao nhất trong kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ phải gắn liền với

nội dung đánh giá kết quả phát triển của trẻ về nhận thức, nhân cách và thể lực. Để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra kết quả giáo dục KNS cho trẻ trong quá trình dạy học, giáo dục ở nhà trường, nhà quản lý giáo dục cần: lập kế hoạch kiểm tra (kế hoạch kiểm tra cần xác định rõ mục tiêu, nội dung kiểm tra, đánh giá, chuẩn đánh giá, phương pháp, hình thức đánh giá); xây dựng các lực lượng kiểm tra, đánh giá; xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá; tổ chức kiểm tra, đánh giá; phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá và phản hồi thông tin đến giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục KNS cho trẻ.

Quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, trước hết phải thực hiện theo đúng kế hoạch hoạt động đã được xây dựng, để đảm bảo cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non diễn ra theo đúng tiến trình, đúng nội dung, thời gian, đảm bảo cho trẻ có điều kiện tích lũy kiến thức, có điều kiện để phát triển phẩm chất nhân cách, các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết theo yêu cầu giáo dục KNS đã đề ra. Nhà trường trong đó Ban giám hiệu có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của giáo viên bằng các hình thức như quan sát, dự giờ, kiểm tra giờ tự quản của học sinh, tự kiểm tra đánh giá của tổ chuyên môn, qua các hoạt động ngoại khóa, kiểm tra qua các tình huống cụ thể.

1.4.2.5. Quản lý lực lượng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em ở trường mầm non

Người cán bộ quản lý cần nhận thức được tầm quan trọng của việc phối hợp giáo dục giữa gia đình - nhà trường - xã hội để có sự quản lý đúng đắn và linh hoạt bởi lẽ quá trình hình thành và phát triển nhân cách nói chung, các phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị nói riêng luôn bị chế ước bởi những điều kiện khách quan và chủ quan tác động. Để công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ đạt hiệu quả cao cần có một môi trường giáo dục lành mạnh, môi trường văn hóa thuận lợi cho giáo dục, trong đó mọi người từ gia đình đến cộng đồng đều cùng nhà trường làm tốt việc định hướng giá trị của xã hội chúng ta. Nhà trường cần phối hợp với các lực lượng giáo dục nhằm tạo mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường; huy động mọi nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho việc giáo dục trẻ nói chung, giáo dục đạo đức nói riêng. Bên cạnh đó, nhà trường phải làm sao cho xứng đáng là trung tâm giáo dục của địa phương; làm thế nào để địa phương luôn đồng tình, ủng hộ, phối kết hợp với nhà trường nhằm mục đích chung là giáo dục con em nên người, trang bị cho học

sinh có kỹ năng sống để thành

công trong cuộc sống. Dù trong hoàn cảnh nào, hiệu trưởng cũng cần quan tâm tổ chức, sắp xếp, tô điểm bộ mặt cơ sở vật chất, khung cảnh sư phạm nhà trường để toàn bộ khung cảnh nhà trường có ý nghĩa giáo dục. Ngoài ra, hiệu trưởng cần tạo ra một bầu không khí giáo dục trong nhà trường nền nếp, đúng mực, quan hệ thân thiện giữa các thành viên trong nhà trường. Với một bầu không khí như vậy, chắc chắn sẽ có tác dụng tích cực đến việc hình thành các kỹ năng sống cho trẻ, góp phần tạo nên phẩm chất chuẩn mực cho trẻ.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

1.5.1. Các yếu tố khách quan

1.5.1.1. Tác động từ mục tiêu, yêu cầu đổi mới nội dung chương trình giáo dục ở bậc mầm non

Quá trình giáo dục KNS cho trẻ, nếu không bám sát mục tiêu giáo dục ở bậc mầm non và không xác định được yêu cầu của việc giáo dục KNS cho trẻ thì công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện KNS cho trẻ ở các trường mầm non sẽ không đạt hiệu quả. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi nước ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta xác định, đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho nền giáo dục nước nhà. Vì thế, giáo dục ở các cấp học, bậc học phải hướng tới đổi mới toàn diện, sâu sắc hơn cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Do vậy, việc giáo dục KNS cho trẻ nhằm thực hiện mục tiêu của giáo dục ở bậc mầm non, đó là giúp trẻ phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam, xây dựng tỷ cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho trẻ bước vào thời kỳ học tập ở bậc tiểu học và các bậc học tiếp theo. Bên cạnh đó Thành phố Thái Nguyên với số lượng dân cư đông nên số lượng trẻ ở độ tuổi mầm non nhiều, tạo nên một áp lực lớn đối với giáo dục mầm non của TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, khuôn viên sinh hoạt, khu vui chơi dành cho các cháu ít nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển các kỹ năng hoạt động của trẻ. Do đó, trong quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nói chung, trẻ em ở các trường mầm non trên địa bàn quận TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên cần phải tính đến yếu tố này để phát triển toàn diện.

1.5.1.2. Hoàn cảnh kinh tế xã hội của đất nước và địa phương

Bước vào thời kỳ mới, thời kỳ hội nhập quốc tế đã tạo ra những ảnh hưởng tích cực tới trẻ mầm non. Trẻ được chăm sóc chu đáo và đầy đủ dinh dưỡng, trẻ mạnh

dạn

tự tin hơn và tiếp xúc được nhiều với văn hóa của các nước, trẻ có cơ hội được tiếp xúc và thể hiện kỹ năng sử dụng các công nghệ mới cũng như sử dụng các thiết bị hiện đại... và đó là điều kiện tốt cho trẻ mở rộng được tầm nhìn, tiếp cận, hưởng thụ sản phẩm, thành tựu văn hóa đa dạng hơn trong thời kỳ hội nhập.

Tuy nhiên, nếu không có đủ khả năng chọn lọc và không xác định được những kỹ năng cần thiết cho trẻ, vì trẻ ở thành thị thích chơi điện thoại, xem phim và trẻ mầm non có thể biết vào mạng chơi game nhất là những trò chơi bạo lực, không có sự quản lý chặt chẽ thì sự phát triển của trẻ sẽ không như ý muốn, trẻ không có kỹ năng tự phục vụ bản thân, kém trong giao tiếp, không chịu được tác động của sự thay đổi đột ngột và hơn cả là kém về mối quan hệ trong cuộc sống của trẻ. Nếu ngay từ tuổi mầm non, trẻ không được quan tâm chăm sóc, không được giáo dục và trang bị tốt các kỹ năng thì trẻ sẽ không thể tồn tại tốt trong xã hội đang phát triển.

Với tình hình hiện nay mỗi gia đình chỉ có một đến hai con, tình cảm họ dành cho con cái quá nhiều, hay làm thay làm hộ trẻ, chính điều đó cũng làm mất đi cơ hội để trẻ tự trau dồi kỹ năng cho riêng mình, tạo cho trẻ tính ích kỷ, ỷ lại, thích được quan tâm, đòi hỏi người khác phục vụ, chăm sóc và luôn là trung tâm của cả gia đình. Một số trẻ lên 5 tuổi chưa tự xúc cơm, chưa tự mặc quần áo đơn giản, và chưa biết thể hiện ý muốn của mình với người khác...

Hiện trạng xã hội như vừa nêu đòi hỏi nhà trường, các gia đình và cả xã hội phải tăng cường công tác giáo dục KNS, hình thành cho trẻ những kỹ năng phù hợp với độ tuổi và bản thân, muốn vậy phải có những biện pháp quản lý phù hợp để trẻ mầm non phát triển và hoàn thiện nhân cách toàn diện.

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TP Thái Nguyên - Tỉnh TN luôn coi trọng sự nghiệp trồng người, đặt nhiệm vụ Giáo dục và Đào tạo là một nhiệm vụ quan trọng để góp phần phát triển văn hoá - xã hội của TP. Với sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, Chính quyền và các ban ngành đoàn thể của TP, đặc biệt là sự đóng góp công sức, tâm huyết của các thầy giáo, cô giáo, sự nghiệp giáo dục của TP Thái Nguyên ngày càng phát triển, Chất lượng giáo dục đạo đức và văn hoá ngày càng được nâng lên. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư; môi trường dạy và học ngày càng được cải thiện: xanh, sạch, đẹp.

Song song với đầu tư cơ sở vật chất, năm học vừa qua ngành giáo dục TP Thái Nguyên còn tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trong quá trình

hội nhập, trong đó đặc biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đổi mới phương pháp dạy học. TP tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên đối với giáo viên dạy trẻ khuyết tật, trẻ em bị thiệt thòi.

Chính sự đầu tư và những bước phát triển của tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là giáo dục,... đã và đang tác động rất lớn đến hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nói chung, trẻ em ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

1.5.1.3. Tác động từ cơ sở vật chất của các trường mầm non

Vấn đề về cơ sở vật chất là một bộ phận rất quan trọng của nhà trường là thành tố không thể thiếu được trong công tác giáo dục trẻ, nó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục. Xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non, chính là tạo ra một môi trường sư phạm có đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc, trang thiết bị, đồ dùng, sân chơi... đó chính là tạo ra môi trường sư phạm có đủ diện tích cho trẻ hoạt động, có cảnh quan đẹp, hấp dẫn mang tính giáo dục cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ là tiền đề quan trọng để nhà trường mầm non phát huy tầm ảnh hưởng của mình đến với cộng đồng. Chất lượng nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường có đảm bảo, trẻ đến trường có khỏe mạnh và phát triển tốt thì vai trò của nhà trường mới được phụ huynh và cộng đồng thừa nhận. Vì vậy đầu tư cơ sở vật chất trong trường mầm non trang thiết bị mầm non đồ chơi mầm non để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ là vấn đề quan trọng hàng đầu ở cơ sở giáo dục mầm non nói chung và các trường mầm non TP Thái Nguyên nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Chính vì vậy, yếu tố vật chất có vai trò quan trọng, góp phần bảo đảm cho giáo dục KNS đạt hiệu quả.

1.5.2. Các yếu tố chủ quan

1.5.2.1. Tác động từ nhận thức của các lực lượng giáo dục trong nhà trường về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Với trình độ nhận thức của đội ngũ CBQL nó ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Nhận thức đúng giúp nhà trường phát huy được thế mạnh của giáo viên và các lực lượng giáo dục tham gia vào quản lý giáo dục KNS cho trẻ, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giáo dục và quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Nhận thức của các lực lượng quản lý và

giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, được đánh giá bởi các vấn đề như nhận

thức về sự cần thiết phải giáo dục KNS cho trẻ; hiểu thế nào là KNS; ý nghĩa vai trò của giáo dục KNS cho trẻ, nhất là trước sự phát triển và hội nhập của đất nước; vai trò chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Ban giám hiệu, CBQL, giáo viên, vai trò trách nhiệm của gia đình và các tổ chức ngoài xã hội trong việc giáo dục KNS cho trẻ; mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - các tổ chức ngoài xã hội đối với việc giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay.

Nhận thức của các lực lượng quản lý và giáo dục phù hợp với mục tiêu quản lý sẽ thúc đẩy cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ nhanh chóng đạt hiệu quả tối ưu và ngược lại khi nhận thức lệch lạc, chưa đúng với yêu cầu tổ chức giáo dục KNS cho trẻ sẽ trở thành lực cản việc tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ của các trường mầm non. Do vậy, nhận thức của các lực lượng quản lý và thực hành giáo dục đúng sẽ tạo nên sự đồng thuận trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ cũng như hiểu được sự cần thiết của việc tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ để thúc đẩy cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ đạt kết quả theo sự kỳ vọng của các lực lượng tham gia tổ chức giáo dục.

1.5.2.2. Tác động từ năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên

Hiệu trưởng cùng các nhà quản lý trường MN (phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn...) là những người quản lý nhà trường MN và có vai trò quyết định đối với chất lượng hoạt động trong nhà trường MN. Vì vậy, các yếu tố thuộc về hiệu trưởng và nhà quản lý trường MN có ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động, trong đó có hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi. Các yếu tố thuộc về hiệu trưởng và các nhà quản lý trường MN bao gồm:

- Nhận thức của hiệu trưởng về vai trò của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
- Năng lực, trình độ quản lý của hiệu trưởng đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
- Tinh thần trách nhiệm, lòng nhiệt tình của hiệu trưởng đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
- Vốn tri thức và kinh nghiệm của hiệu trưởng.
- Sự chỉ đạo đúng hướng và tạo điều kiện về tinh thần và vật chất cho GV trong trường MN.

GV và trẻ em trong các trường MN là hai lực lượng quan trọng cơ bản của trường MN. Hai lực lượng cơ bản này và sự tương tác trong hoạt động của GV và trẻ có ảnh hưởng rất nhiều đến quản lý giáo dục kỹ năng sống của các CBQL trong nhà trường MN.

- Giáo viên mầm non

Giáo viên mầm non là lực lượng chính trực tiếp tổ chức hoạt động giáo dục và rèn luyện KNS cho trẻ. Chất lượng và mức độ nhanh chóng của hình thành và phát triển KNS ở trẻ là do người GVMN góp phần quyết định. Vì vậy, nếu người GVMN được trang bị đầy đủ kiến thức, được đào tạo và bồi dưỡng các tri thức và kỹ năng sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức hoạt động của nhà trường MN nói chung và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nói riêng. Yếu tố thuộc về người GVMN ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trước hết phải kể đến nhận thức của GVMN về KNS và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ: nhận thức được các KNS cần thiết, thiết yếu để giúp trẻ MN thích ứng được với học tập giáo dục và nuôi dưỡng trong nhà trường MN. Mặt khác, phải kể đến những hiểu biết của GV về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ (mục tiêu giáo dục nội dung, giáo dục, hình thức và phương pháp kỹ năng sống).

Kinh nghiệm và trình độ năng lực của GVMN khi tham gia giáo dục cho trẻ đóng vai trò rất lớn trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Ý thức làm việc của GV chi phối hoạt động kỹ năng sống. Nếu GV có ý thức làm việc tốt, có trách nhiệm với công việc thì trẻ cùng với các KNS cần có của trẻ sẽ được hình thành và phát triển tốt.

Thêm nữa, còn phải kể đến các yếu tố khác thuộc về GVMN như lòng yêu nghề (yêu công việc giáo dục và chăm sóc trẻ) và yêu trẻ của bản thân GV.

Đời sống vật chất của người GVMN hiện nay với thu nhập và chất lượng cuộc sống cũng là một yếu tố ảnh hưởng rất nhiều đến công việc của GVMN trong nhà trường. Nếu xã hội và Nhà nước tạo đầy đủ các điều kiện vật chất đảm bảo cuộc sống của GVMN thì sẽ giúp GVMN yên tâm làm việc và hiệu quả của người giáo dục sẽ tốt hơn.

Ngoài ra, sự phối hợp giữa GVMN với các lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng sống khác trong và ngoài nhà trường sẽ góp phần quy định chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- *Trẻ mầm non*: Đặc điểm lứa tuổi MN 5-6 tuổi với các đặc điểm cơ bản: tính trực quan chiếm ưu thế trong các hoạt động nhận thức và cuộc sống của trẻ. Tính không chủ định nổi trội trong các đặc điểm nhân cách của trẻ MN. Trẻ ở lứa tuổi này có tính hồn nhiên, sống bằng tình cảm... là những yếu tố có ảnh hưởng rất nhiều đến việc hình thành phát triển, giáo dục kỹ năng sống cho các em. Do đó, CBQL trường MN, GVMN và các lực lượng ngoài xã hội tham gia giáo dục kỹ năng sống cho trẻ cần phải chú ý để chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả.

1.5.2.3. Tác động từ môi trường gia đình và xã hội

Ở bất cứ lứa tuổi nào thì gia đình đều là môi trường giáo dục quan trọng và quyết định đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Nhưng đặc biệt đối với lứa tuổi MN và đối với vấn đề giáo dục, phát triển KNS cho trẻ thì vai trò gia đình trực tiếp quyết định đến hiệu quả của công tác giáo dục vì bản thân cha mẹ vừa là người sinh thành ra trẻ, vừa là nhà giáo dục nên sức mạnh giáo dục rất lớn. Môi trường gia đình là môi trường giáo dục đặc biệt đối với KNS và đối với trẻ. Chính vì vậy, gia đình ảnh hưởng rất lớn đến kỹ năng sống. Có thể kể ra một số yếu tố thuộc về gia đình bao gồm:

Quan điểm của gia đình trẻ về trường tư thục và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ: Ảnh hưởng lớn tới chất lượng các hoạt động giáo dục, với một số quan niệm sai lệch của một số các bậc cha mẹ là học trường tư thục là trông trẻ, và đến trường tư thục là được yêu cầu về chăm sóc là chủ yếu, các hoạt động khác các bậc CMHS hầu hết không quan tâm.

- Sự nhận thức về tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.
- Sự phối hợp của gia đình với GV, nhà trường trong việc kỹ năng sống.
- Sự quan tâm của gia đình trẻ về vấn đề kỹ năng sống.

Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN bao giờ cũng diễn ra trong một môi trường và các điều kiện về mặt pháp lý, xã hội và vật chất nhất định. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại MN được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú và đa

dạng như thông qua giáo dục, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động trải

nghiệm... Hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng sống phụ thuộc vào các điều kiện đảm bảo, bao gồm:

Quan điểm chỉ đạo của Vụ GDMN, Bộ GD&ĐT về GDMN nói chung và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nói riêng. Quan điểm chỉ đạo là định hướng cho toàn bộ hoạt động giáo dục kỹ năng sống đi đến đích, đạt hiệu quả và đảm bảo mục tiêu của GDMN.

Sự tạo điều kiện về tinh thần và vật chất của xã hội. Một xã hội coi trẻ là trung tâm và là thế giới ngày mai, tạo mọi điều kiện cho trẻ thì hoạt động giáo dục trẻ nói chung và giáo dục kỹ năng sống nói riêng sẽ đạt hiệu quả cao. Cơ chế, văn bản, nghị quyết, chính sách về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường và xã hội: Có ba lực lượng cơ bản đồng thời là ba môi trường cơ bản tham gia vào giáo dục trẻ trong các trường MN, đó là: gia đình, nhà trường và xã hội. Nếu ba lực lượng này và ba môi trường này tạo mọi điều kiện và hòa đồng, hòa nhập tốt trong giáo dục cho trẻ thì chất lượng và hiệu quả của giáo dục kỹ năng sống trong trường MN cao, từ đó hình thành được những KNS cho trẻ, giúp các em thích ứng được với cuộc sống nhà trường, gia đình và xã hội. Dưới góc độ giáo dục, gia đình, xã hội không chỉ là lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục mà còn là môi trường giáo dục quan trọng. Trong lĩnh vực giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, môi trường gia đình và môi trường xã hội có thể tác động theo hướng tích cực hoặc không tích cực đối với quá trình hình thành và phát triển KNS của trẻ. Do KNS thuộc phạm trù năng lực nên sự trải nghiệm có ý nghĩa quan trọng đòi hỏi quá trình giáo dục KNS cho trẻ cần phát huy tốt sức mạnh của các yếu tố gia đình và xã hội.

Kết luận chương 1

Giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là một bộ phận của quá trình giáo dục trong nhà trường, là sự tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, có vai trò quan trọng trong việc hình thành con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu xã hội. Vì vậy, nội dung, cách thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu để vận dụng

cho phù hợp với từng thời kỳ. Đặc biệt ngày nay, khi nước ta đang hội

nhập sâu rộng với thế giới, đòi hỏi sự nghiệp giáo dục phải đào tạo nên những con người mới có đủ phẩm chất, năng lực và các kỹ năng ứng xử nhằm đáp ứng kịp thời với sự phát triển đất nước thì hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non càng được quan tâm hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, cho đến nay đã có nhiều tác giả nghiên cứu về giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non với những cách tiếp cận, mục đích nghiên cứu khác nhau.

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non là hoạt động có mục đích, có tổ chức được tiến hành một cách chặt chẽ, có kế hoạch của chủ thể giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục đã xác định. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non gồm các nội dung như: quản lý mục tiêu, kế hoạch giáo dục kỹ năng sống; quản lý nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống; quản lý cơ sở vật chất, kết quả và lực lượng giáo dục.. Tuy nhiên, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non chịu sự tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý như: chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; phương tiện vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống; tiêu chí đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống...

Vì vậy, đòi hỏi các chủ thể giáo dục, trực tiếp là cán bộ quản lý và giáo viên trong mỗi nhà trường cần chú trọng quản lý tất cả các mặt từ mục tiêu, kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, quản lý các lực lượng giáo dục, quản lý phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống, quản lý phương tiện công cụ hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống, đánh giá được kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Trên cơ sở đó đánh giá đúng thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Giới thiệu tổng quan về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Mục đích khảo sát nhằm đánh giá thực trạng giáo dục và quản lý giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên để làm rõ hạn chế và nguyên nhân hạn chế; đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Thái Nguyên đạt hiệu quả tối ưu nhất.

2.1.2. Nội dung khảo sát

- Khảo sát thực trạng giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.
- Khảo sát thực trạng quản lý giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

2.1.3. Đối tượng khảo sát

- Đối tượng hỏi gồm: 25 CBQL giáo dục ở trường mầm non, chuyên viên của Phòng GD&ĐT TP Thái Nguyên; 80 giáo viên ở các trường mầm non và 150 cha, mẹ trẻ ở các trường mầm non thành phố Thái Nguyên.
- Số liệu mô tả chi tiết về đối tượng nghiên cứu của luận văn được trình bày cụ thể tại bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2.1: Mẫu đối tượng khảo sát thực trạng

TT	Các trường mầm non TP Thái Nguyên	CBQL	GV	PHHS	Tổng số
1	Trường mầm non Gia Sàng	2	8	18	28
2	Trường mầm non Hòa Mi	2	8	13	23
3	Trường mầm non Hoa Mai	3	9	14	26
4	Trường mầm non Hoa Hồng	2	7	16	25
5	Trường mầm non Hoa Sen	2	8	15	25
6	Trường mầm non 1/5 Gang Thép	3	7	15	25
7	Trường mầm non Trung Vương	3	9	13	25
8	Trường mầm non Túc Duyên	3	8	17	28
9	Trường MN Liên Cơ Gang Thép	2	8	15	25

10	Trường MN Bệnh Viện Đa Khoa	3	8	15	26
Tổng cộng		25	80	150	255

Tổng số mẫu đối tượng khảo sát tại các trường trên địa bàn TP Thái Nguyên là 255 người.

Theo nhóm đối tượng khảo sát bao gồm: cán bộ quản lí tại các sở giáo dục, phòng giáo dục, BGH, giáo viên, phụ huynh ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên.

Bảng 2.2: Cơ cấu độ tuổi đội ngũ giáo viên, CBQL các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên

Đối tượng	Từ 20-30 tuổi		Từ 30 - 35 tuổi		Từ 35 - 40 tuổi		Từ 40 - trở lên		Tổng
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
CBQL	3	12.0	7	28.0	12	48.0	3	12.0	25
Giáo viên	15	18.7	25	31.3	30	37.5	10	12.5	80
Tổng									105

Đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên của các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên được tiến hành khảo sát có độ tuổi chủ yếu nằm trong khoảng từ 30 đến 40 tuổi chiếm 72.4% tổng số đối tượng khảo sát. Nhìn vào bảng trên cho ta thấy tuổi đời, tuổi nghề của đội ngũ giáo viên còn rất trẻ. Giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế về nghề nghiệp cũng như kỹ năng đứng lớp. Đây cũng là một trong khó khăn của hệ thống các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

Bảng 2.3: Cơ cấu tuổi nghề đội ngũ giáo viên, CBQL trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Đối tượng	1 - 5 năm		6 - 10 năm		11 - 15 năm		16 - 20 năm		Tổng
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
CBQL	4	16.0	10	40.0	8	32.0	3	12.0	25
GV	12	15.0	40	50.0	20	25.0	8	10.0	80
Tổng	16	15.2	50	47.6	28	26.7	11	10.5	105

Nhận xét:

Qua bảng 2.3 cho thấy CBQL của các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên được khảo sát có thâm niên công tác còn thấp từ 6-10 năm (chiếm 47.6%).

Qua bảng số liệu 2.2 và 2.3 cho thấy, cơ cấu tuổi nghề và tuổi đời đội ngũ giáo

viên các trường mầm non được khảo sát tập trung vào nhóm có thâm niên công tác từ

6 đến 10 năm và độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi. Với độ tuổi này, các giáo viên và CBQL đã có những tích lũy nhất định về chuyên môn, phương pháp giảng dạy và giáo dục, có khả năng cập nhật cái mới và tiếp nhận sự thay đổi. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và giáo dục kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi trên địa bàn được khảo sát, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**Bảng 2.4. Cơ cấu trình độ chuyên môn đội ngũ giáo viên,
CBQL trường mầm non TP Thái Nguyên**

Đối tượng	Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Tổng
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
CBQL	3	12.0	22	88.0	0	00.0	0	00.0	25
GV	0	00.0	72	90.0	8	10.0	0	00.0	80
Tổng	3	3.0	94	89.5	8	7.5	0	00.0	105

Về trình độ chuyên môn, tất cả giáo viên, CBQL các trường mầm non TP Thái Nguyên đều đạt trên chuẩn. Tuy nhiên với tổng số CB giáo viên được khảo sát chỉ có 03 CBQL là thạc sĩ so với các ngành khác là rất khiêm tốn vì vậy cần bổ sung tăng cường cho CBQL được nghiên cứu học tập nâng cao tay nghề về QLGD đặc biệt với GDMN nhằm tăng cường đội ngũ CB cốt lõi có kiến thức cao trong hoạt động QLGD phục vụ tốt hơn công tác QLGD nói chung, quản lý giáo dục kỹ năng sống nói riêng.

2.1.4. Phương pháp khảo sát

- Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi
- Phương pháp trao đổi, phỏng vấn
- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm giáo dục

2.1.5. Địa bàn, thời gian khảo sát

Tác giả tiến hành khảo sát 10 trường mầm non của thành phố Thái Nguyên, đó là: Trường mầm non Gia Sàng; Trường mầm non Hòa Mỹ; Trường mầm non Hoa Mai; Trường mầm non Hoa Hồng; Trường mầm non Hoa Sen; Trường mầm non 1/5 Gang Thép; Trường mầm non Trung Vương; Trường mầm non Túc Duyên; Trường mầm non Liên Cơ; Trường mầm non Bệnh Viên Đa Khoa.

Thời gian khảo sát: từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 11 năm 2019

2.2. Khái quát tình hình kinh tế, xã hội và giáo dục của TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

2.2.1. Khái quát tình hình kinh tế, xã hội của thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, một số lĩnh vực có sự phát triển bứt phá; hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch hằng năm; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường; các chính sách xã hội được quan tâm đúng mức; diện mạo của tỉnh từ thành thị đến nông thôn có nhiều khởi sắc; đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ của tỉnh Thái Nguyên, là đầu mối giao thông quan trọng nối các tỉnh vùng Trung du miền núi Bắc bộ với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và thủ đô Hà Nội. Đó là quốc lộ 3 nối Hà Nội- Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng, cửa khẩu Tà Lùng Cao Bằng; Quốc lộ 1B nối Thái Nguyên - Lạng Sơn, cửa khẩu Hữu nghị quan; Quốc lộ 37 nối với các tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang với Bắc Giang - Bắc Ninh, hệ thống đường xe lửa Thái Nguyên - Bắc Giang - Lạng Sơn - Hà Nội; Đường cao tốc quốc lộ 3 mới nối với thủ đô đã được khởi công xây dựng năm 2010; Thành phố Thái Nguyên cách sân bay quốc tế Nội bài 52 Km.

Thành phố Thái Nguyên là trung tâm lớn đứng thứ 3 trong toàn quốc về giáo dục đào tạo chuyên nghiệp chỉ sau thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2010, trên địa bàn thành phố có 7 trường đại học và 25 trường cao đẳng và trung tâm chuyên nghiệp công lập với lưu lượng học sinh sinh viên hàng năm trên 80.000 người học.

Thành phố Thái Nguyên là thành phố công nghiệp luyện kim đầu tiên và là cánh chim đầu đàn của ngành luyện kim Việt nam. Nơi đây năm 1959 đã được đảng và nhà nước đầu tư xây dựng khu công nghiệp gang thép và sau đó là các nhà máy luyện kim màu. Hiện nay chỉ tính riêng khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên đã có 17 nhà máy, xí nghiệp thành viên với gần 7 vạn công nhân, mỗi năm cung cấp cho tổ quốc hơn nửa triệu tấn gang thép. Hiện nay tại đây đang đầu tư và mở rộng giai đoạn 2 để đáp ứng thép gang cho sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước.

Thành phố Thái Nguyên là một trung tâm y tế lớn của cả vùng. Đến nay đã có 9 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa của trung ương và của địa phương với trên 2000 giường bệnh. Với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị ngày càng hiện

đại, đã góp phần quan trọng nhằm giảm tải cho các bệnh viện lớn tại Hà Nội.

Thành phố Thái Nguyên trung tâm nổi với các tuyến, tua, điểm di lịch của các nước và các tỉnh phía Bắc. Nơi có vùng du lịch nổi tiếng Hồ núi cốc và vùng chè đặc sản Tân Cương. Hiện trên địa bàn có hơn 100 điểm di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh và quốc gia. Giữa trung tâm thành phố là Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam, nơi lưu giữ tất cả nền văn hóa của 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam. Thăm bảo tàng du khách như được tận mắt đi, đến tất cả các vùng miền của đất nước.

2.2.2. Tình hình giáo dục của TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Là trung tâm giáo dục đào tạo lớn thứ 3 toàn quốc, sau Hà Nội và TP.HCM. Hiện nay, trên địa bàn TP có gần 30 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp thuộc các ngành giáo dục, nông nghiệp, y tế, kinh tế và công nghiệp, trong đó chủ lực là Đại học Thái Nguyên, với 19 đơn vị thành viên, là đại học đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo từ dạy nghề đến đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong hệ thống giáo dục quốc dân, là nơi đào tạo nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Sự phát triển lớn mạnh của Đại học Thái Nguyên đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của TP. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật được thành lập, hoạt động ổn định, ngày càng phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế xã hội trong và ngoài tỉnh.

Từng bước triển khai có hiệu quả các đề án, dự án đã được phê duyệt như: Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020,... Mạng lưới trường lớp được củng cố, phát triển, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.

Thành phố Thái Nguyên có 142 trường, với 1.969 nhóm, lớp, 69.678 học sinh. So với năm học 2017-2018, tăng 05 trường (thành lập mới 06 trường mầm non ngoài công lập, sát nhập Trường Tiểu học Phúc Hà và Trường THCS Phúc Hà thành trường TH&THCS Phúc Hà); tăng 72 nhóm, lớp, 1.562 học sinh. Cụ thể:

- Mầm non: 63 trường (45 trường công lập trực thuộc phòng GDĐT thành phố Thái Nguyên, 02 trường công lập trực thuộc Bộ Quốc phòng); 15 trường tư thục, 01 trường dân lập, 23 cơ sở mầm non tư thục; với 764 nhóm, lớp, 23.201 trẻ (17.603 trẻ công lập, 5.598 trẻ tư thục), trong đó 191 lớp nhà trẻ, 573 lớp mẫu giáo.

- Tiểu học: 42 trường (40 trường công lập, 02 trường tư thục), 789 lớp (công lập 774 lớp, tư thục 15 lớp); 29.208 học sinh (công lập 29.012 học sinh, tư thục 196 học sinh).

- THCS: 37 trường (trong đó 34 trường THCS công lập, 02 trường phổ thông công lập có nhiều cấp học, 01 trường phổ thông dân lập có nhiều cấp học), 453 lớp, 17.788 học sinh.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt để tăng cường cơ sở vật chất cho ngành giáo dục đào tạo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020, được triển khai theo kế hoạch từng năm, trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, đã tham mưu UBND thành phố Thái Nguyên đầu tư xây dựng 192 phòng học, 20 phòng bộ môn, cải tạo 8 phòng học với tổng số tiền trên 194,1 tỉ đồng. Mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học cho các trường học với tổng kinh phí trên 3,9 tỷ đồng; cải tạo sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất cho các nhà trường trên 1,4 tỉ đồng. Tuy nhiên một số trường cơ sở vật chất bị xuống cấp, còn thiếu cơ sở vật chất như phòng học văn hóa, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, nhà bếp, khu vui chơi và khu hành chính quản trị.

Trong năm qua kinh phí phân bổ chi thường xuyên cho các nhà trường đảm bảo chi lương, các khoản theo lương và chi thường xuyên khác trên 386,3 tỉ đồng (cấp mầm non trên 128 tỉ đồng, cấp tiểu học trên 139,7 tỉ đồng, cấp THCS trên 118,6 tỉ đồng).

Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh thu hút các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào giáo dục, trong đó khuyến khích thành lập các trường tư thục chất lượng cao. Năm học 2018-2019, thành phố Thái Nguyên thành lập được 06 trường mầm non tư thục với quy mô 80 lớp, tổng kinh phí đầu tư trên 250 tỉ đồng.

**. Giáo dục mầm non*

Thành phố có 63 trường. Trong đó: 45 trường công lập trực thuộc phòng GDĐT thành phố Thái Nguyên, 02 trường công lập trực thuộc Bộ Quốc phòng, 15 trường tư thục, 01 trường dân lập, 23 cơ sở mầm non tư thục; với 764 nhóm, lớp, 23.201 trẻ (17.603 trẻ công lập, 5.598 trẻ tư thục), trong đó 191 lớp nhà trẻ, 573 lớp mẫu giáo (185 lớp mẫu giáo 5 tuổi với 6.176 trẻ).

Tỷ lệ huy động:

- Nhà trẻ: 191 lớp, 5.033 trẻ, tỷ lệ huy động 36.8%.
- Mẫu giáo: 573 lớp, 18.168 trẻ, tỷ lệ huy động 98.5%, trong đó mẫu giáo 5 tuổi: 185 lớp, 6.176 trẻ, tỷ lệ huy động 100%.

Phòng GDĐT thành phố tham mưu với UBND thành phố trong việc quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đầu tư xây dựng phòng học cho các trường mầm non công lập; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, thành lập các trường mầm non tư thục, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu năm học, phân luồng tuyển sinh theo địa bàn, hạn chế số học sinh giáp ranh, trái tuyến, nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải học sinh.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trong việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ, tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề, công tác quản lý của Hiệu trưởng qua đó tư vấn, chấn chỉnh kịp thời những nội dung thực hiện chưa đúng quy định, chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập tăng lên rõ rệt, số trẻ đến trường mầm non ngoài công lập tăng hơn so với năm học trước. 100% các trường, các cơ sở mầm non ngoài công lập thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo đúng quy định của Bộ GDĐT, 100% lớp mẫu giáo 5 tuổi thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, các trường mầm non được trang bị máy tính kết nối Internet; cán bộ quản lý, giáo viên có khả năng khai thác, sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ, các nhóm lớp đủ đồ dùng phục vụ cho việc dạy và học của cô và trẻ.

100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn, được học 2 buổi/ngày, có ăn bán trú tại trường, được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm. 100% trẻ được cân - đo, khám sức khỏe định kỳ, theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ cân nặng, chiều cao. Cụ thể:

- Trẻ nhà trẻ: Tổng số trẻ được cân, đo: 5033/5033 trẻ.
- + Trẻ nhà trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 165/5033 trẻ, tỷ lệ 3,3%
- + Trẻ nhà trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi: 159/5033 trẻ, tỷ lệ 3,2%
- + Trẻ thừa cân, béo phì: 60/5033 trẻ, tỷ lệ 1,2%
- Trẻ 5-6 tuổi: Tổng số có 18168/18168 trẻ được cân, đo:
- + Trẻ 5-6 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 777/18168 trẻ, tỷ lệ 4,3%
- + Trẻ 5-6 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi: 980/18168 trẻ, tỷ lệ 5,4%
- + Trẻ thừa cân, béo phì: 63/18168 trẻ, tỷ lệ 0,3%.

* Kết quả đánh giá chỉ số BMI của trẻ 5-6 tuổi 5 tuổi: Tổng số trẻ được đánh giá: 6212 trẻ; Bình thường: 5527 trẻ; Thừa cân: 285 trẻ; Béo phì: 189 trẻ; Suy dinh dưỡng thể gầy còm: 207 trẻ; Suy dinh dưỡng thể gầy còm mức độ nặng: 04 trẻ.

* Kết quả các cuộc thi:

- Tổ chức thành công Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp mầm non thành phố: Có 137/142 giáo viên dự thi đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (trong đó có 15 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi xuất sắc)

*. *Giáo dục phổ thông*

+ Cấp tiểu học

Năm học 2018-2019 thành phố Thái Nguyên có 42 trường (trong đó: 40 trường công lập, 02 trường tư thục), 789 lớp (công lập 774 lớp, tư thục 15 lớp); 29.208 học sinh (công lập 29.012 học sinh, tư thục 196 học sinh). So với năm học 2017-2018, giảm 01 trường (do sáp nhập Trường TH Phúc Hà với Trường THCS Phúc Hà); tăng 38 lớp, 1.836 học sinh.

Huy động 100% số trẻ 6 tuổi ra lớp 1, 100% trẻ trong độ tuổi được đến trường. 100% học sinh được học từ 8 đến 10 buổi/ tuần.

Duy trì và triển khai mô hình trường học mới với 7 trường tiểu học, chỉ đạo các trường tiểu học còn lại thực hiện nhân rộng việc trang trí lớp học và sinh hoạt chuyên môn theo chương trình VNEN. Việc đánh giá, xếp loại học sinh theo mô hình VNEN được thực hiện nghiêm túc theo Công văn số 5737/BGDĐT ngày 21/8/2013 của Bộ GDĐT, 100% học sinh của 7 trường thực hiện mô hình trường học mới đều đạt chuẩn kiến thức kỹ năng theo mô hình trường học mới Việt Nam.

Đối với mô hình học 2 buổi/ngày: Duy trì 100% trường tiểu học tổ chức 2 buổi/ngày và tổ chức cho học sinh ăn bán trú tại trường, củng cố và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Phòng GDĐT thành phố tham mưu với UBND thành phố trong việc đầu tư xây dựng mới và sửa chữa phòng học. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển sinh năm học, phân luồng tuyển sinh theo địa bàn, hạn chế số học sinh giáp ranh, trái tuyến, nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải học sinh.

Chỉ đạo tổ chức dạy học các môn tự chọn Tin học, tiếng Anh ở 100% trường tiểu học cho học sinh các khối 3,4,5, có 21 trường tiểu học triển khai dạy chương trình làm quen với tiếng Anh cho học sinh lớp 1.

- Tổ chức các cuộc thi:

Tổ chức thành công Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học năm học 2018-2019, có 163 giáo viên tham dự thi. Kết quả: Có 150 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (trong đó có 8 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi xuất sắc); Cuộc thi “Giáo viên viết chữ đẹp” thành phố Thái Nguyên năm học 2018-2019”, có 133/140 giáo viên dự thi đạt giải (Trong đó: 10 giải Nhất, 65 giải Nhì, 58 giải Ba).

**. Cấp THCS*

Thành phố Thái Nguyên có 37 trường, 453 lớp, 17.788 học sinh. Trong đó 34 trường THCS công lập, 440 lớp, 17.354 học sinh; 02 trường phổ thông công lập có nhiều cấp học, 32 lớp, 982 học sinh (trong đó cấp tiểu học 19 lớp, 548 học sinh; cấp THCS 13 lớp, 434 học sinh); 01 trường phổ thông dân lập có nhiều cấp học với 3 lớp tiểu học, 21 học sinh. So với năm học 2017-2018, toàn cấp học tăng 9 lớp, tăng 717 học sinh.

Phòng GDDT Thành phố ban hành Công văn số 768/GDDT-THCS ngày 07/9/2018 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2018-2019 phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, triển khai thực hiện tinh giản nội dung dạy học; xây dựng và triển khai dạy học các chủ đề tích hợp; tăng cường các hoạt động học tập nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Chỉ đạo và tổ chức tốt các cuộc thi như thi giải toán trên máy tính cầm tay, thi khoa học kỹ thuật từ cấp cơ sở, thành phố đến cấp tỉnh.

Kết quả công nhận tốt nghiệp THCS năm 2019: 4.127/4.127, đạt tỷ lệ 100%.

(Trong đó: Tốt nghiệp loại Giỏi: 1.384, tỷ lệ: 33,54%; loại Khá: 1.736, tỷ lệ: 42,06%; loại Trung bình: 1.007, tỷ lệ: 24,40%).

- Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm 2019-2020: Điểm trung bình các môn như sau: Môn Ngữ văn 6.01 (điểm trung bình toàn tỉnh là 5,48); môn Toán 5.53 (điểm trung bình toàn tỉnh là 3,44); Tiếng Anh 5.88 (điểm trung bình toàn tỉnh là 4,48); Điểm xét tuyển 28.9 (điểm xét tuyển trung bình toàn tỉnh là 22,33); thành phố Thái Nguyên xếp thứ nhất trong 9 huyện, thành phố, thị xã.

+ Tổ chức thành công các cuộc thi:

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn Khoa học tự nhiên và môn Thể

dục năm học 2018-2019, có 103/115 giáo viên tham dự thi đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (trong đó có 10 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi xuất sắc).

- + Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học có 54 sản phẩm dự thi của 36 trường THCS, kết quả: 2 giải Nhất, 6 giải Nhì, 8 giải Ba, 13 giải Tư.

- + Cuộc thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố năm học 2018-2019, có 352/762 học sinh tham gia thi đạt giải (Trong đó: 14 giải Nhất, 66 giải Nhì, 124 giải Ba, 148 giải Khuyến khích).

- + Cuộc thi sử dụng thiết bị thí nghiệm dành cho học sinh trung học năm học 2018-2019, Có 62 đội với 186 học sinh tham gia thi ở 3 môn Vật lí, Hóa học, Sinh học. Kết quả: Giải cá nhân có 90 học sinh đạt giải (Trong đó: 09 giải Nhất, 18 giải Nhì, 24 giải Ba, 39 giải Khuyến khích); giải tập thể: 01 giải Nhất (Trường TH&THCS 915 Gia Sàng), 03 giải Nhì (THCS Nha Trang, THCS Chu Văn An, THCS Nguyễn Du), 04 giải Ba (THCS Chùa Hang II, THCS Trung Vương, THCS Hương Sơn, THCS Tích Lương), 05 giải Khuyến khích (THCS Độc Lập, THCS Quang Trung, THCS Hoàng Văn Thụ, THCS Tân Thịnh, THCS Túc Duyên);

- + Tổ chức cuộc giao lưu học sinh giỏi lớp 6,7,8 thành phố kết quả: Có 549/1091 học sinh tham dự đạt giải, trong đó: 24 giải Nhất, 99 giải Nhì, 199 giải Ba, 227 giải Khuyến khích.

- + Kết quả các cuộc thi cấp tỉnh:

- Tham dự cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, có 5/5 sản phẩm dự thi đạt giải (2 sản phẩm đạt giải Nhì, 2 sản phẩm đạt giải Ba, 1 sản phẩm đạt giải Khuyến khích).

- Cuộc thi sử dụng thiết bị thí nghiệm dành cho học sinh trung học năm học 2018-2019 tỉnh Thái Nguyên, có 18/18 học sinh tham dự thi đạt giải (Trong đó: 06 giải Nhất, 07 giải Nhì, 02 giải Ba, 03 giải Khuyến khích), Phòng GD&ĐT thành phố Thái Nguyên đạt giải nhất toàn đoàn.

- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh có 140/162 học sinh đạt giải (Trong đó: 9 giải nhất, 37 giải Nhì, 65 giải Ba, 29 giải Khuyến khích).

**. Giáo dục thường xuyên*

Thực hiện Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013-2020, Kế hoạch số 130/KH-

UBND ngày 25/12/2013 về việc triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” trên địa bàn thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2013-2020, triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thành phố, thường xuyên thực hiện 3 nhiệm vụ: Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp - dạy nghề và bồi dưỡng thường xuyên.

Trong những năm qua, ngành giáo dục TP Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học, được tặng bằng khen của bộ Giáo dục. Quy mô của ngành giáo dục tiếp tục phát triển, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường mầm non, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn ở bậc tiểu học, trung học cơ sở được giữ vững. Việc thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua tiếp tục được đẩy mạnh, nâng cao. Ngành giáo dục luôn chú trọng đến chất lượng dạy và học, bên cạnh đó cũng đề cao các chương trình giáo dục ngoại khóa, giao lưu quốc tế nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện. Đó là cách “dạy chữ, dạy người” mà thầy trò ngành giáo dục TP Thái Nguyên đã làm rất hiệu quả nhiều năm nay. Chính sự ủng hộ và tâm huyết của lãnh đạo UBND TP Thái Nguyên trong đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, sự tham mưu của phòng giáo dục và sự vào cuộc của các trường trên địa bàn là những yếu tố quyết định cho những bước thành công ban đầu của ngành giáo dục TP Thái Nguyên được khởi sắc rõ rệt và đi lên rất mạnh mẽ trong những năm gần đây và chiều hướng đi lên của những năm tiếp theo.

2.3. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

2.3.1. Nhận thức của cán bộ, giáo viên và phụ huynh về vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Nhận thức về vai trò của giáo dục KNS cho trẻ là rất quan trọng, đặc biệt với những người làm công tác quản lý giáo dục ở nhà trường nói chung, trường mầm non nói riêng. Nếu CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh có nhận thức đúng đắn về hoạt động giáo dục KNS thì đó chính là điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, tiến hành các hoạt động giáo dục ở nhà trường, gia đình và xã hội có liên quan đến giáo dục KNS

cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay.

Qua khảo sát và xử lý kết quả điều tra về nhận thức của CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh về vai trò của giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.5. Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh về vai trò của giáo dục KNS cho trẻ

TT	Nội dung khảo sát	ĐT KS	Mức độ cần thiết					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Giáo dục phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho trẻ	CB	20	80.0	5	20.0	0	0
		GV	50	62.5	30	37.5	0	0
		PH	50	33.3	75	50.0	25	16.7
2.	Góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	60	75.0	20	25.0	0	0
		PH	120	80.0	30	20.0	0	0
3.	Hoạt động giáo dục KNS góp phần hình thành, phát triển các hành vi ứng xử có văn hoá	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	74	92.5	6	7.5	0	0
		PH	107	71.3	25	16.7	18	12.0
4.	Giáo dục KNS giúp trẻ sống chủ động, tích cực, tự tin hơn	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	68	85	12	15	0	0
		PH	130	86.7	18	12.0	2	1.3
5.	Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công	CB	21	84.0	4	16.0	0	0
		GV	62	77.5	14	17.5	4	5.0
		PH	125	83.4	17	11.3	8	5.3

Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi ở bảng 2.5 cho thấy, CBQL giáo dục, giáo viên và phụ huynh của trẻ ở các trường mầm non trên thành phố Thái Nguyên hầu hết đều có nhận thức đúng, khá đầy đủ về vị trí, vai trò của giáo dục KNS đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Cụ thể như sau:

Một là, đánh giá của CBQL giáo dục ở các trường mầm non:

CBQL giáo dục ở các trường mầm non đánh giá cao vai trò của giáo dục KNS trong quá trình giáo dục, thông qua giáo dục KNS là điều kiện quan trọng để rèn luyện hành vi, kỹ năng cho trẻ, phát huy được tính tích cực chủ động, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử của trẻ trong các tình huống khác nhau, đồng thời giúp trẻ sống an toàn, sống thành công, hiệu quả hơn. Cụ thể khi được hỏi về “Hoạt

động giáo dục KNS góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ”,
đã có 100% CBQL giáo dục ở

các trường mầm non khẳng định “rất cần thiết” vì thông qua giáo dục KNS sẽ giúp cho trẻ hình thành, phát triển nhân cách một cách toàn diện; 84% CBQL giáo dục cho rằng “Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công” có vai trò “rất cần thiết” và nó là cách tốt nhất để tiến hành giáo dục nhằm từng bước hình thành tư tưởng đạo đức cho trẻ. Giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non là một trong các hoạt động góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Cô giáo Nguyễn Mai Hoa, Phó Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Mai (Cam Giá) nói “Với trẻ hoạt động giáo dục KNS đưa vào trường mầm non là vô cùng quan trọng nó có tác dụng đưa trẻ tới môi trường lành mạnh thu hút trẻ tới lớp, tới trường, đem lại niềm vui, phấn khởi cho trẻ và cho phụ huynh của trẻ mà làm cho trẻ từng bước tự tin trong giao tiếp, giảm bớt sự lo lắng sợ sệt của trẻ và củng cố, khắc sâu, mở rộng nội dung học tập của trẻ ở bên trong và bên ngoài nhà trường”.

Bên cạnh đó vẫn còn một số ý kiến của một số chuyên viên giáo dục cho rằng các hoạt động giáo dục hiện nay của các trường mầm non vẫn chủ yếu tập trung vào giáo dục văn hoá, chưa đặt giáo dục KNS vào đúng vị trí quan trọng trong nội dung chương trình giáo dục của trường. Từ đó dẫn đến nội dung giáo dục KNS cho trẻ chưa được quan tâm ở các trường mầm non.

Hai là, đánh giá của giáo viên ở các trường mầm non:

Đa số giáo viên đều khẳng định vai trò của giáo dục KNS trong việc hình thành và từng bước phát triển đạo đức nhân cách của trẻ mầm non, chính vì vậy có 92.5% số giáo viên được hỏi khẳng định “Hoạt động giáo dục KNS góp phần hình thành, phát triển các hành vi ứng xử có văn hoá” là “rất cần thiết”; trong khi đó “Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công” chỉ có 77.5% giáo viên khẳng định là “rất cần thiết”. Tuy nhiên, vẫn còn 5.0% giáo viên cho rằng “Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công” là “không cần thiết”.

Ba là, đánh giá của phụ huynh học sinh ở các trường mầm non

Kết quả điều tra (bảng 2.5) đã cho thấy đại đa số phụ huynh đều nhận thức được vai trò to lớn của hoạt động giáo dục KNS cho trẻ, chính vì vậy có tới 83.3% ý kiến được hỏi đánh giá đúng về mức độ cần thiết của các nội dung trong hoạt động giáo dục KNS cho trẻ, cụ thể là “Giáo dục phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao

tiếp ứng xử của trẻ”. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận phụ huynh học sinh chưa nhận

thức hết được vai trò giáo dục to lớn của các hoạt động giáo dục KNS đối với việc phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp cho trẻ ở các trường mầm non, chính vì vậy vẫn còn 16.7% ý kiến cho rằng việc: “Giáo dục phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao tiếp ứng xử của trẻ” là “không cần thiết”. Để tìm hiểu về sâu sắc hơn vấn đề này, tác giả tiếp tục phỏng vấn một số phụ huynh với câu hỏi: “theo ông/bà giáo dục KNS có vai trò như nào đối với việc hình thành, phát triển nhân cách, đạo đức lối sống cho trẻ”, khi được hỏi một số phụ huynh vẫn khẳng định là các cháu khi đến lớp, đến trường mầm non, chỉ cần các cô giáo thường xuyên chăm sóc ăn, uống, ngủ nghỉ, dạy các cháu các trò chơi và cách giao tiếp với mọi người là đủ và mong muốn nhà trường, cô giáo tổ chức hoạt động cả tuần để giúp phụ huynh quản lý con cái, để phụ huynh yên tâm lao động, công tác (tập trung ở những phụ huynh bận công việc) và một số phụ huynh cũng thấy được việc cho trẻ tham gia các hoạt động giáo dục KNS ở nhà trường, lớp là giúp trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống chung với mọi người, tạo cho trẻ sự mạnh dạn, tự tin, chứ không phải vì hoạt động này có tác dụng hình thành, phát triển khả năng sống an toàn, khoẻ mạnh, thành công. Còn lại là các phụ huynh cho rằng việc giáo dục KNS cho trẻ chủ yếu là trách nhiệm của giáo viên, nhà trường nên không có ý kiến tham gia.

CBQL, giáo viên và phụ huynh có con gửi ở các trường mầm non đều nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của giáo dục KNS cho trẻ. Bên cạnh đó, vẫn còn một số giáo viên, phụ huynh nhận thức chưa thật toàn diện về vai trò của giáo dục KNS, nên ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi.

Thông qua nhận thức của CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh học sinh về vị trí, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục KNS đối với sự phát triển, hoàn thiện nhân cách của trẻ ở các trường mầm non là không đồng đều, đặc biệt là nhận thức của các chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động quản lý và tổ chức giáo dục KNS cho trẻ, từ đó dẫn đến việc thực hiện các nội dung giáo dục KNS cho trẻ không được toàn diện và không đạt hiệu quả như mục tiêu đã định. Để thấy rõ được điều này tác giả tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về nội dung giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

2.3.2. Thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

Hiện nay, nội dung giáo dục phát triển theo hướng nâng cao khả năng sáng tạo

của trẻ, năng lực hợp tác, tính tập thể, sự độc lập trong suy nghĩ, kỹ năng thực hành, vận dụng thực tiễn... Những nội dung giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay còn có nhiều ý kiến khác nhau, trong phạm vi đề tài, tác giả chỉ tập trung khảo sát 6 nhóm KNS giáo dục cho trẻ là: Nhóm kỹ năng về tự phục vụ bản thân; Nhóm kỹ năng giao tiếp quan hệ xã hội, nhóm kỹ năng giao tiếp; nhóm kỹ năng thực hiện mọi công việc, nhóm kỹ năng ứng phó với Sự thay đổi, nhóm kỹ năng học tập:

Bảng 2.6. Ý kiến CB, GV về nội dung giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi
5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Nhóm kỹ năng về tự phục vụ bản thân	CB	22	88	3	12	0	0.0
		GV	72	90	6	7.5	2	2.5
2.	Nhóm kỹ năng giao tiếp lịch sự lễ phép	CB	21	84	4	16	0	0.0
		GV	70	87.5	10	12.5	0	1.4
3.	Nhóm kỹ năng hợp tác	CB	8	32	7	28	10	40
		GV	9	11.3	11	13.7	60	75
4.	Nhóm kỹ năng thực hiện mọi công việc	CB	7	28	15	60	3	12
		GV	61	76.3	8	10	11	13.7
5.	Nhóm kỹ năng ứng phó với Sự thay đổi	CB	5	20	20	80	0	0.0
		GV	15	18.8	61	76.2	4	5.0
6.	Nhóm kỹ năng học tập	CB	11	44	11	44	3	12
		GV	38	47.5	32	40	10	12.5

Nhận xét:

Kết quả điều tra cho thấy hầu hết CBQL giáo dục, giáo viên của các trường mầm non TP Thái Nguyên đều quan tâm đến các nội dung giáo dục KNS cho trẻ, tuy nhiên cách thức vận dụng, lồng ghép nội dung giáo dục KNS vào các hoạt động học, lồng ghép vào các giờ vui chơi của trẻ một cách cụ thể thì nhận thức của một số CBQL giáo dục, giáo viên chưa đồng đều và chưa thực sự quan tâm đúng mức trong giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Một số KNS quan trọng chưa được CBQL chỉ đạo cho giáo viên và chính giáo viên cũng chưa mạnh dạn tích hợp vào nội

dung dạy trẻ một cách thường xuyên. Nhìn vào kết quả khảo sát cho thấy “kỹ năng về bản thân”, “kỹ năng quan hệ xã hội”, và “kỹ năng thực hiện công việc” là ba kỹ năng được giáo viên

quan tâm nhiều trong quá trình dạy, hướng dẫn trẻ thực hiện. Sở dĩ như vậy là do các kỹ năng này sẽ quyết định đến thái độ, hành vi của trẻ sau này. Bên cạnh đó, có một số kỹ năng rất cần thiết mặc dù các cấp quản lý, giáo viên đã quan tâm nhưng chưa thường xuyên, như:

Nhóm kỹ năng thực hiện công việc, vẫn còn tới 12.0% ý kiến cán bộ và 13.7% ý kiến giáo viên cho biết là chưa được thực hiện trong quá trình giáo dục cho trẻ và nhóm kỹ năng học tập vẫn còn 12% ý kiến cán bộ và 12,5% ý kiến của giáo viên về mức độ chưa thực hiện cụ thể và có chiều sâu. Lý giải cho điều này, theo quan sát của tác giả, việc giáo dục KNS cho trẻ mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên vẫn chưa được thực hiện đồng bộ và thường xuyên ở các trường mầm non hiện nay.

Thông qua, quá trình nghiên cứu cụ thể đối với từng nhóm KNS giáo dục cho trẻ, kết quả cho thấy: đối với kỹ năng về bản thân, các nội dung thường xuyên được dạy nhất là dạy trẻ tránh những nơi nguy hiểm, dạy trẻ thực hiện một số công việc tự phục vụ bản thân, dạy trẻ lễ phép biết nói lời cảm ơn và xin lỗi. Theo kết quả trao đổi trực tiếp với giáo viên thì nhóm kỹ năng về bản thân, được giáo viên dạy nhiều nhất cho trẻ. Điều này nói lên sự thống nhất giữa kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn khảo sát. Nó cho thấy tầm quan trọng của việc mỗi cá nhân cần phải có các kỹ năng về bản thân mình để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững và mạnh mẽ. Chính vì vậy, giáo viên thường chú trọng đến việc giúp trẻ biết bảo vệ và tự chăm sóc bản thân, biết nói những lời “ hay lẽ phải ” như cảm ơn, xin lỗi để có thể góp phần phát triển đạo đức, nhân cách sống. Bàn về vấn đề này, cô Mai tại trường mầm non Hòa Mi cho biết “ Hầu hết các bé mầm non đều rất thích tự chăm sóc bản thân mình, tuy nhiên cơ hội để trẻ được thực hành còn phụ thuộc vào việc tổ chức của giáo viên trên lớp, chính vì thế chúng tôi muốn được lồng ghép hoạt động giáo dục KNS cho trẻ vào chương trình dạy học một cách cần thiết như các hoạt động học có chủ đích khác của chương trình khung”.

Cô giáo NTH trường mầm non Trưng Vương. cho rằng: “*Kỹ năng giao tiếp, lịch sự lễ phép là một trong những kỹ năng quan trọng hàng đầu cần phải giáo dục ở trẻ 5-6 tuổi. Bởi vì ở giai đoạn này ngôn ngữ của trẻ đang phát triển, hoàn thiện, trẻ đang tạo lập và mở rộng các mối quan hệ trong quan hệ bạn bè, và với người lớn*”.

Trong nhóm kỹ năng thực hiện công việc, các nội dung dạy cho trẻ là dạy trẻ

cách hoàn thành nhiệm vụ, dạy trẻ cách giúp đỡ người khác và tìm kiếm sự giúp đỡ cho bản thân và dạy trẻ cách phân công thực hiện công việc. Năng lực thực hiện và hoàn thành tốt một việc gì đó là điều không thể thiếu ở mọi người kể cả với trẻ mầm non. Vì ở lứa tuổi nào, cá nhân cũng có những vấn đề cần giải quyết và nó đòi hỏi khả năng thực hiện công việc của cá nhân. KNS không chỉ để giúp trẻ về mặt phát triển bản thân, xây dựng mối quan hệ mà còn nâng cao năng lực cá nhân. Đối với lứa tuổi mầm non, trẻ được học cách giải quyết vấn đề bằng cách kiên nhẫn, không bỏ cuộc, tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác và cùng nhau làm việc một cách đoàn kết, yêu thương và chia sẻ. Nhóm kỹ năng ứng phó với thay đổi, các giáo viên tập trung dạy cho trẻ về sự tò mò, hay hỏi và khám phá điều mới, dạy trẻ cách đưa ra cách thức và phương tiện thực hiện mới và dạy trẻ cách tự tạo ra cái mới theo cách riêng của mình. Nội dung giáo dục KNS cho trẻ tập trung vào đầy đủ các lĩnh vực của đời sống cá nhân từ kỹ năng cho bản thân đến giao tiếp, quan hệ xã hội và giải quyết vấn đề, ứng phó với sự thay đổi. Do vậy, CBQL giáo dục, giáo viên các trường mầm non TP Thái Nguyên không ngừng đẩy mạnh và hoàn thiện chương trình giáo dục KNS cho trẻ để giúp trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt.

2.3.3. Sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

2.3.3.1. Sử dụng phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Bảng 2.7. Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về sử dụng phương pháp giáo dục KNS cho trẻ

TT	Phương pháp	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Phương pháp thuyết trình	CB	20	80.0	5	20.0	0	0.0
		GV	68	85.0	10	12.5	2	2.5
2.	Phương pháp thực hành	CB	5	20.0	14	56.0	6	24.0
		GV	7	8.7	65	81.3	8	10.0
3.	Phương pháp nghiên cứu tình huống	CB	1	0.4	6	24.0	18	72.0
		GV	6	0.8	13	16.2	61	76.0
4.	Phương pháp động não	CB	10	40.0	12	48.0	3	12.0
		GV	38	47.5	34	42.5	8	10.0

5.	Phương pháp đóng vai	CB	19	75.0	4	15.0	2	10.0
----	----------------------	----	----	------	---	------	---	------

		GV	55	78.6	6	8.6	9	12.8
6.	Phương pháp trải nghiệm	CB	14	56.0	9	36.0	2	8.0
		GV	32	40.0	40	50.0	8	10.0
7.	Phương pháp giải quyết vấn đề	CB	13	52.0	7	28.0	5	20.0
		GV	40	50.0	33	41.3	7	8.7

Nhận xét:

Thông qua bảng số liệu điều tra ở bảng 2.7, đã cho thấy, CBQL giáo dục và giáo viên đều có những nhận xét khá tương đồng về việc sử dụng các phương pháp giáo dục KNS cho trẻ. Cụ thể là 75.0% CBQL, 78.6% giáo viên được điều tra khẳng định là trong quá trình giáo dục KNS cho trẻ mầm non, giáo viên đã “sử dụng phương pháp đóng vai” để tuyên truyền, giáo dục KNS cho trẻ; với “phương pháp động não”, có 40.0% CBQL và 47.5% giáo viên khẳng định đã từng sử dụng phương pháp này để giáo dục KNS cho trẻ; với phương pháp nghiên cứu tình huống có 72% CBQL giáo dục và 76.0% ý kiến của giáo viên đánh giá là chưa thực hiện.

Vì vậy trong các phương pháp giáo dục KNS cho trẻ đã được CBQL và giáo viên quan tâm sử dụng, tuy nhiên vẫn có phương pháp chưa được sử dụng để rèn luyện KNS cho trẻ như “phương pháp nghiên cứu tình huống”. Trao đổi với CBQL giáo dục và giáo viên trường mầm non Túc Duyên về vấn đề này, tác giả được biết thêm nguyên nhân mà giáo viên chưa mạnh dạn sử dụng một số phương pháp giáo dục KNS cho trẻ là do giáo viên phải làm nhiều việc đối với trẻ trong một ngày và chưa có nhiều kinh nghiệm để vận dụng phương pháp dạy học vào giáo dục KNS cho trẻ.

2.3.3.2. Sử dụng hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Bảng 2.8. Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về hình thức giáo dục KNS cho trẻ

TT	Hình thức	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Chưa thường xuyên		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Qua chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ khi ở trường	CB	4	16.0	18	72.0	3	12.0
		GV	8	10.0	62	77.5	10	12.5

2.	Qua hoạt động có chủ đích	CB	7	28.0	16	64.0	2	8.0
		GV	30	37.5	42	52.5	8	10.0
3.	Qua tổ chức các hoạt động vui	CB	15	60.0	6	24.0	4	16.0

	chơi, dạo chơi cho trẻ	GV	65	81.3	5	6.2	10	12.5
4.	Qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường	CB	9	36.0	14	56.0	2	8.0
		GV	27	33.7	48	60.0	5	6.3
5.	Qua tổ hoạt động tự lập của trẻ khi ở trường	CB	10	40.0	9	36.0	6	24.0
		GV	30	37.5	35	43.7	15	18.8

Nhận xét:

Qua kết quả khảo sát ở bảng 2.8 cho thấy các hình thức giáo dục KNS qua hoạt động có chủ đích chưa thực sự được giáo viên quan tâm một cách thường xuyên, liên tục, có 64.0% CBQL giáo dục và 52.5% ý kiến của giáo viên đánh giá là “chưa thường xuyên” sử dụng. Khi phỏng vấn CBQL giáo dục ở một số trường mầm non của TP Thái Nguyên, cho thấy việc giáo dục KNS cho trẻ, thông qua “tổ chức các hoạt động vui chơi, dạo chơi cho trẻ” và qua việc “tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường” chưa được giáo viên quan tâm thực hiện một cách thường xuyên, mà phần lớn là giáo viên tập trung dạy các nội dung theo chủ đề giáo dục đã được phê duyệt cho từng lứa tuổi. Hình thức giáo dục KNS cho trẻ “qua chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ ở trường” mới có 72.0% cán bộ và 77.5% giáo viên khẳng định là vận dụng chưa thường xuyên, thậm chí có 12.0% cán bộ và 12.5% giáo viên được hỏi cho là chưa thực hiện. Với hình thức thông “qua tổ chức các hoạt động vui chơi, dạo chơi cho trẻ” có tới 16.0% cán bộ và 12.5% ý kiến giáo viên khẳng định là “chưa thực hiện”. Với hình thức giáo dục KNS cho trẻ thông qua “hoạt động tự lập của trẻ khi ở trường” còn nhiều vấn đề phải suy nghĩ chính vì kết quả đạt được qua việc khảo sát có 24.0% cán bộ và 18.8% giáo viên được hỏi thì chưa thực hiện vì với cách nuông chiều và cung phụng con trẻ của mình theo quan điểm bao bọc ít cho con tự lập sớm cũng ảnh hưởng tới việc rèn KNS của trẻ, bên cạnh đó hình thức giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên hiện nay thì hình thức thông “qua tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường” chưa được giáo viên thực hiện thường xuyên, nên có ảnh hưởng nhất định đến kết quả giáo dục KNS cho trẻ.

Ngày nay, hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ngày càng phổ biến và trường mầm non cũng không ngoại lệ. Các trường có nhiều hình thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ

khác nhau. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế, điều kiện của mỗi trường và nhận thức của CBQL giáo dục, giáo viên mà công tác giáo dục KNS cho trẻ mầm non, cần có sự linh hoạt trong cách thức tổ chức. Qua tìm hiểu thực tế, cho thấy các trường mầm non TP Thái Nguyên chủ yếu giáo dục KNS thông qua các buổi hoạt động có chủ đích tại lớp học.

2.3.4. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Nhận xét:

Thông qua kết quả điều tra ở bảng 2.9 cho thấy CBQL giáo dục, giáo viên đã thực hiện nhiều biện pháp để đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên. Điều này cho thấy sự đa dạng trong các phương thức đánh giá. Cụ thể, các cách thức đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên có kết quả đánh giá mức độ thực hiện “tốt” với tỷ lệ từ 64% trở lên là “thông qua trao đổi với cha, mẹ trẻ”, “thông qua quan sát trẻ trong hoạt động và giao tiếp” và “thông qua những giờ sinh hoạt của trẻ”. Kết quả này cho thấy nếu giáo dục là một cỗ máy sản xuất thì các sản phẩm đầu ra sẽ phản ánh chính xác sự tiến bộ, thành công của bộ máy giáo dục đó. Tương tự như vậy, trẻ chính là đối tượng hướng tới và là sản phẩm của giáo dục KNS, thông qua trẻ sẽ cho thấy rõ nhất việc dạy kỹ năng đạt hiệu quả như nào. Chính vì vậy, biện pháp đánh giá “thông qua các bài tập rèn luyện kỹ năng của trẻ”, là điều vô cùng hợp lý. Kết quả khảo sát cho thấy, giáo viên đã áp dụng thành công biện pháp này với 70.0% ý kiến giáo viên đánh giá thực hiện “tốt”.

Bảng 2.9. Ý kiến CBQL giáo dục, giáo viên về đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Cách thức đánh giá	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Thông qua giờ sinh hoạt của trẻ	CB	18	72.0	5	20.0	2	8.0	0	0
		GV	52	65.0	23	28.7	5	6.3	0	0
2.	Thông qua các buổi học trên lớp	CB	18	72.0	5	20.0	2	8.0	0	0

		GV	62	77.5	14	17.5	4	5.0	0	0
3.		CB	16	64.0	7	28.0	2	8.0	0	0

	Thông qua trao đổi với cha, mẹ trẻ	GV	50	62.5	20	25.0	10	12.5	0	0
4.	Thông qua các bài tập rèn luyện kỹ năng của trẻ	CB	17	68.0	6	24.0	2	8.0	0	0
		GV	56	70.0	15	18.7	9	11.3	0	0
5.	Thông qua quan sát trẻ hoạt động, giao tiếp của trẻ	CB	18	72.0	4	16.0	3	12.0	0	0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0

Ngoài việc trò chuyện với trẻ thì những biểu hiện của trẻ trong hoạt động học tập và sinh hoạt hằng ngày là minh chứng sống động, rõ ràng nhất để chứng minh sự thành công hay thất bại của việc dạy KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Vì thế, biện pháp “thông qua các bài tập rèn luyện kỹ năng cho trẻ áp dụng thường xuyên để đánh giá hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ. Kết quả điều tra cũng cho thấy biện pháp này được 68% CBQL giáo dục và 70% giáo viên đánh giá là thực hiện “tốt” điều này.

Do vậy, cán bộ quản lý và giáo viên mầm non cần phải sử dụng đa dạng các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, việc lựa chọn các phương pháp giáo dục phù hợp với nội dung giáo dục và đặc điểm tâm lý lứa tuổi của trẻ sẽ giúp cho hiệu quả hoạt động giáo dục được tăng cao.

2.4. Thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

2.4.1. Quản lý xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

** Đánh giá chung về mức độ thực hiện nội dung quản lý lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên*

Nhận xét: Phân tích số liệu được trình bày tại bảng trên cho phép ta rút ra một số nhận xét sau đây: Nhìn chung, cán bộ quản lý và giáo viên được nghiên cứu đánh giá mức độ thực hiện nội dung quản lý lập kế hoạch GD KNS cho trẻ trong các trường MN ở mức độ thường xuyên. Kết quả điều tra này chỉ ra rằng, chủ thể quản lý tại các trường MN được điều tra đã thực hiện khá tốt nội dung quản lý này. Trong đó, chủ thể quản lý đã thực hiện khá tốt các khía cạnh xem xét thuộc nội dung quản lý

này như:

Xác định mục tiêu, nội dung của hoạt động KNS cho trẻ để lập kế hoạch này được 88.0% CBQL giáo dục và 85.0% giáo viên đánh giá là thực hiện “Thường xuyên” điều này.; Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động; Xây dựng kế hoạch theo tuần, tháng, năm; Xác định các biện pháp để thực hiện kế hoạch giáo dục; Xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí, chi hoạt động giáo dục giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường MN trên địa bàn TP Thái Nguyên. Các khía cạnh này đã được chủ thể quản lý thực hiện đúng, và có hiệu quả khá cao.

Bảng 2.10. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Nội dung kế hoạch	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Không thường xuyên		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Xác định mục tiêu, nội dung của hoạt động KNS cho trẻ em để lập kế hoạch	CB	22	88.0	2	8.0	1	4.0
		GV	68	85	5	6.25	7	8.75
2.	Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em trong trường MN	CB	15	60.0	3	12.0	7	28.0
		GV	45	56.3	15	18.7	20	25.0
3.	Xây dựng kế hoạch theo, tuần, tháng, năm, về hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0
		GV	50	62.5	25	31.2	5	6.3
4.	Xây dựng tham, gia các lớp tập huấn về giáo dục KNS cho trẻ em do Sở, PGD&ĐT tổ chức	CB	20	80.0	5	20.0	0	0
		GV	45	56.3	35	43.7	0	0
5	Xác định các biện pháp thực hiện kế hoạch giáo dục KNS	CB	15	60.0	3	12.0	7	28.0
		GV	68	85.0	5	6.23	7	8.7
6	Xây dựng KH phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường MN với hoạt động KNS cho trẻ em.	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0
		GV	50	62.5	25	31.2	5	6.3
7	Xây dựng kế hoạch, sử dụng nguồn kinh phí, chi phí giáo	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0

	dục KNS cho trẻ em.	GV	34	42.5	32	40.0	14	17.5
--	---------------------	----	----	------	----	------	----	------

Thực tiễn hoạt động này tại các trường MN cho thấy, nếu chủ thể quản lý thực hiện ở mức độ thường xuyên các khía cạnh này sẽ là cơ sở rất quan trọng góp phần quyết định sự thành công trong thực hiện hoạt động này tại nhà trường. Bởi vì, việc xác định chính xác thực trạng hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em trong trường MN sẽ giúp cho hiệu

trường chỉ đạo thành công và có hiệu quả cao tất cả các khâu khác của quá trình thực hiện hoạt động này tại trường. Việc phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi tại trường MN nếu được thực hiện tốt thì hiệu trưởng nhà trường sẽ có cơ sở rất chính xác để nắm bắt được tất cả các khía cạnh của hoạt động này thực tế đang diễn ra như nào? Ưu nhược điểm của hoạt động này ? Có vấn đề gì cần phải xem xét và điều chỉnh để thực hiện hoạt động này tốt hơn không? Do vậy, chủ thể quản lý tại các trường MN được nghiên cứu cần phải xem xét và điều chỉnh để có các biện pháp quản lý tốt hơn khía cạnh của nội dung này. Các cán bộ, GV trong trường cũng có cơ sở vững chắc để thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng tốt nhất mục tiêu mà Hiệu trưởng đã xác định khi tham gia thực hiện nhiệm vụ này. Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy kết quả tương đồng. Chúng ta hãy nghe một số ý kiến của cán bộ, GV các trường MN được nghiên cứu chia sẻ về vấn đề này.

Cô NMC - Hiệu trưởng trường MN Hoa Mai chia sẻ: *“Nếu chủ thể quản lý xác định chính xác được thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống hiện tại của nhà trường như thế nào thì sẽ có những quyết định quản lý đúng đắn để xác định mục tiêu, nội dung, chương trình, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi phù hợp và có chất lượng nhất”*.

Cô NTH - GV trường MN Chung Vương chia sẻ: *“Vấn đề xác định tất cả các biện pháp được thực hiện cho bất cứ hoạt động nào tại các trường MN cũng là nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất và hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi cũng vậy, nếu hiệu trưởng xác định tốt các biện pháp thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống sẽ là cơ sở vững chắc để tất cả GV, cán bộ nhà trường khi tham gia vào sẽ thực hiện theo đúng mục tiêu và chương trình đã xác định, thì sẽ không đi sai lệch hướng của mục tiêu đưa ra”*. Bên cạnh 2 khía cạnh của nội dung quản lý được thực hiện tốt hơn các khía cạnh khác như chúng tôi phân tích ở trên thì có một số khía cạnh xem xét của nội dung quản lý này không thực hiện tốt bằng đó là: “Xây dựng kế hoạch, sử dụng kinh phí, chi phí hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em mức độ điều tra thực tế được 60.0% CBQL giáo dục và 42.5% giáo viên đánh giá là thực hiện “Không thường Xuyên” điều này. Như vậy, việc xây dựng kế hoạch, sử dụng kinh phí, chi phí hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em vẫn là một trong

những khía cạnh được thực hiện chưa tốt, chưa đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động này.

2.4.2. Quản lý nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

Nhận xét: Kết quả xử lý số liệu điều tra ở bảng 2.11, cho thấy trong số 5 nội dung quản lý việc thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS cho trẻ tại các trường MN Thành phố Thái Nguyên thì có 2 nội dung được cả CBQL giáo dục và giáo viên đánh giá thực hiện ở mức độ “tốt” là nội dung “Quản lý nội dung giáo dục KNS cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi” và nội dung “Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở giáo viên trong thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ”. Đây là kết quả phản ánh đúng thực trạng công tác quản lý nội dung giáo dục KNS cho trẻ đang được thực hiện ở các trường mầm non TP Thái Nguyên hiện nay.

Bảng 2.11. Đánh giá của CBQL, giáo viên về tổ chức thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS cho trẻ

TT	Nội dung công việc	Đối tượng	Mức độ					
			Tốt		Khá		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Quản lý nội dung giáo dục KNS cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi	CB	19	76.0	4	16.0	2	8.0
		GV	59	73.7	9	11.3	12	15.0
2.	Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ thông qua các giờ lên lớp theo chủ điểm xác định	CB	16	64.0	8	32	2	8.0
		GV	40	50	32	40	8	10
3.	Quản lý việc bồi dưỡng giáo viên về tích hợp giáo dục KNS qua hoạt động dạy học	CB	5	20.0	17	68.0	3	12.0
		GV	12	48.0	62	77.5	6	7.5
4.	Có cơ chế phối hợp giữa giáo viên và CBQL về xây dựng nội dung giáo dục KNS cho trẻ	CB	16	64.0	4	16.0	5	20
		GV	51	63.7	4	5.0	25	31.3
5.	Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở giáo viên trong thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ	CB	21	84.0	4	16.0	0	0
		GV	57	71.2	18	22.5	5	6.3

Riêng nội dung “Quản lý việc bồi dưỡng giáo viên về tích hợp giáo dục KNS qua hoạt động dạy học” tuy có chút khác biệt khi so sánh các số liệu giữa các mức độ

tốt, khá và chưa làm, song nhìn chung được CBQL và giáo viên đã thống nhất đánh giá nội dung quản lý này đạt ở mức “khá” với trên 68 % số ý kiến của CBQL, giáo viên trả lời để khẳng định thêm sự chính xác kết quả điều tra, tác giả đã xin phép Ban giám hiệu các trường mầm non và tham gia cùng CBQL nghiên cứu giáo án của giáo viên dạy “ chống thoát hiểm” và “ kể chuyện sáng tạo” thì thấy rõ những nội dung giáo dục các KNS cần thiết cho trẻ được lồng ghép bằng những tình huống, những ví dụ cụ thể để trẻ tự nghiên cứu, giải quyết từ đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo ứng xử phù hợp trong mọi tình huống khi được diễn ra xung quanh trẻ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS cho trẻ, vẫn còn 20.0% ý kiến CBQL và 31.3% ý kiến giáo viên đánh giá nội dung “Có cơ chế phối hợp giữa giáo viên và CBQL về xây dựng nội dung giáo dục KNS cho trẻ” thực hiện ở mức độ yếu; với nội dung “Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ thông qua các giờ lên lớp theo chủ đề xác định” với 8.0% ý kiến cán bộ và 10% ý kiến giáo viên đánh giá thực hiện ở mức “yếu. Đây chính là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng, quyết định chất lượng của hoạt động này. Kiến thức, kỹ năng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi cần phải được GV và cán bộ tham gia vào hoạt động này cập nhật và bổ sung thường xuyên, sao cho bản thân những người tham gia trực tiếp vào thực hiện nhiệm vụ phải là những người có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng sư phạm và phương pháp giáo dục tiên tiến, cập nhật với kiến thức mới.

2.4.3. Quản lý cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

Bảng 2.12. Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Nội dung quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		T.Bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ	CB	16	64.0	4	16.0	3	12.0	2	8.0
		GV	6	7.5	53	66.2	8	10.0	13	16.3
2.	Quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ	CB	18	72.0	5	20.0	2	8.0	0	0.0

	dùng cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ	GV	50	62.5	19	23.7	8	10.0	3	3.8
3.	Tích cực mua sắm tài	CB	19	76.0	5	20.0	1	4.0	0	0.0

	liệu, đồ dùng dụng cụ, đồ chơi và phương tiện phục vụ cho giáo dục KNS cho trẻ	GV	38	47.5	12	15.0	24	30.0	2	2.5
4.	Luôn phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi sáng tạo để phục vụ giáo dục KNS cho trẻ	CB	13	52.0	7	28.0	4	16.0	1	4.0
		GV	47	58.7	13	16.3	12	15.0	8	10.0
5.	Tham mưu tốt về công tác hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị dạy học cho trẻ	CB	12	48.0	6	24.0	4	16.0	3	12.0
		GV	36	45.0	23	28.7	13	16.3	8	10.0

Nhận xét:

Kết quả điều tra ở bảng 2.12 cho thấy việc quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên được quản lý khá chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả. Với tinh thần lấy trẻ làm trung tâm, các trường đã làm tốt việc “ Luôn phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi sáng tạo để phục vụ giáo dục KNS cho trẻ” với mức độ 52.0% CBQL giáo dục và 58.7% giáo viên đánh giá việc thực hiện ở mức độ “tốt”; công tác “Tích cực mua sắm tài liệu, đồ dùng dụng cụ, đồ chơi và phương tiện phục vụ cho giáo dục KNS cho trẻ” cũng nhận được 76.0% ý kiến CBQL giáo dục và 47.5% ý kiến giáo viên đánh giá ở mức “tốt”.

Tuy nhiên, khi được hỏi về việc “Sử dụng có hiệu quả kinh phí phục vụ hoạt động giáo dục KNS cho trẻ”, vẫn còn 8.0% ý kiến CBQL giáo dục và 16.3% giáo viên đánh giá việc thực hiện ở mức “yếu”. Sở dĩ có đánh giá như vậy là do CBQL giáo dục khi đưa ra những quyết định chi tiêu nhằm bảo đảm cho các hoạt động vui chơi, dã ngoại để giáo dục KNS cho trẻ chưa nhận được sự đồng thuận cao của một số cán bộ, giáo viên; cùng với đó là mức độ thường xuyên và hiệu quả thực hiện “ Quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ”, chưa được quan tâm, chưa có hiệu quả thiết thực, nên vẫn còn 3.8% vẫn còn ý

kiến của giáo viên đánh giá việc quan tâm này còn “yếu”. Song hành với công tác quan tâm thì công tác “ tham mưu về công tác hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị dạy học cho trẻ” vẫn còn 12.0% ý kiến CBQL giáo dục và 10.0% giáo viên đánh giá việc thực hiện ở mức “yếu”.

Tóm lại, ngoài đội ngũ giáo viên trực tiếp giáo dục KNS cho trẻ thì các yếu tố khác như cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, đồ chơi là những yếu tố góp phần không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên hiện nay. Do đó, việc quản lý tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện dạy học, đồ chơi của trẻ sẽ có tác động lớn đến hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

Việc quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật hỗ trợ thực hiện giáo dục KNS cho trẻ đạt được những thành công bước đầu và phục vụ được cho việc dạy kỹ năng ở các trường mầm non, nhưng vấn đề kinh phí hỗ trợ giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay vẫn còn những tồn tại nhất định đòi hỏi các nhà quản lý cần quan tâm xem xét để tìm ra hướng giải quyết nhằm đảm bảo cho giáo dục và quản lý giáo dục KNS cho trẻ trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên đạt hiệu quả tốt nhất giúp cho ngành giáo dục thành phố Thái Nguyên nói riêng và ngành giáo dục Tỉnh Thái Nguyên nói chung phát triển mạnh mẽ hơn nữa đảm bảo cho các thế hệ trẻ luôn phát triển về mọi mặt.

2.4.4. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện tốt chức năng kiểm tra giúp cho CBQL giáo dục ở nhà trường đánh giá đúng chất lượng, hiệu quả hoạt động, tạo động lực thúc đẩy và điều chỉnh hoạt động của đối tượng quản lý và điều chỉnh ngay cả tác động quản lý của chủ thể. Khi nghiên cứu về công tác kiểm tra giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên cho thấy, nếu CBQL không thường xuyên làm tốt việc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, giáo viên, sẽ dẫn đến tình trạng lỏng lẻo trong công tác quản lý dân đến kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà trường sẽ không có hiệu quả cao.

Cách thức xếp loại được xác định là: xếp loại tốt là những trường tiến hành kiểm tra thường xuyên, đánh giá chính xác việc tổ chức giáo dục KNS cho trẻ và rút kinh nghiệm kịp thời; xếp loại khá là những trường có kiểm tra, đánh giá như các trường xếp loại tốt nhưng việc rút kinh nghiệm chưa thật tốt; xếp loại trung bình là những trường có kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm nhưng còn mang tính hình thức;

xếp loại

yếu là những trường rất ít kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm, thậm chí chưa làm công việc này.

Nhận xét:

Phân tích số liệu được tổng hợp tại bảng 2.13 trên cho thấy: thực trạng mức độ thực hiện nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi đạt ở mức tốt 80% ý kiến CBQL giáo dục và 78.8% giáo viên. Kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, chủ thể quản lý ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên được nghiên cứu đã có các biện pháp quản lý phù hợp và bước đầu đã đạt được hiệu quả nhất định khi thực hiện nội dung quản lý này.

**Bảng 2.13. Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về
kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi
trong trường mầm non**

TT	Nội dung kiểm tra	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Xác định tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	20	80.0	5	20.0	0	0.0	0	0.0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0.0
2.	Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	3	12.0	20	80.0	2	8.0	0	0.0
		GV	8	10.0	60	75.0	12	15.0	0	0.0
3.	Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp	CB	20	80.0	4	16.0	1	4.0	0	0.0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0.0
4.	Phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp	CB	1	4.0	3	12.0	21	84.0	0	0.0
		GV	18	22.5	10	12.5	52	65.0	0	0.0
5.	Sử dụng kết quả kiểm tra hoạt động giáo dục KNS để đánh giá cán bộ giáo viên trong toàn trường MN	CB	22	88.0	3	12.0	0	0.0	0	0.0
		GV	63	78.8	10	12.5	7	8.7	0	0.0

Trong số 5 khía cạnh xem xét thuộc nội dung quản lý này thì 2 khía cạnh: “Sử

dụng kết quả kiểm tra hoạt động giáo dục kỹ năng sống để đánh giá GV trong trường MN” và “Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng GD KNS cho trẻ phù hợp” có mức độ thực hiện tốt nhất đó là trên 80% ý kiến CBQL giáo dục và 75% giáo viên. Việc chủ

thể quản lý sử dụng kết quả kiểm tra hoạt động giáo dục kỹ năng sống để đánh giá giáo viên trong trường MN cũng là một trong những biện pháp quản lý tốt nhằm kích thích tính tích cực, chủ động và sáng tạo cũng như tinh thần, trách nhiệm của giáo viên nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Bên cạnh đó, việc chủ thể quản lý thực hiện tốt khía cạnh quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi tại trường sẽ là điều kiện quan trọng để hiệu trưởng nắm bắt và tận dụng được trí tuệ tập thể, sự góp sức của tất cả cá nhân, các bộ phận trong và ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động này. Việc phối hợp giữa các cá nhân, bộ phận càng chặt chẽ bao nhiêu thì hoạt động này càng có hiệu quả cao bấy nhiêu.

Bên cạnh 2 khía cạnh xem xét có mức độ thực hiện tốt nhất trong 5 khía cạnh xem xét của nội dung quản lý này thì hiệu trưởng các trường được nghiên cứu cần phải chú ý thêm và có các biện pháp quản lý tốt hơn đối với các khía cạnh như: *“Phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phù hợp”*. Tỷ lệ số người được hỏi đánh giá mức độ thực hiện trung bình và yếu chiếm gần 84% ý kiến CBQL giáo dục và 65% giáo viên. Việc thực hiện chưa tốt khía cạnh này, kéo theo mức độ thực hiện nội dung quản lý này không tốt. Bởi lẽ, quản lý kiểm tra việc thực hiện hoạt động giáo dục trẻ 5-6 tuổi tại trường MN nhằm mục tiêu giúp cho chủ thể quản lý đánh giá được thực trạng của hoạt động này, tìm ra những ưu điểm và hạn chế của hoạt động này để có những biện pháp quản lý phù hợp và đạt được hiệu quả tốt hơn.

Như vậy, các nội dung kiểm tra, đánh giá giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên trong thời gian vừa qua đã có những chuyển biến tích cực, có nội dung kiểm tra, đánh giá được duy trì thường xuyên song cũng có nội dung kiểm tra, đánh giá chỉ làm mang tính chiếu lệ, thậm chí mang tính hình thức, làm cho xong, cho có, điều này trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý giáo dục KNS cho trẻ về nội dung giáo dục KNS không được biên soạn thành sách giáo khoa cụ thể, không có môn học riêng mà chỉ được lồng ghép vào các hoạt động có chủ đích, chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ, Do vậy, việc kiểm tra, đánh giá đầy đủ, chính xác các nội dung quản lý sẽ tạo ra động lực thúc đẩy tính tích cực của giáo viên trong chuẩn bị và thực hành giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non.

2.5. Đánh giá chung về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái

Nguyên

2.5.1. Những kết quả đạt được

Từ việc phân tích, đánh giá các kết quả khảo sát có thể thấy các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã góp phần nâng cao chất lượng của các hoạt động như:

Một là: Ban giám hiệu nhà trường đã quan tâm đến việc xây dựng nội dung, chương trình và kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi.

Hai là: Chỉ đạo giáo viên tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Chú ý đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa quan trọng của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Ba là: Có sự chỉ đạo đầu tư về cơ sở vật chất, đồ dùng đồ chơi cũng như trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục kỹ năng sống nói riêng.

Bốn là: Có sự phê bình, khen ngợi kịp thời cũng như điều chỉnh sau khi có sự góp ý của cán bộ, giáo viên.

Năm là: Giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của phòng giáo dục và Đào tạo TP Thái Nguyên, Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên, giúp cho các CBQL giáo dục, giáo viên xác định tốt ý thức trách nhiệm trong quản lý, giáo dục KNS cho trẻ.

Sáu là: các tổ chức đoàn thể của trường mầm non đã phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để tham mưu, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ trong xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ phù hợp với độ tuổi, khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ở từng độ tuổi.

2.5.2. Những hạn chế, thiếu sót

Vấn đề về nhận thức của CBQL và giáo viên các trường mầm non thành phố Thái Nguyên về nội dung quản lý giáo dục KNS cho trẻ là tương đối cao, song trong công tác tuyên truyền để giáo viên và phụ huynh hiểu về vị trí, vai trò, tác dụng của giáo dục KNS đối với sự phát triển toàn diện của trẻ thì chưa được làm tốt. Chính vì vậy, đã dẫn đến tình trạng có sự nhận thức chưa đầy đủ của giáo viên, sự hạn chế trong nhận thức của cha, mẹ trẻ đối với vai trò của giáo dục KNS. Một số CBQL giáo dục ở các trường mầm non thành phố Thái Nguyên còn đặt việc quản lý giáo dục KNS cho trẻ vào vị trí thứ yếu, chỉ lồng ghép vào các hoạt động là chủ yếu,

chưa quan tâm đến việc tích hợp giáo dục KNS thông qua dạy học, tổ chức các trò chơi, hoạt động ngoại khóa, nên dẫn đến chưa có biện pháp chỉ đạo thường xuyên đối với giáo viên trong giáo dục KNS trẻ.

Mặc dù kết quả thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên là tương đối tốt nhờ việc thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý đã nêu ở trên, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế sau: Trong bối cảnh cuộc sống hiện nay có sự thay đổi cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tâm lý. Từ đó xuất hiện nhiều các kỹ năng sống cơ bản mà trẻ mầm non phải có để thích ứng với cuộc sống xung quanh của trẻ.

Sự chi phối của các yếu tố nhiều và có sự khác biệt ở từng yếu tố đòi hỏi các nhà quản lý giáo dục và quản lý giáo dục KNS cần xác định được những kỹ năng sống cần thiết cơ bản cho trẻ mầm non hiện nay để định hướng cho công tác giáo dục quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em trong các trường mầm non. Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non là thành quả của tất cả các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Hiện nay sự phối hợp giải pháp này còn yếu, chủ yếu là qui trách nhiệm cho nhà trường mầm non. Đây là một hạn chế cần khắc phục trong quản lý.

Đối với trẻ em mầm non kỹ năng tự phục vụ là một kỹ năng cơ bản. Hiện nay trong trường mầm non đã có chú ý giáo dục kỹ năng cơ bản này, nhưng cần quản lý chỉ đạo cần tăng cường chỉ đạo, bổ sung các phương pháp giáo dục kỹ năng sống mới nhằm nâng cao trình độ kỹ năng tự phục vụ cho trẻ em.

Để giáo dục KNS có hiệu quả cần có các điều kiện vật chất tối thiểu phục vụ cho hoạt động giáo dục. Hiện nay cơ sở vật chất còn hạn chế. Trong công tác quản lý nhiều khi chỉ chú ý về mặt chuyên môn. Vì vậy cần tăng cường chỉ đạo đảm bảo phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non.

Thực trạng về công tác quản lý còn nhiều hạn chế, lập kế hoạch chưa rõ ràng và đồng nhất. Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống chưa triệt để, vẫn mang tính chất hời hợt và không tập trung. Các hoạt động trải nghiệm còn thiếu, yếu dẫn đến kết quả chưa cao.

Một số trường thực hiện công tác chỉ đạo còn chồng chéo, dẫn đến giáo viên không đủ thời gian thực hiện kế hoạch.

Công tác tuyên truyền tới cha mẹ học sinh còn hạn chế nên sự kết hợp giữa CMHS với nhà trường chưa chặt chẽ, chưa phát huy hiệu quả tối đa.

Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở trẻ chưa được chú trọng, vẫn mang nặng tính hình thức và lý thuyết (giáo án...) mà chưa có kết quả cụ thể trên mỗi trẻ.

Mặc dù công tác quản lý giáo dục KNS cho trẻ đã được các trường và cơ quan chuyên trách về giáo dục của địa phương, ngành chú trọng, CBQL giáo dục, giáo viên đã sử dụng nhiều biện pháp quản lý song cơ sở vật chất cũng như nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ mầm non còn hạn chế nên hiệu quả giáo dục KNS chưa đạt được kết quả như kỳ vọng của các cấp quản lý giáo dục và phụ huynh học sinh mong muốn.

2.5.3. Nguyên nhân thực trạng

Một số CBQL giáo dục ở trường mầm non, giáo viên, cha mẹ trẻ chưa thật sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục KNS cho trẻ. Kế hoạch dạy học, giáo dục của một số trường mầm non chưa thể hiện rõ, đầy đủ từng nội dung giáo dục KNS cho trẻ ở từng giai đoạn phát triển của trẻ. Một số giáo viên thiếu sự năng động, tìm tòi sáng tạo trong các hoạt động giáo dục KNS cho trẻ. Quá trình giáo dục KNS cho trẻ của giáo viên mới chỉ dừng lại ở mức độ nhất định, chưa thấy được vai trò tích hợp của việc tổ chức các hoạt động vui chơi, dã ngoại để giáo dục, rèn luyện KNS cho trẻ.

Kỹ năng sống là một khái niệm khá mới mẻ trong đời sống xã hội nói chung cũng như trong giáo dục nói riêng. Vì vậy, kỹ năng sống chưa thực sự được xã hội quan tâm và công nhận như là một vấn đề thiết yếu trong nội dung giáo dục.

Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ chưa sâu sắc và chưa thấy rõ được vai trò, vị trí, lợi ích của hoạt động này.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bổ nhiệm và tuyển dụng khá đông. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên này tuy đáp ứng được về mặt bằng cấp, chuyên môn, song thiếu kinh nghiệm quản lý, thực hành.

Một số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa thực sự sáng tạo, chủ động trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về kỹ năng sống chưa toàn diện, chưa có sự tách bạch rõ ràng với nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ.

Công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi chưa chặt chẽ.

Năng lực của giáo viên, nhân viên trực tiếp giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non còn có mặt yếu kém, thực hiện giáo dục KNS cho trẻ còn mang tính kinh nghiệm, vốn sống, tự phát nên hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ chưa cao.

Công tác tuyên truyền về tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc giáo dục KNS cho trẻ chưa sâu rộng đến từng gia đình, phụ huynh của trẻ nên việc phối hợp giáo dục KNS cho trẻ còn gặp nhiều bất cập và thiếu sự hợp tác chính vì vậy kết quả đạt được như mong muốn của các nhà quản lý thì chưa nhiều.

Kết luận chương 2

Kết quả khảo sát trên giáo viên, cán bộ quản lý và phụ huynh của các trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên được trình bày qua các bảng số liệu và biểu đồ cho thấy bức tranh thực tiễn về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng quản lý.

Trong chương 2, tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng giáo dục KNS và quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên, bước đầu đã được cơ quan chức năng, CBQL nhà trường, giáo viên và cha, mẹ của trẻ quan tâm một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân cả về chủ quan lẫn khách quan nên việc quản lý giáo dục KNS cho trẻ chưa đồng bộ và chưa đạt được hiệu quả cao.

Hiện nay, sự quan tâm giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên vẫn chưa đầy đủ, toàn diện trên tất cả các nội dung, dẫn đến công tác quản lý giáo dục KNS cho trẻ còn hạn chế, các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ chưa thiết thực, chưa mang tính khả thi. Do vậy, để khắc phục tình trạng này đòi hỏi CBQL giáo dục của nhà trường phải nghiên cứu để tìm ra những biện pháp mang tính khoa học, đồng bộ, có tính khả thi để quản lý có chất lượng giáo dục KNS cho trẻ.

Từ nghiên cứu cơ sở lý luận và phân tích thực trạng giáo dục KNS cho trẻ và

quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên là cơ sở để tác giả xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên một cách cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trong những năm tới.

Kết quả khảo sát thực hiện trên là cơ sở khoa học để đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống và chất lượng KNS của trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non TP Thái Nguyên- Tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu

Mục tiêu là kết quả dự kiến mà mỗi cá nhân, tổ chức cần nỗ lực để đạt được. Mục tiêu có tác dụng định hướng, chỉ đạo toàn bộ quá trình vận hành của tổ chức. Do đó, tính mục tiêu luôn là một yếu tố quan trọng đối với tất cả các hoạt động, đặc biệt là đối với hoạt động giáo dục KNS cho trẻ. Đây là nguyên tắc xuyên suốt, là kim chỉ nam cho mọi đề xuất về các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNS cho trẻ. Nó bảo đảm cho quá trình hoạt động đi đúng hướng và tránh được những sai lầm. Do đó, các biện pháp được tác giả đề xuất về quản lý hoạt động giáo dục KNS cho trẻ luôn cố gắng đảm bảo tính mục tiêu trong đó.

Công tác quản lý lý giáo dục kỹ năng sống phải chặt chẽ, theo đúng quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về quản lý hoạt động lý giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa [32]. Để cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống thì việc bám vào định hướng về mục tiêu giáo dục trẻ mầm non của Nhà nước là rất quan trọng. Bởi qua đó, cán bộ quản lý định hướng được con đường giáo dục đúng đắn nhằm đạt được mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ, đồng thời tạo niềm tin cho nhân dân, cha mẹ học sinh có con em đang theo học.

Mục tiêu quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi là toàn bộ quá trình quản lý của các chủ thể quản lý giáo dục đến đối tượng quản lý nhằm hướng tới mục tiêu là “giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1”. Đồng thời đây là vấn đề mang tính nguyên tắc quan trọng hàng đầu khi đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên. Mục tiêu của việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi là giúp cho các chủ thể quản lý nắm chắc tình hình mọi mặt về hoạt động giáo

dục kỹ năng sống nhà trường các điều kiện đảm bảo cho hoạt động này nhằm nâng cao chất

lượng, hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Chất lượng, hiệu quả giáo dục kỹ năng sống của nhà trường là đích cần đạt được trong mọi hoạt động của cán bộ quản lý giáo dục cũng như đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường, nó phản ánh uy tín giáo dục của nhà trường và được biểu hiện ra ngoài bằng những kỹ năng sống cần thiết của trẻ trong quá trình học tập tại trường. Đồng thời cũng là cơ sở để phụ huynh học sinh tin tưởng trao con em mình cho nhà trường. Do vậy, tất cả các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống đều phải hướng tới mục đích hình thành ở trẻ những phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết để sẵn sàng bước vào lớp một.

3.1.2. Đảm bảo yêu cầu của thực tiễn

Với các biện pháp quản lý và thực hiện giáo dục KNS cho trẻ, phải được xuất phát từ thực tiễn của công tác quản lý và giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên. Tránh tình trạng đưa ra các biện pháp xa rời với thực tiễn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, tổ chức giáo dục KNS cho trẻ. Việc đề xuất các biện pháp phải nằm trong khuôn khổ và điều kiện thực tế cho phép của trường mầm non TP Thái Nguyên và khắc phục những mặt hạn chế trong quản lý giáo dục KNS cho trẻ đã diễn ra trong thời gian qua.

Đây là yêu cầu rất quan trọng khi xác định và tiến hành các giải pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên. Đảm bảo phù hợp thực tiễn, tức là toàn bộ hệ thống biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống phải gắn với nhu cầu thực tiễn, giải quyết được những mâu thuẫn thực tiễn đang đặt ra trong quá trình quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên. Các biện pháp được đề xuất phải đảm bảo tính ứng dụng hiệu quả, có khả năng tổ chức triển khai thực hiện được trong thực tiễn các nhà trường, thể hiện được sự cần thiết và tính khả thi khi triển khai trong thực tiễn.

3.1.3. Đảm bảo tính toàn diện

Tính toàn diện luôn là một nguyên tắc quan trọng đối với tất cả các hoạt động giáo dục nói chung, đặc biệt là đối với giáo dục KNS cho trẻ, nó bảo đảm cho việc đề ra các biện pháp tránh được những sai lầm mang tính chủ quan. Vì vậy, các biện pháp đề xuất về quản lý giáo dục KNS cho trẻ luôn đòi hỏi phải đảm bảo tính toàn diện của nó.

Trong các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ phải được liên kết, gắn bó

và tương tác lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất là hoạt động giáo dục, quản lý giáo dục cho trẻ mầm non. Điều này đồng nghĩa với tính trung thực và khách quan của các biện pháp, đảm bảo cho những kết luận và đề xuất đưa ra nhận được sự đồng thuận của các nhà quản lý, giáo viên và phụ huynh.

Nhằm đảm bảo việc tuân thủ theo các nguyên tắc trên, tác giả đã tiến hành khảo nghiệm các biện pháp trong thực tiễn giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Biện pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

** Mục tiêu của biện pháp*

Cần xác định được rõ kỹ năng sống cơ bản cho trẻ nhằm định hướng cho người quản lý và GV đi đúng hướng trong quá trình quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giúp trẻ có đủ kỹ năng cần thiết hòa nhập được tốt nhất vào cuộc sống tại thời điểm mà trẻ đang sống, mang lại ý nghĩa thiết thực cho sự phát triển cả về thể chất lẫn tâm hồn của trẻ.

Làm cho cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh hiểu được thực chất, vai trò của giáo dục kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, những kỹ năng sống cần được giáo dục cho trẻ, tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống trong xã hội hiện nay, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, cũng như phát huy tính tích cực hoạt động nhận thức của trẻ.

** Nội dung của biện pháp*

Đối với CBQL giáo dục nhà trường, phải quán triệt đầy đủ và nắm chắc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, chỉ thị, hướng dẫn của Sở GD&ĐT Tỉnh Thái Nguyên Phòng GD&ĐT TP Thái Nguyên về mục tiêu giáo dục toàn diện trong đó chú trọng đến giáo dục KNS cho trẻ.

Nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, phụ huynh học sinh nhằm thống nhất về quan niệm giáo dục, giáo dục kỹ năng sống, đặc biệt thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Nâng cao ý thức trách nhiệm của họ trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua các bài giảng trên lớp, qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, qua thái độ lao động tận tụy, qua phong cách lối sống mẫu sống của nhà giáo dục để trẻ học tập noi theo. Giáo viên cần phát huy cao độ kỹ năng sư phạm, tình yêu thương trẻ và trách nhiệm của “người mẹ thứ hai” để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, trực tiếp là hiệu trưởng, hiệu phó cần đánh giá đúng mức những ưu điểm, hạn chế thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống của mỗi nhà trường, những thuận lợi, khó khăn trong quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, từ đó tìm ra phương hướng khắc phục những khó khăn đó để hoạt động giáo dục kỹ năng sống của mỗi nhà trường đạt được mục tiêu đề ra.

Với chính bản thân người giáo viên cần nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình trong chăm sóc, giáo dục trẻ, bởi phẩm chất nhân cách và trí tuệ tạo nên sức mạnh, niềm tin và lý tưởng, giúp giáo viên tác động có hiệu quả tới trẻ. Để giáo dục KNS cho trẻ thông qua các nội dung được lồng ghép vào nội dung dạy chữ, tổ chức các trò chơi ở lớp, sinh hoạt tập thể, hoạt động dã ngoại hay các hoạt động khác, người giáo viên cần được bồi dưỡng, hoàn thiện chính bản thân mình về lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, qua đó tạo niềm tin, uy tín trước CBQL giáo dục nhà trường, phụ huynh của trẻ.

Đối với các tổ chức chính quyền, đoàn thể của nhà trường, phải nắm bắt mọi chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đảng, chính quyền, đặc biệt là phương hướng hành động của tổ chức đoàn thể để có định hướng cho đoàn viên công đoàn hoạt động trong năm học, với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, thiết thực hướng vào giáo dục KNS cho trẻ.

Trẻ mầm non (đối tượng được giáo dục KNS) chưa có ý thức kiểm soát mọi suy nghĩ, hành động một cách chặt chẽ. Do vậy, CBQL giáo dục, giáo viên, phụ huynh cần giáo dục cho trẻ các KNS thiết yếu như kỹ năng ứng xử với người lớn, với bạn bè, từ đó làm cho trẻ tự nguyện chấp nhận những yêu cầu của nhà giáo dục để

từng hình thành

KNS đúng đắn, lành mạnh, có những hành vi ứng xử, giao tiếp, đối phó với những thách thức của cuộc sống.

** Cách thức thực hiện và biện*

pháp Một là, đối với CBQL

Người đứng đầu chính là CBQL trường học phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhận thức được trách nhiệm của mình trong giáo dục KNS cho trẻ, thông qua giáo dục không chỉ cung cấp cho trẻ những tri thức, chuẩn mực hành vi ứng xử, hình thành tình cảm mà còn giúp cho trẻ rèn luyện các thói quen sinh hoạt đúng đắn thông qua các hoạt động học tập, giáo dục KNS hàng ngày.

Luôn tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, học chính trị, buổi họp hội đồng sư phạm để giúp cho giáo viên nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong giáo dục KNS cho trẻ, có thái độ đúng đắn trong việc phối hợp với các tổ chức trong nhà trường cùng tham gia giáo dục đạo đức, phong cách lối sống, tình cảm tích cực cho trẻ.

Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng, căn cứ vào các văn bản mang tính chất pháp lý, qui định về chức năng nhiệm vụ của người quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, quy chế tổ chức giáo dục KNS cho trẻ thông qua các nội dung giáo dục, tổ chức hoạt động vui chơi, sinh hoạt tập thể hay các hoạt động dã ngoại khác... đã được quy định ở từng tháng, học kỳ và năm học. Yêu cầu giáo viên nghiên cứu nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của mình như: chịu trách nhiệm chính trong hoạt động dạy học, giáo dục để phát triển các phẩm chất nhân cách cho trẻ. Hoặc là tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động giáo dục của lớp theo sự phân công nhiệm vụ của CBQL giáo dục trong nhà trường, thông qua đó giáo dục KNS cho trẻ.

CBQL giáo dục nhà trường cần thông qua các buổi họp chuyên môn, sinh hoạt hàng tuần để tuyên truyền, vận động, giải thích cho giáo viên, nhân viên và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường hiểu rõ về vai trò của giáo dục KNS đối với sự hình thành, phát triển nhân cách của trẻ mầm non.

Hai là, đối với giáo viên

Với lứa tuổi trẻ từ 5 đến 6 tuổi lúc này nhân cách của trẻ đang trong giai đoạn hình thành và phát triển, trẻ đang học hỏi về cách ứng xử, giao tiếp hàng ngày, nên

giáo viên, các lực lượng giáo dục trong nhà trường cần hiểu đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của giáo dục KNS cho trẻ, để mỗi chủ thể giáo dục trong nhà trường thấy rõ trách

nhiệm của mình trong tổ chức và tiến hành các hoạt động giáo dục KNS cho trẻ nhằm đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong tình hình mới.

Ba là, đối với cha mẹ trẻ

CBQL giáo dục, giáo viên, nhân viên và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường cần làm tốt việc tuyên truyền để cha mẹ trẻ thấy được vai trò to lớn của giáo dục KNS đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, rèn luyện tính chủ động trong ứng xử, giải quyết các mối quan hệ; thông qua giáo dục KNS giúp trẻ từng bước mở mang kiến thức, tạo hứng thú cho trẻ tiếp tục tham gia các hoạt động học tập theo chương trình giáo dục mầm non. Cần làm cho phụ huynh thấy việc giáo dục KNS cho trẻ có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động vui chơi, tiếp thu kiến thức, phát triển ngôn ngữ và phát triển nhân cách của trẻ, qua đó tạo sự đồng thuận, ủng hộ của phụ huynh trong phối hợp giáo dục KNS cho trẻ.

Thông qua các cuộc họp phụ huynh ở đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học, nhà trường tổ chức tuyên truyền để phụ huynh của trẻ hiểu biết đúng đắn, đầy đủ về nội dung, cách thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ, qua đó tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình giáo dục, giúp đỡ trẻ phát triển nhận thức. Đồng thời, lấy ý kiến phản ánh tâm tư, nguyện vọng, những vướng mắc khó khăn trong phối hợp giữa nhà trường, gia đình về nội dung, cách thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ, thông qua đó tạo ra sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình để xây dựng kế hoạch và kịp thời giúp cha mẹ trẻ giải quyết những vướng mắc, mời đại diện cha mẹ của trẻ cùng tham gia tổ chức, quản lý trẻ khi tổ chức các hoạt động dã ngoại để giáo dục KNS cho trẻ.

Bốn là, đối với trẻ mầm non

Người giáo viên được phân công nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy trẻ ở lớp nào cần nắm chắc nội dung giảng dạy của mình, nghiên cứu các chủ đề, nội dung cần dạy cho trẻ để lồng ghép những nội dung về KNS cần giáo dục cho trẻ, nhằm giúp trẻ nhận thức được các KNS cần thiết trong sự phát triển nhân cách, qua đó giúp trẻ tích lũy dần các kiến thức, hiểu biết xã hội, văn hóa để tham gia vào hoạt động. Giáo viên cần giúp cho trẻ tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục KNS để đạt mục tiêu giáo dục toàn diện tri thức, phát triển, hoàn thiện nhân cách của trẻ, giúp trẻ từng bước hòa nhập, chung sống hoà hợp với tập thể và cộng đồng...

Thông qua giáo dục KNS, trẻ tiếp tục được giáo dục tinh thần đoàn kết, thực

hiện nếp sống văn minh, phong cách có văn hoá trong giao tiếp, ứng xử đối với thầy cô, bạn bè,

người thân trong gia đình và mọi người xung quanh, giúp trẻ biết kính trên, nhường dưới, biết nghe lời thầy cô giáo, qua đó khơi dậy tình cảm, thái độ tôn trọng, niềm tin, ý thức trách nhiệm của trẻ đối với chính mình và những người xung quanh.

3.2.2. Biện pháp tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

**** Mục tiêu của biện pháp***

Quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống sẽ giúp cho các nhà trường có cái nhìn tổng quát về nội dung chương trình, tránh bỏ sót nội dung cũng như lựa chọn các hoạt động giáo dục kỹ năng sống đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của chương trình, đưa chất lượng Giáo dục của nhà trường đi đúng hướng và ngày càng phát triển.

Mọi hoạt động kể cả hoạt động quản lý nói chung và quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non đều bắt nguồn từ việc lập kế hoạch mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non, trên cơ sở đó xác định nội dung và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ. Lập kế hoạch sẽ giúp đảm bảo tính hệ thống, tính thống nhất và ổn định cho quản lý giáo dục KNS cho trẻ, hạn chế sự tùy tiện, mất phương hướng trong quá trình tổ chức dạy kỹ năng, tránh sự chông chéo trong hoạt động.

Kế hoạch, chương trình giáo dục KNS cho trẻ nói riêng, giáo dục trẻ nói chung ở từng độ tuổi là pháp lệnh Nhà nước do Bộ GD&ĐT ban hành, được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước. Thực hiện kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ theo mục tiêu giáo dục của bậc học mầm non. Vì thế quản lý mục tiêu, nội dung giáo dục KNS cho trẻ là nhiệm vụ trọng tâm của người hiệu trưởng trường mầm non nhằm đảm bảo cho mọi thành viên của nhà trường nắm vững mục tiêu, hoạt động của trường mầm non luôn theo định hướng, điều khiển và điều chỉnh làm cho mục tiêu được hiện thực hoá bằng hoạt động cụ thể với kết quả thiết thực.

**** Nội dung biện pháp***

Quản lý việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi của cả năm, các chủ đề, kế hoạch tuần và kế hoạch hoạt động hàng ngày, kế hoạch ngày hội, ngày lễ.

Tăng cường giám sát chặt chẽ công tác chuẩn bị bài của giáo viên. Việc soạn bài, chuẩn bị giờ lên lớp và thực hiện hoạt động. Nhà trường chỉ đạo giáo viên khi soạn bài phải xác định rõ mục đích, yêu cầu của chương trình, xác định kỹ năng, nhận

thức, phát triển năng lực trí tuệ, óc quan sát... cần rèn cho trẻ, nêu rõ từng hoạt động của cô

và trẻ, xác định kiến thức trọng tâm cần cung cấp, sắp xếp thứ tự logic, có minh họa hình ảnh sinh động, gần gũi với đời sống thực tế, luôn kích thích trẻ hứng thú tham gia vào hoạt động.

Trong mỗi kế hoạch đều phải xác định rõ mục tiêu, chương trình hành động, xác định rõ các bước tiến hành, những điều kiện, phương tiện cần thiết được sử dụng để tiến hành quản lý và tổ chức thực hành giáo dục trong thời gian nhất định của lực lượng giáo dục trong nhà trường.

Thông nhất cách thức phối hợp giữa chính quyền, đoàn thể, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để quản lý, tổ chức giáo dục KNS cho trẻ một cách có hiệu quả nhất. Như bất kỳ một biện pháp quản lý nào khác, tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ phải được thực hiện một cách nghiêm túc, nhằm mục đích giúp các lực lượng giáo dục tập trung nguồn lực hướng tới thực hiện nhiệm vụ, nội dung giáo dục KNS cho trẻ một cách tốt nhất.

Quá trình xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ phụ thuộc vào trình độ, năng lực kinh nghiệm của CBQL giáo dục ở các trường mầm non. Để nâng cao hiệu quả công tác trong tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ, cần phải bồi dưỡng cho CBQL giáo dục, giáo viên về kỹ năng xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ một cách phù hợp với thực tế của nhà trường hiện nay.

Tăng cường quản lý hồ sơ, sổ sách chuyên môn của giáo viên dạy lớp 5-6 tuổi.

Đối với hoạt động quản lý, hồ sơ là một phương tiện phản ánh quá trình quản lý có tính khách quan và cụ thể. Nhà trường chỉ đạo giáo viên phải thực hiện đúng theo yêu

cầu các loại hồ sơ sổ sách theo quy định của ngành, ghi chép cập nhật đầy đủ và thường xuyên kiểm tra hồ sơ của từng giáo viên, trên cơ sở đó nắm bắt tình hình thực

hiện của giáo viên để uốn nắn, điều chỉnh kịp thời, rút kinh nghiệm cho việc thực hiện tiếp theo. CBQL luôn lắng cường công tác đổi mới phương pháp của giáo viên.

Đổi mới phương pháp giáo dục ở hệ mầm non là đổi mới hình thức tổ chức các hoạt

động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Vì vậy, cần tổ chức cho giáo viên tiếp cận phương pháp dạy học mới thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, tham khảo tài liệu, dự các buổi tổ chức đi tham quan thực tế học tập kinh nghiệm, tổ chức các buổi thao giảng, chuyên đề, cho giáo viên thảo luận, trao đổi kinh nghiệm và rút

ra những phương pháp

dạy học, hình thức dạy học phù hợp từng hoạt động với từng độ tuổi của trẻ là việc làm cần thiết mà cán bộ quản lý cần quan tâm và chú trọng.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Một là, Nhà trường cần nắm vững và quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, các văn bản quy định, nhiệm vụ, yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục về nội dung chương trình dạy đến với cán bộ, giáo viên trong toàn trường. Hiệu trưởng cần định hướng mục tiêu phát triển giáo dục trong nhà trường, đánh giá đúng nguồn lực giáo dục bao gồm nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài, nhưng quan trọng nhất vẫn là nguồn lực bên trong với chất lượng giáo viên và năng lực của cán bộ quản lý. Kế hoạch của nhà trường sau khi được xây thông qua tập thể sư phạm giáo viên và được cấp trên phê duyệt.

Hai là, Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của năm học, nội dung chương trình giáo dục trẻ của ngành, nhà trường hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch của tổ, xác định nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu thi đua trong từng học kỳ của năm học, xác định các biện pháp thực hiện, thời gian hoàn thành, cụ thể hóa bằng kế hoạch tháng, tuần, ngày. Qua kế hoạch nhà trường và tổ chuyên môn, yêu cầu giáo viên soạn kế hoạch theo nhóm lớp chung, cần xác định nội dung kiến thức trọng tâm, phương pháp tổ chức và phương tiện dạy học và vui chơi cho trẻ.

Ba là, Các trường trường dựa theo sự phân bổ thời gian quy định của Bộ, Sở, Phòng Giáo dục theo tuần, tháng, học kỳ có thể điều chỉnh trong phạm vi cho phép để tạo sự thuận lợi cho giáo viên thực hiện kế hoạch theo đặc thù riêng của trường, địa phương.

Bốn là, Các trường thường xuyên giám sát, kiểm tra để biết được tiến trình và hiệu quả công việc, ngoài ra cần phải bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng quan sát, đánh giá khả năng của trẻ trong từng hoạt động, sử dụng các kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, có kiến thức để tự xây dựng chương trình.

Năm là, Các trường cần chăm lo đời sống vật chất, động viên tinh thần, khơi dậy sự tin tưởng nơi đồng nghiệp là tiền đề đưa nhà trường đi đến sự thành công.

Sáu là, Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch của giáo viên để có phương án điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế của nhà trường. Có kế hoạch cụ thể trong việc chỉ đạo xây dựng

kế hoạch

và tổ chức thực hiện kế hoạch, triển khai đến cán bộ, giáo viên. Xây dựng đội ngũ giáo viên tâm huyết, yêu nghề, có năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm, có phẩm chất đạo đức, lương tâm nhà giáo, gắn bó với nhà trường và sự nghiệp giáo dục.

Bây là, Tăng cường tổ chức hội giảng, chuyên đề, hội thi, các ngày lễ hội và phát động các phong trào sáng tác truyện, thơ, dân gian, làm đồ dùng trong trường. Có chính sách khuyến khích, động viên vật chất lẫn tinh thần đối với cá nhân và tập thể thực hiện tốt công tác chuyên môn. Bên cạnh đó, nên tranh thủ sự giúp đỡ của Sở Giáo dục, Phòng GD&ĐT và địa phương đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng học chất lượng cao, tạo môi trường học tập tốt nhất cho giáo viên và trẻ. Cung cấp sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, nguồn kinh phí và phương tiện dạy học cho giáo viên dạy lớp 5-6 tuổi.

3.2.3. Biện pháp chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra

**** Mục tiêu của biện pháp***

Người quản lý muốn kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non đạt kết quả cao như mong đợi thì việc cần làm nhất đó là tăng cường công tác tổ chức, chỉ đạo các cá nhân trong việc hoàn thành các yêu cầu, nhiệm vụ của kế hoạch giáo dục KNS để dạy cho trẻ. Trong công tác tổ chức, chỉ đạo phải đảm bảo sự thống nhất, khách quan và dân chủ để mang lại hiệu quả cao trong thực tiễn. Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa CBQL giáo dục trong nhà trường với giáo viên, nhân viên, các tổ chức đoàn thể nhà trường để giáo dục KNS cho trẻ đạt hiệu quả cao nhất. Phân công trách nhiệm rõ ràng cho các thành viên, tránh chồng chéo công việc để nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ của tổ chức. Nếu phân công hợp lý, đảm bảo về số lượng, chất lượng thì chắc chắn hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ trong nhà trường sẽ được nâng cao và thành công.

Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, các công cụ thiết bị hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong công tác giáo dục kỹ năng sống.

**** Nội dung của biện pháp***

Khi đưa ra kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ cần được thực hiện theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với thực tiễn, đặc điểm nhận thức, khả năng của trẻ. Các nội dung giáo dục KNS cho trẻ được lựa chọn phải phù hợp với từng đặc điểm tâm, sinh lý, kỹ năng cụ thể của trẻ ở từng độ tuổi.

Chỉ đạo việc giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non thông qua hoạt động

học để từng bước bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, khơi dậy cho trẻ những tình cảm trong sáng, hình thành cho trẻ những hiểu biết về cách ứng xử có văn hóa, hiểu biết về thiên nhiên, trang bị cho trẻ các giá trị đạo đức, đồng thời giúp trẻ hình thành khả năng phân biệt đúng - sai; tốt - xấu diễn ra hàng ngày trong cuộc sống và rèn luyện, hình thành cho trẻ những kỹ năng cơ bản giải quyết hợp lý các mối liên hệ với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng.

Chỉ đạo việc tổ chức các hoạt động dã ngoại, tham quan, giúp trẻ có điều kiện tìm hiểu, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về dân tộc cho trẻ. Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động văn hóa - nghệ thuật để bồi dưỡng, làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho trẻ, giúp trẻ hình thành kiến thức về cái đẹp, đưa cái đẹp vào cuộc sống.

Mỗi nhà trường đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất, các công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi là điều kiện cơ bản tạo nên sự thành công trong công tác giáo dục kỹ năng sống, bởi vì công cụ thiết bị giáo dục có mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo viên và trẻ, giữa nội dung, phương pháp và mục tiêu giáo dục góp phần tham gia vào thúc đẩy hiện thực hóa mục tiêu giáo dục, làm cho quá trình giáo dục có chất lượng và hiệu quả.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Một là, Nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên và trẻ về vai trò của việc sử dụng cơ sở vật chất, công cụ thiết bị giáo dục. Thông qua đó, giúp họ ý thức được công cụ thiết bị giáo dục cần thiết trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, từ đó họ có nhu cầu sử dụng thường xuyên các thiết bị này.

Hai là, Tập huấn cho giáo viên các phương pháp giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn giáo viên và trẻ sử dụng các thiết bị, công cụ hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống như âm li, loa đài, máy chiếu, phòng học bộ môn, phòng học chức năng,...

Ba là, Thường xuyên rà soát kiểm tra công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống, có kế hoạch cung ứng kịp thời thiết bị giáo dục và các nguồn vốn đầu tư cho công tác giáo dục kỹ năng sống theo nội dung, kế hoạch giáo dục kỹ năng sống đã đề ra.

Bốn là, Đối với các cán bộ quản lý: Lập kế hoạch, cân đối nguồn tài chính từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn huy động của công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ giáo dục đầy đủ, kịp thời cho giáo viên

và

học sinh trong các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho đội ngũ giáo viên về sự cần thiết phải sử dụng thiết bị, công cụ hỗ trợ giáo dục, biết cách sử dụng các công cụ đó.

Năm là, Đối với giáo viên: Từ kế hoạch, nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo viên sẽ nhận thấy những thiết bị, công cụ cần hỗ trợ để hoàn thành tốt nhất mục tiêu giáo dục đã đề ra. Giáo viên chủ động đề xuất nhà trường cung cấp về cơ sở vật chất, công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục. Những đề xuất này phải thể hiện trong kế hoạch mà giáo viên, tổ bộ môn xây dựng từ đầu năm học. Tổng hợp các kế hoạch này nhà trường mới có thể cung ứng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho giáo viên và học sinh một cách kịp thời; giáo viên cần cụ thể hóa thiết bị giáo dục này phục vụ chủ đề giáo dục kỹ năng sống nào, thiết bị giáo dục đó khai thác ở đâu (trong phòng học đa năng, phòng học trong giờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động dã ngoại,... trong các kế hoạch của mình).

Sáu là, Đối với trẻ: Giáo dục cho trẻ có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường cũng như quá trình tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở ngoài nhà trường như giao lưu với cơ sở giáo dục khác, tham quan dã ngoại thực tế,...; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục phù hợp với nội dung và tình huống được đưa ra, chuẩn bị đầy đủ các công cụ học tập. Trẻ là trung tâm của mọi hoạt động giáo dục ở các trường mầm non. Do đó, tổ chức các chuyên đề giáo dục KNS cho trẻ cũng là một phần hết sức quan trọng của biện pháp này. Tuy nhiên, việc giáo dục KNS muốn kích thích sự hứng thú, tích cực hoạt động của trẻ thì các trường mầm non không được áp dụng các hình thức như của người lớn mà phải tiến hành thông qua học mà chơi, chơi mà học, phù hợp với lứa tuổi mầm non.

Nhà trường cần thiết phải tiến hành thường xuyên và liên tục với nhiều hoạt động phong phú, vui tươi khác nhau với ngôn từ đơn giản, dễ hiểu để trẻ hiểu KNS là gì, thích thú học về KNS. Đối với trẻ, chỉ hăng hái học kỹ năng khi nhận thấy các kỹ năng này gần gũi với mình, có thể thực hiện được và có những niềm vui trong việc thực hiện.

3.2.4. Biện pháp phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

** Mục tiêu của biện pháp*

Trong quá trình phát triển nhân cách toàn diện của trẻ mầm non không thể

thiếu sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Ở môi trường lớn hay môi trường nhỏ, con người đều nhận được những tác động của quá trình giáo dục. Mục tiêu của biện pháp này là phát huy tận dụng được sức mạnh tổng hợp của nhà trường, gia đình và xã hội để chăm lo giáo dục toàn diện cho trẻ trong đó có giáo dục KNS, phát huy những tiềm năng phong phú của toàn xã hội (về vật chất cũng như tinh thần) tham gia vào công tác giáo dục thể hệ trẻ, qua đó tạo ra sự đồng thuận, sự thống nhất cao trong thực hiện mục tiêu giáo dục và xây dựng môi trường trong sạch lành mạnh để giáo dục hình thành, phát triển con người một cách toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Trong quản lý giáo dục nói chung, quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non nói riêng, việc thiết lập mối liên hệ thông tin hai chiều giữa nhà trường, gia đình là hết sức quan trọng. Việc giữ vững mối liên hệ, phối hợp giữa nhà trường với gia đình sẽ giúp nhà trường nắm và hiểu rõ hơn hoàn cảnh của trẻ, tạo nên sự đồng tâm, hiệp lực các lực lượng trong và ngoài nhà trường để giáo dục cho trẻ có KNS tốt hơn.

** Nội dung của biện pháp*

Giáo dục KNS cho trẻ là việc rất quan trọng có ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Việc giáo dục KNS cho trẻ phải được thực hiện một cách đồng bộ và có sự phối kết hợp của nhiều lực lượng trong và ngoài nhà trường mới đem lại hiệu quả. Do vậy, nhà trường truyền đạt KNS cho trẻ là chưa đủ mà cần có sự chung tay của gia đình và cả cộng đồng xã hội. Môi trường gia đình, nơi mỗi người sống, hoạt động và là trung tâm xử lý thông tin một cách chính xác, định hướng các giá trị đạo đức và quan trọng hơn là những người lớn tuổi như ông, bà, cha, mẹ, anh, chị phải thực sự là nhà sư phạm để giáo dục, rèn luyện, giúp đỡ con em mình trong tiếp nhận thông tin và hình thành khả năng tự xử lý thông tin.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Sự phối hợp thống nhất giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã trở thành nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Sự phối hợp này tạo ra môi trường thuận lợi, sức mạnh tổng hợp để quản lý và tổ chức giáo dục KNS cho trẻ đạt hiệu quả. Với vai trò trung tâm của mình, các chủ thể quản lý giáo dục cần phải chú ý thực hiện có hiệu quả những nội dung sau:

Một là, về phía nhà trường

Mỗi đầu năm học nhà trường tổ chức kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của các lớp, bàn bạc thống nhất các nhiệm vụ, nội dung phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình, hội phụ huynh, cung cấp thêm những vấn đề cơ bản về trẻ, về tầm quan trọng của việc giáo dục KNS cho trẻ để phụ huynh được biết, giúp phụ huynh thấy được ảnh hưởng to lớn của gia đình đến việc giáo dục KNS cho trẻ. Định hướng xây dựng quy chế phối hợp giáo dục giữa nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh; giữa phụ huynh học sinh với giáo viên; các quy tắc và chế độ thông tin hai chiều giữa nhà trường với gia đình của trẻ.

Tổ chức cam kết trách nhiệm giữa nhà trường, gia đình tham gia vào quá trình giáo dục KNS cho trẻ, thống nhất mục tiêu, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non. Hàng năm, tổ chức các cuộc họp toàn thể cha mẹ trẻ để tạo nên mối liên hệ giữa giáo viên với cha mẹ trẻ. Cuộc họp được tổ chức theo lịch định kỳ tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, của lớp (theo quy định tổ chức họp phụ huynh học sinh 3 lần là đầu năm, giữa năm và cuối năm học). Thông qua các lần họp phụ huynh, giáo viên có điều kiện thuận lợi tìm ra các giải pháp giáo dục tốt, động viên được cha mẹ của trẻ tích cực, nhiệt tình tham gia sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, bàn bạc thống nhất các nội dung phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình, xã hội, trong kế hoạch cần chỉ rõ những kỹ năng sống cần và rất cần giáo dục cho trẻ ở trường mầm non như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức bản thân ...Xã hội luôn vận động và phát triển, đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ cũng thay đổi theo. Thông qua cuộc họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp, tham vấn... giúp họ thấy rõ đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ hiện nay, những khó khăn các em gặp trong cuộc sống, tâm tư nguyện vọng của các em đối với nhà trường và cha mẹ của mình, các bậc phụ huynh quan tâm tới đời sống tinh thần của các con hơn.

Đối với cán bộ quản lý: Chủ động xây dựng kế hoạch, quy chế làm việc, quy định rõ trách nhiệm của nhà trường, của gia đình, của xã hội trong công tác giáo dục trẻ, để có sự phối kết hợp tốt giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; tổ chức cho cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể địa phương cùng tham gia các chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ như nhân dịp tết thiếu nhi 1.6, rằm trung thu hàng năm... Phân công trách nhiệm cho giáo viên thực hiện tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội.

Hai là, về phía phụ huynh

Cha mẹ học sinh là người liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và xã hội, là người làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân quan tâm tới sự nghiệp giáo dục của nhà trường; cha mẹ hướng cho con em mình biết giao tiếp ứng xử, chủ động, tự tin trong công việc, biết chắt lọc thông tin, tránh xa những cám dỗ của cuộc sống, đồng thời biết đối xử tốt với mọi người... Hơn hết họ phải thật sự là tấm gương cho con mình học tập; thường xuyên gần gũi quan tâm tới tâm tư, nguyện vọng của các con, để có những định hướng đúng đắn về tư tưởng đạo đức, lối sống. Chủ động cung cấp thông tin chính xác và kịp thời về tình hình phát triển thể chất, tinh thần và các hoạt động của trẻ tại gia đình cho giáo viên nắm được, qua đó phối hợp với nhà trường tổ chức giáo dục, không bao che khuyết điểm của con em mình. Quan tâm dành thời gian và các điều kiện cần thiết cho con em tham gia các hoạt động học tập, vui chơi ở nhà trường.

Ở gia đình, các bậc phụ huynh nên dạy trẻ biết cách đối nhân xử thế, biết tôn trọng mình và tôn trọng người khác, dạy con lòng khoan dung, sự độ lượng vị tha và những chuẩn mực, giá trị đạo đức mà con người phải sống theo, dạy trẻ điều hay lẽ phải. Tuy nhiên, để làm được điều đó, trước hết cha mẹ phải là tấm gương cho con cái noi theo, nhất là trong giai đoạn hiện nay, các giá trị của cuộc sống đang biến động nhanh chóng, khi cuộc sống của con người đang có sự đề cao sự thỏa mãn, những ham muốn cá nhân thì gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc khơi dậy ý thức đúng đắn về cái tốt và cái xấu, về những việc đáng làm và không nên làm, những giá trị ấy nếu các bậc cha mẹ đã không thể hiện đúng vai trò của mình thì đừng đòi hỏi những đứa trẻ sẽ trở thành một công dân tốt.

Gia đình phải thực hiện đúng trách nhiệm của mình như Luật giáo dục (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đã nêu rõ: “Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em hoặc người được giám hộ được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường. Mọi người trong gia đình phải có trách nhiệm xây dựng gia đình văn hóa, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục” [30].

Ba là, đối với các tổ chức đoàn thể địa phương: Chính quyền địa phương cần ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường, cam kết giải quyết những vấn đề ảnh hưởng xấu tới môi trường giáo dục của nhà trường, tạo điều kiện cho các tổ chức như hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên, công an, y tế...tuyên truyền về pháp luật, thông tin về tệ nạn xã hội, cách phòng chống các tệ nạn xã hội.

3.2.5. Biện pháp đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non

** Mục tiêu của biện pháp*

Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, các công cụ thiết bị hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong công tác giáo dục kỹ năng sống.

** Nội dung của biện pháp*

Cơ sở vật chất trường học là tất cả các phương tiện vật chất được giáo viên và học sinh sử dụng, nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình giáo dục. Quản lý cơ sở vật chất, tăng cường nguồn vốn đầu tư để trang bị và tái trang bị các công cụ, thiết bị hỗ trợ giáo viên và học sinh trong công tác giáo dục kỹ năng sống phù hợp với sự phát triển của nhà trường.

Mọi khâu chuẩn bị tốt, nhưng không có phương tiện hoặc phương tiện chất lượng kém thì không thể giáo dục KNS thành công. Do vậy, nhà trường cần xây dựng các cơ chế liên kết giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để phối hợp, huy động nguồn lực cho nhà trường bằng việc xây dựng các chương trình hay dự án. Hiệu trưởng nói riêng và CBQL nói chung phải thường xuyên bồi dưỡng, tự bồi dưỡng để làm tốt vai trò của mình trong cộng đồng. Người hiệu trưởng có uy tín, năng lực là nguồn kích thích sự tham gia của các lực lượng giáo dục cho sự phát triển của nhà trường.

Mỗi nhà trường đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất, các công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ là điều kiện cơ bản tạo nên sự thành công trong công tác giáo dục kỹ năng sống, bởi vì công cụ thiết bị giáo dục có mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo viên và học sinh, giữa nội dung, phương pháp và mục tiêu giáo dục góp phần tham gia vào thúc đẩy hiện thực hóa mục tiêu giáo dục, làm cho quá trình giáo dục có chất lượng và hiệu quả.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Một là, Thường xuyên rà soát kiểm tra công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ

năng sống, có kế hoạch cung ứng kịp thời thiết bị giáo dục và các nguồn vốn đầu tư cho công tác giáo dục kỹ năng sống theo nội dung, kế hoạch giáo dục kỹ năng sống đã đề ra.

Hai là, Đối với các cán bộ quản lý: Lập kế hoạch, cân đối nguồn tài chính từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn huy động của công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ giáo dục đầy đủ, kịp thời cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho đội ngũ giáo viên về sự cần thiết phải sử dụng thiết bị, công cụ hỗ trợ giáo dục, biết cách sử dụng các công cụ đó.

Ba là, Đối với giáo viên: Từ kế hoạch, nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo viên sẽ nhận thấy những thiết bị, công cụ cần hỗ trợ để hoàn thành tốt nhất mục tiêu giáo dục đã đề ra. Giáo viên chủ động đề xuất nhà trường cung cấp về cơ sở vật chất, công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục. Những đề xuất này phải thể hiện trong kế hoạch mà giáo viên, tổ bộ môn xây dựng từ đầu năm học. Tổng hợp các kế hoạch này nhà trường mới có thể cung ứng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho giáo viên và học sinh một cách kịp thời; giáo viên cần cụ thể hóa thiết bị giáo dục này phục vụ chủ đề giáo dục kỹ năng sống nào, thiết bị giáo dục đó khai thác ở đâu (trong phòng học đa năng, phòng học trong giờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động dã ngoại,... trong các kế hoạch của mình).

Bốn là, Đối với trẻ: Giáo dục cho trẻ có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, công cụ thiết bị hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường cũng như quá trình tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở ngoài nhà trường như giao lưu với cơ sở giáo dục khác, tham quan dã ngoại thực tế,...; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục phù hợp với nội dung và tình huống được đưa ra, chuẩn bị đầy đủ các công cụ học tập.

Năm là, đối với phụ huynh: chủ động, tích cực kêu gọi và tận dụng sự hỗ trợ, tư vấn về chuyên môn, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục KNS. Vận động cha mẹ học sinh, các cá nhân, tổ chức ngoài xã hội đóng góp công sức, tài chính... để phục vụ giáo dục KNS cho trẻ ở trường mầm non đạt hiệu quả thiết cao nhất.

3.2.6. Biện pháp thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

** Mục tiêu của biện pháp*

Kiểm tra, đánh giá, giám sát góp phần cung cấp nguồn thông tin hai chiều nhanh nhất để kịp thời điều khiển, điều chỉnh việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đạt kết quả. Cán bộ quản lý phát hiện kịp thời khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, từ đó có tác động hỗ trợ giáo viên, học sinh truyền thụ cũng như lĩnh hội kiến thức về kỹ năng sống góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

** Nội dung của biện pháp*

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên theo hình thức có báo trước và dự giờ đột xuất. Thời điểm kiểm tra là bất kỳ thời điểm nào trong chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ hoặc theo chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Việc kiểm tra, giám sát là chức năng của quản lý trong nhà trường, song qua việc kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời kế hoạch, những nội dung hoạt động chưa phù hợp hay những vướng mắc chưa hiệu quả từ phía cha mẹ học sinh, từ phía giáo viên để có phương hướng điều chỉnh tháo gỡ những khó khăn đó. Đây là biện pháp có tác dụng thúc đẩy hoạt động quản lý giáo dục KNS cho trẻ của nhà trường đạt hiệu quả. Biện pháp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục KNS cho trẻ được tiến hành thường xuyên, kịp thời khen thưởng cá nhân có thành tích trong giáo dục KNS cho trẻ, kỷ luật nghiêm minh những cá nhân vi phạm phải được tiến hành thường xuyên, đan xen với các biện pháp khác trong quá trình quản lý và đòi hỏi sự nhiệt tình, trách nhiệm cao của các chủ thể quản lý trong quá trình quản lý việc thực hiện nhiệm vụ, nội dung giáo dục KNS cho trẻ.

Các hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện nghiêm túc, đúng đắn, công bằng, tôn trọng danh dự và nguyện vọng của giáo viên. Ban giám hiệu nhà trường phải vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, đảm bảo tính pháp chế của Nhà nước, công khai, dân chủ trong thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục KNS.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Các trường mầm non cần tăng cường quản lý đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV, bắt đầu từ việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch kiểm tra các hoạt động

giáo dục ngay từ đầu năm học nêu rõ nội dung, thời gian, lực lượng kiểm tra. Thành lập ban kiểm tra có trình độ hiểu biết về lĩnh vực cần kiểm tra, có trách nhiệm cao. Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục sao cho phù hợp. Các trường hướng dẫn giáo viên tiếp cận với yêu cầu kiểm tra - đánh giá nhằm thúc đẩy quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục của giáo viên.

Đưa ra bản đánh giá sao cho phù hợp với từng trường, từng lớp nhằm xác định được kết quả nhanh nhất trên trẻ mà không làm tổn thương trẻ.

Ví dụ kỹ năng tự phục vụ:

TT	Tên kỹ năng	Ngày thực hiện	Thực hiện tốt ở các lần			Nhận xét chung
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Cách mặc áo	15.9.2019	*			Trẻ làm rất nhanh
2	Cách gấp quần áo	01.10. 2019		*		Cô hướng dẫn 2 lần
						trẻ mới làm được
3	Cách sắp xếp lau dọn góc chơi	15.10.2019		*		Trẻ tự làm đến lần 2 thì làm được
4	Cách đánh răng	20.10.2019			*	Cô hướng dẫn 3 lần
						trẻ mới làm được

Một là, Xác định tầm quan trọng của việc kiểm tra - đánh giá đối với giáo viên. Công tác kiểm tra đánh giá cần đảm bảo tính chính xác, công bằng, theo tiêu chuẩn rõ ràng sẽ mang đến hiệu quả thực chất.

Hai là, Tăng cường hình thức kiểm tra toàn diện trong tháng, tuần, để có đánh giá toàn diện về khả năng sư phạm cũng như trình độ chuyên môn của giáo viên trong các hoạt động Giáo dục chứ không kiểm tra một mặt hoặc kiểm tra theo học kỳ, cuối năm học.

Ba là, Thường xuyên dự giờ, để đánh giá việc thực hiện chương trình, nâng cao ý thức tự giác đối với công việc của giáo viên, từ đó các trường nắm bắt được việc sử dụng đồ dùng, phương pháp giảng dạy, khả năng sư phạm, thực hiện nề nếp

chuyên môn đạt chất lượng như nào để có những biện pháp điều chỉnh.

Năm là, Để xếp loại đánh giá giáo viên được tốt nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nói chung và chất lượng trẻ 5-6 tuổi 5 tuổi theo Chuẩn phát triển nói riêng, cần đánh giá toàn diện trên các hoạt động giáo dục, quan sát các sản phẩm, cách thể hiện của trẻ để đánh giá giáo viên trong từng hoạt động. Đặc biệt là nêu cao vấn đề tự đánh giá của giáo viên. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, giáo viên trong trường thường xuyên giám sát quá trình kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện ra những thiếu sót hoặc không phù hợp với các tiêu chí đánh giá để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

Mối quan hệ của giữa các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên.

Qua quá trình nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên, chúng tôi đề xuất 6 biện pháp quản lý. Các biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, không thể tách rời tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong việc thực hiện quản lý giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường, để đạt được mục tiêu giáo dục kỹ năng sống đã đề ra.

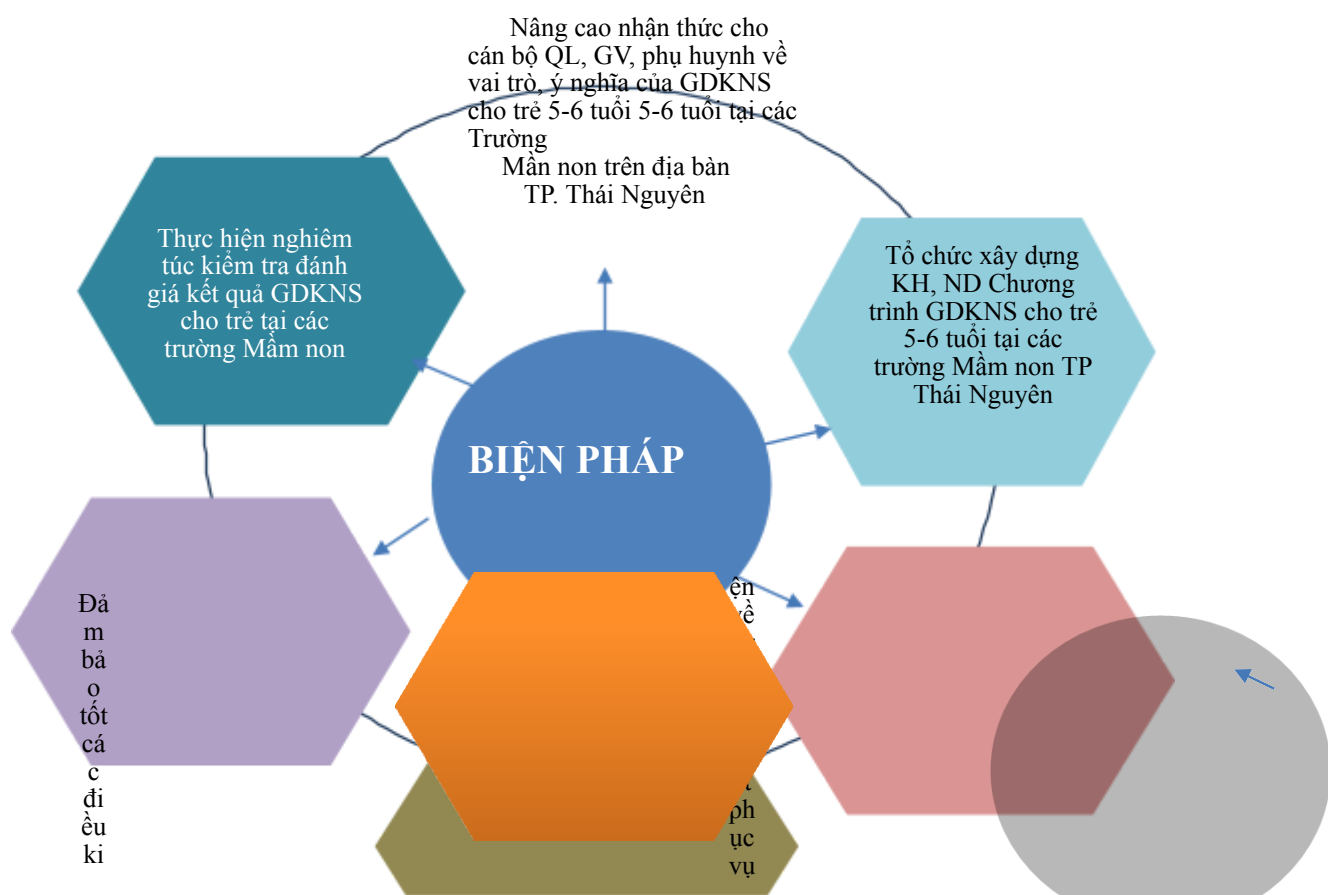
Các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống được đề xuất nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non. Mỗi biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống có một vị trí riêng trong hệ thống các biện pháp quản lý đề xuất như biện pháp “*Xác định các kỹ năng sống cơ bản của trẻ mầm non hiện nay*” có tác dụng giữ vị trí định hướng cho các biện pháp quản lý khác hướng đến hình thành các kỹ năng sống cơ bản cho trẻ. Biện pháp “*Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên đáp ứng với yêu cầu hiện nay*” giữ vai trò quyết định để các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống khác phát huy được hiệu quả tốt nhất giảm bớt sự tốn kém về thời gian, về công sức. Các biện pháp “*Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ theo phương pháp giáo dục kỹ năng tự phục của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên*”, “*Tổ chức phối hợp tốt giữa các lực lượng trong nhà trường và gia đình trong việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên*” giữ vai trò là các biện pháp công cụ về mặt nhân sự, hoạt động để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thực hiện được đúng kế hoạch và đảm bảo hiệu quả tối ưu.

Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non TP Thái Nguyên đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non TP Thái Nguyên. Trong hệ thống 6 biện pháp quản lý đề xuất mỗi biện pháp đều giữ một vị trí quan trọng riêng như đã xác định, không có biện pháp nào được coi là quan trọng cốt lõi tuyệt đối trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở trường mầm non TP Thái Nguyên. Vì vậy, cán bộ quản lý khi sử dụng các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi cần chú ý:

Một là: Sử dụng đồng bộ các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, tránh tình trạng tuyệt đối hóa, quá nhấn mạnh một biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống nào đó mà cán bộ quản lý ưa thích và đánh giá cao.

Hai là: Tùy theo từng bối cảnh và điều kiện cụ thể của từng giai đoạn nhất định và từng trường mầm non mà sử dụng các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống có sự khác biệt.

Ba là: Các trường mầm non TP Thái Nguyên luôn đáp ứng được các điều kiện cụ thể đã xác định trong từng biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thì có thể sử dụng các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống trong hoàn cảnh cụ thể của trường mình. Có thể mô tả vị trí và mối quan hệ của các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống đề xuất trong luận án bằng sơ đồ sau:



G
D
K
N
S
ch
o
trẻ
tại
cá
c
trư
ờn
g
M
à
m
no
n

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu và Công
nghệ thông tin – ĐHTN

Chỉ đạo GDKNS chỉ trẻ 5-6 tuổi 5-6 tuổi tại
các
trường <http://mtrc.nu.edu.vn> bảo
đúng kế hoạch, nội dung chương trình đề ra.

***Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống
cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường trên địa bàn TP Thái Nguyên***

3.3. Khảo nghiệm về mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp

3.3.1. Mục đích khảo nghiệm

Tất cả các biện pháp đề ra trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên- Tỉnh Thái Nguyên. Trong đó mục đích khảo sát để tìm hiểu sự tán thành của các đối tượng tham gia đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất đó.

3.3.2. Nội dung khảo nghiệm

Tác giả đưa ra khảo nghiệm về mức độ cần thiết, mức độ khả thi và sự tương quan của các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi trong các trường mầm non TP Thái Nguyên.

3.3.3. Phương pháp khảo nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của giải pháp quản lý đưa ra thử nghiệm, luận văn sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu điều tra bằng phiếu, toán thống kê để khảo nghiệm, quan sát hoạt động của GV và hành vi của trẻ, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động của trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

** Cách cho điểm:*

Rất cần thiết, rất khả thi: 4 điểm

Cần thiết, khả thi: 3 điểm

Ít cần thiết, ít khả thi: 2 điểm

Không cần thiết, không khả thi: 1 điểm

** Thang đánh giá:*

Mức 1 (Rất cần thiết, rất khả thi): $\bar{X} = 3,25$ đến 4,0

Mức 2 (Cần thiết, khả thi):

$$\bar{X} = 2,5 \text{ đến } 3,24$$

Mức 3 (Ít cần thiết, ít khả thi): $\bar{X} = 1,75$ đến 2,49

Mức 4 (Không cần thiết, không khả thi): $\bar{X} < 1,75$

3.3.4. Đánh giá kết quả khảo nghiệm

Nhận xét:

Cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đánh giá cao tính cần thiết của các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi trong các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên đề xuất, thể hiện ĐTB chung $\bar{X} = 3,58$ (min = 1, max = 4).

Bảng 3.1. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Các biện pháp	SL	Tính cần thiết				$\bar{X}$	Thứ bậc
			Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
1.	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	86	18	1	0	3.8	1
		$\bar{X}$	3.28	0.51	0.01	0		
2.	Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	72	18	11	4	3.47	5
		$\bar{X}$	2.72	0.51	0.2	0.04		
3.	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.	SL	76	17	7	5	3.62	3
		$\bar{X}$	2.88	0.48	0.21	0.05		
4.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	SL	75	16	11	3	3.52	4
		$\bar{X}$	2.84	0.45	0.2	0.03		

5.	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất	SL	84	15	4	2	3.72	2
		$\bar{X}$	3.2	0.42	0.08	0.02		

	phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.							
6.	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	65	17	18	5	3.35	6
		$\bar{X}$	2.48	0.48	0.34	0.05		
Trung bình							3.58	

Mức độ cần thiết của các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống đề xuất được đánh giá có sự khác biệt. Các giải pháp quản lý được đánh giá có mức độ cần thiết cao hơn “*Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” với $\bar{X} = 3,8$, xếp bậc 1/6, “*Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” với $\bar{X} = 3,72$, xếp bậc 2/6... Các giải pháp quản lý được đánh giá có mức độ cần thiết thấp hơn “*Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” với $\bar{X} = 3,35$, xếp bậc 6 /6...

Bảng 3.2. Kết quả khảo nghiệm mức độ khả thi của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Các biện pháp	SL	Tính cần thiết				$\bar{X}$	Thứ bậc
			Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
1.	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	70	20	11	4	3.49	2
		$\bar{X}$	2.68	0.57	0.2	0.04		
2.	Tổ chức xây dựng kế	SL	59	18	12	16	3.12	5

	hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng	$\bar{X}$	2.24	0.51	0.22	0.15		
--	--	-----------	------	------	------	------	--	--

	sống cho trẻ ở các trường mầm non.							
3.	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.	SL	60	18	17	10	3.2	3
	X	2.28	0.51	0.32	0.09			
4.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	SL	55	24	11	15	3.11	6
	X	2.08	0.69	0.2	0.14			
5	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	81	16	6	2	3.67	1
	X	3.08	0.45	0.12	0.02			
6.	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	59	18	16	12	3.16	4
	X	2.24	0.51	0.3	0.11			
Trung bình							3.29	

Nhận xét:

Cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đánh giá cao mức độ khả thi của các biện pháp quản lý GD KNS cho trẻ 5-6 tuổi trong các trường mầm non TP Thái Nguyên đề xuất, thể hiện ĐTB chung $\bar{X} = 3,29$ (min = 1, max = 4).

Mức độ khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống đề xuất được đánh giá có sự khác biệt. Các biện pháp quản lý được đánh giá có mức độ khả

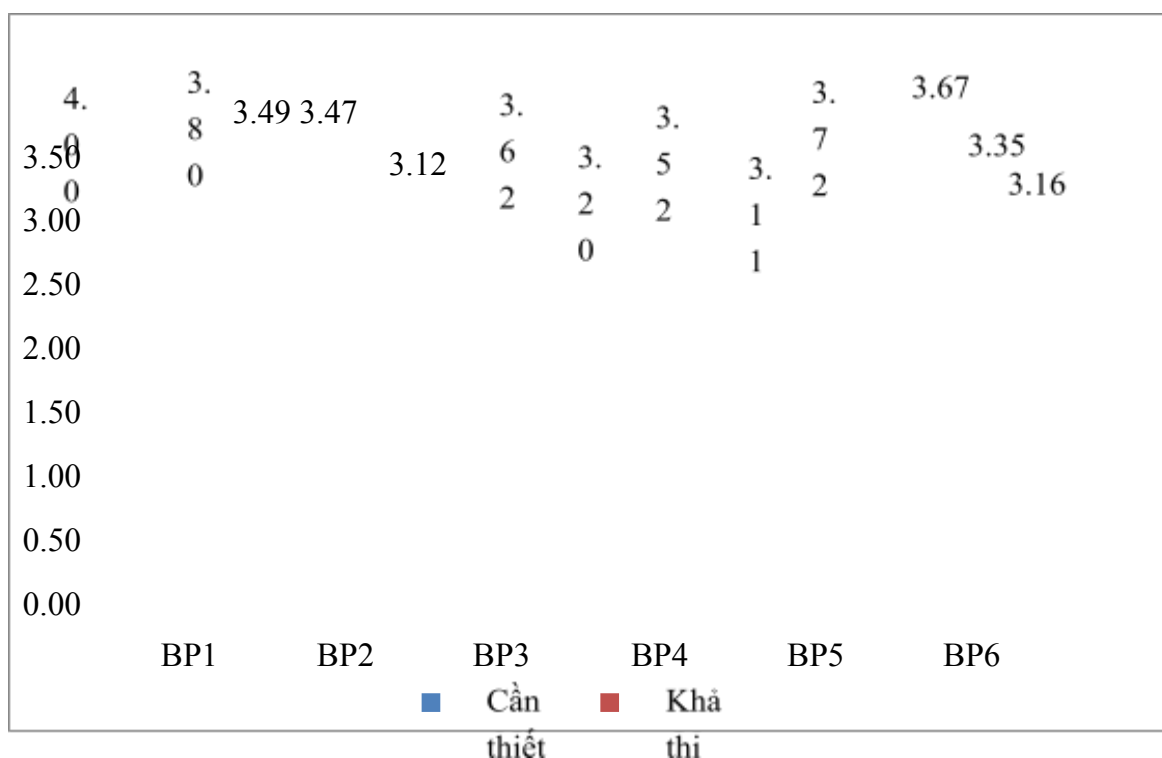
thi cao hơn “*Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” với $\bar{X} = 3,67$, xếp bậc 1/6, “*Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” với $\bar{X} = 3,49$, xếp bậc 2/6... Các giải pháp quản lý được đánh giá có mức độ khả thi thấp hơn “*Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.*” với $\bar{X} = 3,11$, xếp bậc 6 /6...

Xem xét mối quan hệ giữa các biến pháp đề xuất cho thấy: Giữa tính cần thiết và mức độ khả thi của các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi trong các trường mầm non TP Thái Nguyên đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

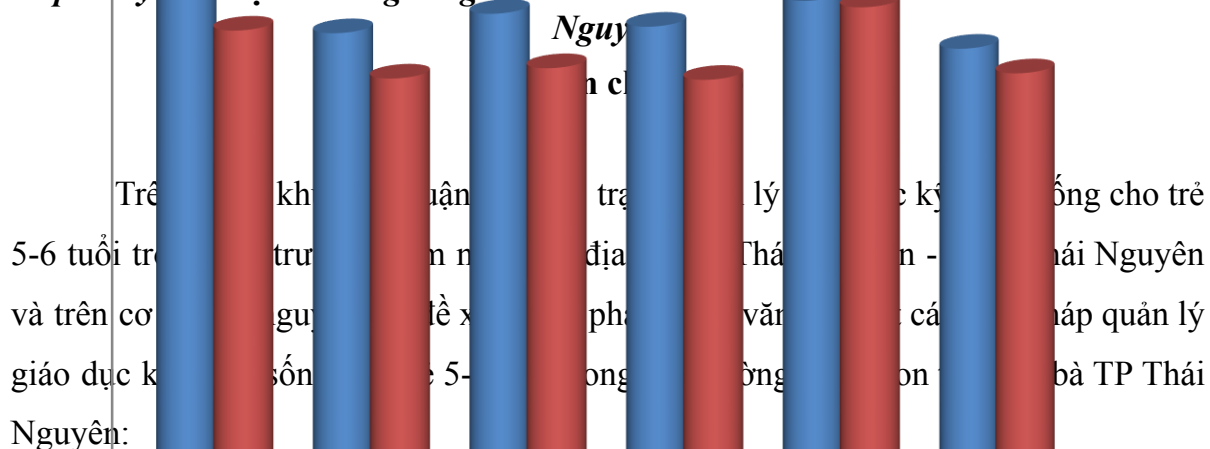
Luận văn sử dụng công thức tính tương quan thứ bậc Spieckman:

$$r = 1 - \frac{6 \sum D^2}{N(N^2 - 1)}$$

Kết quả $r \approx + 0,60$ cho phép kết luận tương quan trên là thuận và chặt chẽ, có nghĩa là giữa tính cần thiết và mức độ khả thi của các giải pháp quản lý GD KNS cho trẻ phù hợp và thống nhất với nhau, các giải pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ được đánh giá cần thiết ở mức độ nào thì cũng có mức độ khả thi phù hợp như: “*Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.*” có tính cần thiết và khả thi $\bar{X} = 3,47$ và 3,12, đều xếp thứ bậc 5/5. Giải pháp “*Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.*” $\bar{X} = 3,62$ và 3,2, đều xếp thứ bậc 3/3.



Biểu đồ 3.1. Mối tương quan giữa tính cần thiết và khả thi của các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên:



- 1) Tổ chức các kỹ năng sống cơ bản của trẻ mầm non hiện nay;
- 2) Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thực đáp ứng với yêu cầu hiện nay;
- 3) Tổ chức phối hợp tốt giữa các lực lượng trong nhà trường và gia đình trong việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên
- 4) Đổi mới kiểm tra việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên;

5) Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên.

Kết quả khảo nghiệm đánh giá cao tính cần thiết và khả thi của các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi. Luận văn thực nghiệm biện pháp: *“Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường MN TP Thái Nguyên - Tỉnh TN”*. Kết quả thử nghiệm khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong việc nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chất lượng kỹ năng sống của trẻ trong trường mầm non TP Thái Nguyên tỉnh - Thái Nguyên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở phân tích và hệ thống các tài liệu lý luận trong và ngoài nước, đề tài đã xác định được vấn đề nghiên cứu của luận Văn - *Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên* và khung lý luận cơ bản của luận văn bao gồm các vấn đề lý luận: kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi; giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên; quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên và các yếu tố ảnh hưởng. Nội dung quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên theo tiếp cận chức năng quản lý: lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống; tổ chức bộ máy giáo dục kỹ năng sống; chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên

- Tỉnh Thái Nguyên Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên bao gồm các yếu tố thuộc về cán bộ quản lý trong trường mầm non; các yếu tố thuộc về giáo viên và trẻ trong trường mầm non; các yếu tố thuộc về gia đình và xã hội; các yếu tố thuộc về môi trường và các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Kết quả khảo sát trên 105 giáo viên và cán bộ quản lý được trình bày qua các bảng số liệu và biểu đồ cho thấy bức tranh thực tiễn về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng quản lý. Cụ thể:

Kĩ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi được đánh giá ở mức độ khá và mức độ đáp ứng kĩ năng sống của trẻ đối với cuộc sống và hoạt động ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên cũng được đánh giá đáp ứng ở mức độ khá tốt.

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên được cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đánh giá mức độ khá. Quản lý giáo dục kỹ năng sống của hiệu trưởng thông qua các nội dung: lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, tổ chức nhân sự giáo dục kỹ năng sống; chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi được đánh giá thực hiện ở mức độ khá.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục kỹ năng sống của hiệu trưởng trường mầm non tư thục rất nhiều và thứ bậc mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như sau:

- 1- Các yếu tố thuộc về cán bộ quản lý;
- 2- Các yếu tố thuộc về môi trường và điều kiện cơ sở vật chất;
- 3- Các yếu tố thuộc về GV và trẻ;
- 4- Các yếu tố thuộc về gia đình.

Trên cơ sở khung lý luận và thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên và trên cơ sở các nguyên tắc đề xuất giải pháp, luận văn đề xuất các giải pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên: Xác định các kỹ năng sống cơ bản của trẻ mầm non hiện nay; Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên đáp ứng với yêu cầu hiện nay; Tổ chức phối hợp tốt giữa các lực lượng trong nhà trường và gia đình trong việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên; Đổi mới kiểm tra việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên; Tăng cường điều kiện cơ sở vật chất hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên. Kết quả thử nghiệm khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong việc nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chất lượng KNS của trẻ ở các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của trẻ về tinh thần, trí tuệ. Công tác quản lý giáo dục KNS có vai trò then chốt đối với hiệu quả và mục tiêu giáo dục KNS ở các trường mầm non. Quá trình quản lý của CBQL nhà trường đối với giáo dục KNS cho trẻ bao gồm 4 nội dung chủ yếu sau: lập kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ mầm non; tổ chức thực hiện; chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá thực hiện giáo dục KNS cho trẻ. Qua khảo nghiệm cho thấy các biện pháp luận văn đề xuất vừa có tính cần thiết vừa có tính khả thi.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Phòng GD&ĐT TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Tập hợp đội ngũ cán bộ, giáo viên tuyên truyền về vai trò quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống, đặc biệt đối với các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên. Yêu cầu chủ trường, cán bộ quản lý, các trường mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên học tập và thực hiện theo quy trình các văn bản quy định.

Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên các trường mầm non đặc biệt giáo viên mầm non địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Tổ chức hội thảo bàn về các vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Nghe báo cáo kinh nghiệm của các đơn vị làm tốt.

Tổ chức và nghe báo cáo của các đơn vị về hoạt động giáo dục kỹ năng sống xem những thuận lợi khó khăn cụ thể của từng đơn vị. Từ đó có tham mưu cụ thể cho cán bộ quản lý thực hiện trong tình hình của từng trường.

Tham mưu về cơ sở vật chất khi tham gia hoạt động này một cách hiệu quả.

Lấy kinh nghiệm cho các kế hoạch năm sau thực hiện tốt hơn

Tổ chức cho các đơn vị học tập mô hình lẫn nhau và chăm sóc kiến kinh nghiệm về hoạt động này. Tổ chức nêu gương tại Phòng Giáo dục các đơn vị thực hiện tốt và hiệu quả cao.

Trong kinh phí hàng năm của các đơn vị nên có nguồn kinh phí dành riêng cho các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, để hoạt động giáo dục kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống có hiệu quả.

2.2. Đối với các trường mầm non của TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

- Bám sát các văn bản thực hiện tốt hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Ban giám hiệu Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, vận động nhân dân và các doanh nghiệp, các mạnh thường quân hỗ trợ và tăng cường thực hiện xã hội hoá giáo dục, thu hút các nguồn lực tham gia vào hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục KNS cho trẻ nói riêng, nhằm tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học để phục vụ cho hoạt động giảng dạy và giáo dục của nhà trường.

Khuyến khích và động viên kịp thời những giáo viên có sáng kiến, có tinh thần tốt khi thực hiện hoạt động. Phối kết hợp giáo dục kỹ năng sống với cha mẹ học sinh cùng thực hiện nhiệm vụ chung thông qua các buổi hội thảo hay các buổi họp cha mẹ học sinh, các tuyên truyền về vai trò, sự cần thiết về giáo dục kỹ năng sống

cho trẻ trong độ tuổi mầm non. Tham khảo những ý kiến hay của cha mẹ học sinh đóng góp, nhằm nhân rộng cho nhiều người biết thực hiện tốt hoạt động này ngoài nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Võ Kỳ Anh (1998), *Giáo dục kỹ năng sống trong giáo dục sức khỏe cho học sinh*, Cục xuất bản - Bộ Văn hóa, Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống NXB Đại học sư phạm*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Thông tư số: 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 07 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông tư 28/2016/TT- BGDDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường mầm non và mẫu giáo*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Hiệu trưởng trường mầm non với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Hướng dẫn và rèn kỹ năng sống cho trẻ mầm non*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Bộ GD&ĐT (2013), *Phát triển năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư số: 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
9. Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020* (Ban hành kèm theo Quyết định số 710/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành XI, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*,

Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Phạm Minh Hạc (2001), *Phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Thu Hà, “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non”, *Tạp chí giáo dục mầm non*.
15. Trần Thị Minh Hằng (2011), *Tâm lý học quản lý*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
17. Bùi Minh Hiền (2011), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hòa (2011), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB ĐH sư phạm.
19. Ngô Công Hoàn (1995), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi từ lọt lòng đến 6 tuổi - tập 1-tập 2* - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
20. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Lê Xuân Hồng, Hồ Lai Châu, Hoàng Mai (2000), *Những kỹ năng mầm non, phát triển những kỹ năng cần thiết cho trẻ mầm non (tập 1,2,3)* NXB giáo dục.
22. Nguyễn Công Khanh (2012), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
23. Trần Kiểm (2012), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
24. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Từ và ngữ Hán Việt*, NXB Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.
25. Hồ Văn Liên (2007), *Tổ chức quản lý hoạt động giáo dục*, Trường Đại học sư phạm, TP Hồ Chí Minh.
26. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010), *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2012), *Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

28. Luật giáo dục năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. NXB, CTQG-ST, HN 2013.
29. Nguyễn Thị Oanh (2006), *Mười cách thức rèn kỹ năng sống cho trẻ vị thành niên*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
30. Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật giáo dục (sửa đổi, bổ sung 2009)*, Nxb Lao động, Hà Nội.
31. Nguyễn Bá Sơn (2000), *Một số vấn đề cơ bản về khoa học quản lý*, NXB, Trẻ. TP. Hồ Chí Minh.
32. Thông tư số 04/2014/TT-BGĐT (2014) của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về, *Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
33. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2007), *Giáo dục mầm non - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học sư phạm.

Tiếng Anh

34. Chu Shiu-Kee - Understanding Life skills (2003), *Báo cáo tại hội thảo “Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống”*, Hà Nội 23-25/10/2003.
35. Diane Tillman, Diana Hsu (2009), “*Những giá trị sống dành cho trẻ từ 3 - 7 tuổi*” NXB trẻ.
36. Xororokina A.I (1979), *Giáo dục mẫu giáo*, tập 1,2. Người dịch; Phạm Minh Hạc, Thế Trường, NXB Giáo dục.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. PHIẾU ĐIỀU TRA Mẫu 01. MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA (Dùng cho cán bộ, giáo viên)

Để có cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số nội dung sau (đánh dấu x vào ô lựa chọn). Các thông tin thu được từ bảng hỏi này sẽ được giữ kín và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Câu hỏi 01: ý kiến của quý thầy/cô, thì giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên hiện nay có vào trò như thế nào?

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ cần thiết		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Giáo dục phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho trẻ			
2	Góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ			
3	Hoạt động giáo dục KNS góp phần hình thành, phát triển các hành vi ứng xử có văn hoá			
4	Giáo dục KNS giúp trẻ sống chủ động, tính tích cực, tự tin hơn			
5	Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công			

Câu hỏi 02: Ý kiến của quý thầy/cô, thì nội dung giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên hiện đã thực hiện ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1	Nhóm kỹ năng về tự phục vụ bản thân			
2	Nhóm kỹ năng giao tiếp lịch sự lễ phép			
3	Nhóm kỹ năng hợp tác			
4	Nhóm kỹ năng thực hiện mọi công việc			
5	Nhóm kỹ năng ứng phó với Sự thay đổi			

6	Nhóm kỹ năng học tập			
---	----------------------	--	--	--

Câu hỏi 03: Trong giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên giáo viên đã hiện đã sử dụng phương pháp giáo dục nào?

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1	Phương pháp thuyết trình			
2	Phương pháp thực hành			
3	Phương pháp nghiên cứu tình huống			
4	Phương pháp động não			
5	Phương pháp đóng vai			
6	Phương pháp trải nghiệm			
7	Phương pháp giải quyết vấn đề			

Câu hỏi 04: Theo ý kiến của quý thầy/cô, thì trong giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên cần sử dụng hình thức nào dưới đây?

TT	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Chưa thường xuyên	Chưa thực hiện
1	Qua chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ khi ở trường			
2	Qua hoạt động có chủ đích			
3	Qua tổ chức các hoạt động vui chơi, dạo chơi cho trẻ			
4	Qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường			
5	Qua tổ hoạt động tự lập của trẻ khi ở trường			

Câu hỏi 05: Theo ý kiến của quý thầy/cô, để đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên cần sử dụng những cách thức nào dưới đây?

TT	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Thông qua giờ sinh hoạt của trẻ				
2	Thông qua các buổi học trên lớp				
3	Thông qua trao đổi với cha, mẹ trẻ				
4	Thông qua các bài tập rèn luyện kỹ năng của trẻ				
5	Thông qua quan sát trẻ hoạt động, giao tiếp của trẻ				

Câu hỏi 06: Theo ý kiến của quý thầy/cô, việc quản lý xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện như thế nào?

TT	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Khá	Yếu
1	Xác định mục tiêu, nội dung của hoạt động KNS cho trẻ em để lập kế hoạch			
2	Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em trong trường MN			
3	Xây dựng kế hoạch theo, tuần, tháng, năm, về hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em			
4	Xây dựng tham, gia các lớp tập huấn về giáo dục KNS cho trẻ em do Sở, PGD&ĐT tổ chức			
5	Xác định các biện pháp thực hiện kế hoạch giáo dục KNS			
6	Xây dựng KH phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường MN với hoạt động KNS cho trẻ em.			
7	Xây dựng kế hoạch, sử dụng nguồn kinh phí, chi phí giáo dục KNS cho trẻ em.			

Câu hỏi 07: Theo ý kiến của quý thầy/cô, việc tổ chức thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên

- tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện như thế nào?

TT	Hình thức giáo dục	Mức độ		
		Tốt	Khá	Chưa làm
1	Quản lý nội dung giáo dục KNS cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi			
2	Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ thông qua các giờ lên lớp theo chủ điểm xác định			
3	Quản lý việc bồi dưỡng giáo viên về tích hợp giáo dục KNS qua hoạt động dạy học			
4	Có cơ chế phối hợp giữa giáo viên và CBQL về xây dựng nội dung giáo dục KNS cho trẻ			
5	Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở giáo viên trong thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ			

Câu hỏi 08: Quý thầy/cô, cho ý kiến về kết quả quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên

- tỉnh Thái Nguyên hiện nay như thế nào?

TT	Nội dung quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ				
2	Quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng cho hoạt động giáo dục KNS cho trẻ				
3	Tích cực mua sắm tài liệu, đồ dùng dụng cụ, đồ chơi và phương tiện phục vụ cho giáo dục KNS cho trẻ				
4	Luôn phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi sáng tạo để phục vụ giáo dục KNS cho trẻ				
5	Tham mưu tốt về công tác hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị dạy học cho trẻ				

Câu hỏi 09: Theo Quý thầy/cô, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên đã được thực hiện như thế nào?

TT	Nội dung quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xác định tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em				
2	Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em				
3	Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp				
4	Phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp				
5	Sử dụng kết quả kiểm tra hoạt động giáo dục KNS để đánh giá cán bộ giáo viên trong toàn trường MN				

Câu 10: Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh TN

a. Tính cần thiết của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi.

TT	Biện pháp quản lý	Tính cần thiết			
		Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết
1	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
2	Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
3	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.				
4	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.				
5	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
6	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				

b. Tính khả thi của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi.

TT	Biện pháp quản lý	Tính khả thi			
		Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi	Không khả thi
1	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
2	Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
3	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.				
4	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.				
5	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				
6	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.				

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý thầy/cô.

Mẫu 02 MẤU PHIẾU ĐIỀU TRA
(Dùng cho phụ huynh học sinh)

Câu hỏi 01. Theo ý kiến của ông/bà, hoạt động giáo dục KNS cho học sinh ở các trường mầm non hiện nay có vai trò cần thiết như thế nào?

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ		
		Tốt	Khá	Chưa làm
1	GD phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao tiếp ứng xử của trẻ			
2	Góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ.			
3	Hoạt động giáo dục KNS góp phần rèn luyện các hành vi ứng xử có văn hóa cho trẻ.			
4	Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ chủ động, tích cực, tự tin hơn trong giao tiếp.			
5	Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công.			

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ông/bà

Phụ lục 02 KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU ĐIỀU TRA

Bảng 01. Vai trò của giáo dục KNS cho trẻ

TT	Nội dung khảo sát	ĐT KS	Mức độ cần thiết					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Giáo dục phát triển, rèn luyện KNS, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho trẻ	CB	20	80.0	5	20.0	0	0
		GV	50	62.5	30	37.5	0	0
		PH	50	33.3	75	50.0	25	16.7
2.	Góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	60	75.0	20	25.0	0	0
		PH	120	80.0	30	20.0	0	0
3.	Hoạt động giáo dục KNS góp phần hình thành, phát triển các hành vi ứng xử có văn hoá	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	74	92.5	6	7.5	0	0
		PH	107	71.3	25	16.7	18	12.0
4.	Giáo dục KNS giúp trẻ sống chủ động, tính tích cực, tự tin hơn	CB	25	100	0	0	0	0
		GV	68	85	12	15	0	0
		PH	130	86.7	18	12.0	2	1.3
5.	Hoạt động giáo dục KNS giúp trẻ hình thành, phát triển khả năng thích ứng và sống an toàn, khỏe mạnh, thành công	CB	21	84.0	4	16.0	0	0
		GV	62	77.5	14	17.5	4	5.0

		PH	125	83.4	17	11.3	8	5.3
--	--	----	-----	------	----	------	---	-----

**Bảng 02. Nội dung giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi tại
các trường mầm non TP Thái Nguyên**

TT	Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Nhóm kỹ năng về tự phục vụ bản thân	CB	22	88	3	12	0	0.0
		GV	72	90	6	7.5	2	2.5
2.	Nhóm kỹ năng giao tiếp lịch sự lễ phép	CB	21	84	4	16	0	0.0
		GV	70	87.5	10	12.5	0	1.4
3.	Nhóm kỹ năng hợp tác	CB	8	32	7	28	10	40
		GV	9	11.3	11	13.7	60	75
4.	Nhóm kỹ năng thực hiện mọi công việc	CB	7	28	15	60	3	12
		GV	61	76.3	8	10	11	13.7
5.	Nhóm kỹ năng ứng phó với Sự thay đổi	CB	5	20	20	80	0	0.0
		GV	15	18.8	61	76.2	4	5.0
6.	Nhóm kỹ năng học tập	CB	11	44	11	44	3	12
		GV	38	47.5	32	40	10	12.5

Bảng 03. Phương pháp giáo dục KNS cho trẻ trong trường mầm non

TT	Phương pháp	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Phương pháp thuyết trình	CB	20	80.0	5	20.0	0	0.0
		GV	68	85	10	12.5	2	2.5
2.	Phương pháp thực hành	CB	5	20.0	14	56.0	6	24.0
		GV	7	8.7	65	81.3	8	10
3.	Phương pháp nghiên cứu tình huống	CB	1	0.4	6	24	18	72
		GV	6	0.8	13	16.2	61	76.0
4.	Phương pháp động não	CB	10	40	12	48	3	12
		GV	38	47.5	34	42.5	8	10
5.	Phương pháp đóng vai	CB	19	75.0	4	15.0	2	10.0
		GV	55	78.6	6	8.6	9	12.8
6.	Phương pháp trải nghiệm	CB	14	56	9	36	2	8.0
		GV	32	40	40	50	8	10
7.	Phương pháp giải quyết vấn đề	CB	13	52	7	28	5	20
		GV	40	50	33	41.3	7	8.7

Bảng 04. Hình thức giáo dục KNS cho trẻ trong trường mầm non

TT	Hình thức	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Chưa thường xuyên		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Qua chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ khi ở trường	CB	4	16.0	18	72.0	3	12.0
		GV	8	10.0	62	77.5	10	12.5
2.	Qua hoạt động có chủ đích	CB	7	28.0	16	64.0	2	8.0
		GV	30	37.5	42	52.5	8	10.0
3.	Qua tổ chức các hoạt động vui chơi, dạo chơi cho trẻ	CB	15	60.0	6	24.0	4	16.0
		GV	65	81.3	5	6.2	10	12.5
4.	Qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường	CB	9	36.0	14	56.0	2	8.0
		GV	27	33.7	48	60.0	5	6.3
5.	Qua tổ hoạt động tự lập của trẻ khi ở trường	CB	10	40	9	36	6	24
		GV	30	37.5	35	43.7	15	18.8

Bảng 05. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

TT	Cách thức đánh giá	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Thông qua giờ sinh hoạt của trẻ	CB	18	72.0	5	20.0	2	8.0	0	0
		GV	52	65.0	23	28.75	5	6.25	0	0
2.	Thông qua các buổi học trên lớp	CB	18	72.0	5	20.0	2	8.0	0	0
		GV	62	77.5	14	17.5	4	5.0	0	0
3.	Thông qua trao đổi với cha, mẹ trẻ	CB	16	64.0	7	28.0	2	8.0	0	0
		GV	50	62.5	20	25.0	10	12.5	0	0
4.	Thông qua các bài tập rèn luyện kỹ năng của trẻ	CB	17	68.0	6	24.0	2	8.0	0	0
		GV	56	70.0	15	18.75	9	11.25	0	0
5.	Thông qua quan sát trẻ hoạt động, giao tiếp của trẻ	CB	18	72.0	4	16.0	3	12.0	0	0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0

Bảng 06. Quản lý xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên

TT	Nội dung kế hoạch	Đối tượng	Mức độ thực hiện					
			Thường xuyên		Không thường xuyên		Chưa thực hiện	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Xác định mục tiêu, nội dung của hoạt động KNS cho trẻ em để lập kế hoạch	CB	22	88.0	2	8.0	1	4.0
		GV	68	85	5	6.25	7	8.75
2.	Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em trong trường MN	CB	15	60.0	3	12.0	7	28.0
		GV	45	56.3	15	18.7	20	25.0
3.	Xây dựng kế hoạch theo, tuần, tháng, năm, về hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0
		GV	50	62.5	25	31.2	5	6.3
4.	Xây dựng tham, gia các lớp tập huấn về giáo dục KNS cho trẻ em do Sở, PGD&ĐT tổ chức	CB	20	80.0	5	20.0	0	0
		GV	45	56.3	35	43.7	0	0
5	Xác định các biện pháp thực hiện kế hoạch giáo dục KNS	CB	15	60.0	3	12.0	7	28.0
		GV	68	85.0	5	6.23	7	8.7
6	Xây dựng KH phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường MN với hoạt động KNS cho trẻ em.	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0
		GV	50	62.5	25	31.2	5	6.3
7	Xây dựng kế hoạch, sử dụng nguồn kinh phí, chi phí giáo dục KNS cho trẻ em.	CB	15	60.0	7	28.0	3	12.0
		GV	34	42.5	32	40.0	14	17.5

**Bảng 07. Tổ chức thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNS
cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên**

TT	Nội dung công việc	Đối tượng	Mức độ					
			Tốt		Khá		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%
1.	Quản lý nội dung giáo dục KNS cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi	CB	19	76.0	4	16.0	2	8.0
		GV	59	73.7	9	11.3	12	15.0
2.	Quản lý nội dung chương trình giáo dục KNS cho trẻ thông qua các giờ lên lớp theo chủ điểm xác định	CB	16	64.0	8	32	2	8.0
		GV	40	50	32	40	8	10
3.	Quản lý việc bồi dưỡng giáo viên về tích hợp giáo dục KNS qua hoạt động dạy học	CB	5	20.0	17	68.0	3	12.0
		GV	12	48.0	62	77.5	6	7.5
4.	Có cơ chế phối hợp giữa giáo viên và CBQL về xây dựng nội dung giáo dục KNS cho trẻ	CB	16	64.0	4	16.0	5	20
		GV	51	63.7	4	5.0	25	31.3
5.	Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở giáo viên trong thực hiện nội dung giáo dục KNS cho trẻ	CB	21	84.0	4	16.0	0	0
		GV	57	71.2	18	22.5	5	6.3

**Bảng 08. Quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giáo dục KNS
cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non TP Thái Nguyên**
Mức độ thực hiện

**Bảng 09. Kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục KNS
cho trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non**

TT	Nội dung kiểm tra	Đối tượng	Mức độ thực hiện							
			Tốt		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Xác định tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	20	80.0	5	20.0	0	0.0	0	0.0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0.0
2.	Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục KNS cho trẻ em	CB	3	12.0	20	80.0	2	8.0	0	0.0
		GV	8	10.0	60	75.0	12	15.0	0	0.0
3.	Kiểm tra việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp	CB	20	80.0	4	16.0	1	4.0	0	0.0
		GV	60	75.0	12	15.0	8	10.0	0	0.0
4.	Phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ em phù hợp	CB	1	4.0	3	12.0	21	84.0	0	0.0
		GV	18	22.5	10	12.5	52	65.0	0	0.0
5.	Sử dụng kết quả kiểm tra hoạt động giáo dục KNS để đánh giá cán bộ giáo viên trong toàn trường MN	CB	22	88.0	3	12.0	0	0.0	0	0.0
		GV	63	78.8	10	12.5	7	8.7	0	0.0

**Bảng 10. Đánh giá của CBQL giáo dục, giáo viên về
tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục KNS cho trẻ
ở các trường mầm non TP Thái Nguyên - Tỉnh TN**

a, Tính cần thiết của các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Các biện pháp	SL	Tính cần thiết				$\bar{x}$		Thứ bậc
			Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết	TT		
							1.	S	
							2.	Q	
							3.	T	
							4.	L	
							5.	T	
1.	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	86	18	1	0			1
		$\bar{x}$	3.28	0.51	0.01	0	3.8		
2.	Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	72	18	11	4			5
		$\bar{x}$	2.72	0.51	0.2	0.04	3.47		
	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non,	SL	76	17	7	5			

3.	bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.	$\bar{X}$	2.88	0.48	0.21	0.05	3.62	3
4.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	SL	75	16	11	3	3.52	4
		$\bar{X}$	2.84	0.45	0.2	0.03		
5	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	84	15	4	2	3.72	2
		$\bar{X}$	3.2	0.42	0.08	0.02		
6.	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	65	17	18	5	3.35	6
		$\bar{X}$	2.48	0.48	0.34	0.05		
Trung bình							3.58	

b. Tính khả thi của biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Các biện pháp	SL	Tính cần thiết				$\bar{x}$	Thứ bậc
			Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
1.	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	70	20	11	4	3.49	2
		$\bar{x}$	2.68	0.57	0.2	0.04		
2.	Tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	59	18	12	16	3.12	5
		$\bar{x}$	2.24	0.51	0.22	0.15		
3.	Chỉ đạo giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non, bảo đảm đúng kế hoạch, nội dung chương trình đã đề ra.	SL	60	18	17	10	3.2	3
		$\bar{x}$	2.28	0.51	0.32	0.09		
4.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	SL	55	24	11	15	3.11	6
		$\bar{x}$	2.08	0.69	0.2	0.14		
5	Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	81	16	6	2	3.67	1
		$\bar{x}$	3.08	0.45	0.12	0.02		
6.	Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non.	SL	59	18	16	12	3.16	4
		$\bar{x}$	2.24	0.51	0.3	0.11		
Trung bình							3.29	